

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN



ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH THUẬN LẦN THỨ XII (2010 - 2015)



BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY BÌNH THUẬN
THÁNG 12 - 2010



Các đại biểu viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Bảo tàng Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Bình Thuận trước giờ khai mạc Đại hội



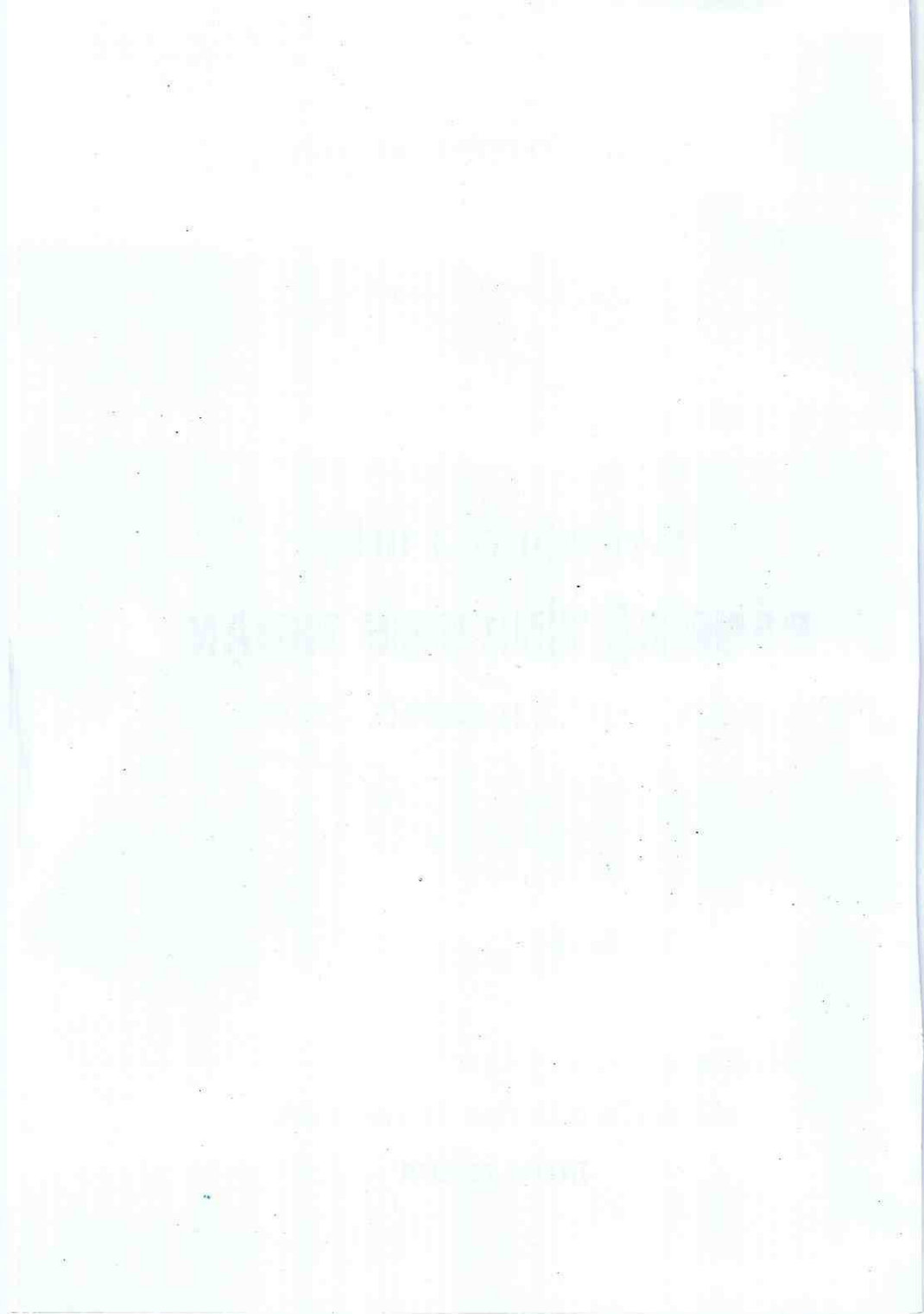
Đại biểu biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh
khóa XII

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH THUẬN
LẦN THỨ XII (2010 - 2015)

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY BÌNH THUẬN

THÁNG 12-2010



Lời Giới Thiệu

Với tinh thần dân chủ, đoàn kết nhất trí, nắm vững các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng và thể hiện đầy đủ trách nhiệm trước đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 - 2015 diễn ra từ ngày 28 đến ngày 30 tháng 9 năm 2010 tại thành phố Phan Thiết đã thành công tốt đẹp.

Đại hội đã thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến vào các Dự thảo Văn kiện của Trung ương trình Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ XI của Đảng; kiểm điểm kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI; kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2005 - 2010; đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đảng bộ tỉnh 5 năm tới; bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2010 - 2015 và Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh tham dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Trong niềm phấn khởi và tin tưởng vào tương lai phát triển của tỉnh nhà, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy nhằm đáp ứng kịp thời cho việc tuyên truyền, quán triệt nội dung Nghị quyết Đại hội XII của Đảng bộ tỉnh; đồng thời để ghi lại dấu ấn sự kiện chính trị trọng đại này - bên cạnh tập văn kiện chính thức của Đại hội do Tỉnh ủy phát hành, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tập hợp và xuất bản cuốn sách "Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 - 2015".

Nhằm củng cố cơ sở khoa học cho các nhận định, đánh giá trong Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XI, Ban Biên tập đã sử dụng một số bảng, biểu mẫu số liệu của Cục Thống kê và trích đăng các tham luận của các đoàn đại biểu tham dự Đại hội cùng một số nguồn tư liệu khác để các đồng chí tham khảo trong quá trình tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết Đại hội.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với các đồng chí và các bạn.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY

TỔNG QUAN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH THUẬN LẦN THỨ XII



**Đồng chí Trương Vĩnh Trọng - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng -
Phó Thủ tướng Chính phủ phát biểu chỉ đạo Đại hội. (*)**

Được sự đồng ý của Bộ Chính trị, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 – 2015 được tổ chức từ chiều ngày 27/9 đến sáng ngày 30/9/2010 (Đại hội trừ bị chiều ngày 27/9). Đại hội trân trọng chào đón đồng chí Trương Vĩnh Trọng - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng – Phó Thủ tướng Chính phủ về dự và chỉ đạo đại hội. Tham dự đại hội còn có Thứ trưởng Bộ Công thương Nguyễn Nam Hải; lãnh đạo và chuyên viên các ban Đảng và Văn phòng Trung ương...

(*) Hình ảnh trong tập sách này từ nguồn Báo Bình Thuận

Về phía tỉnh, có đồng chí Huỳnh Văn Tí - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Lê Tiến Phương - Phó Bí thư Thường Trực Tỉnh ủy ; đồng chí Huỳnh Tấn Thành - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh. Tham dự Đại hội có 349/350 đại biểu (gồm 41 đại biểu đương nhiệm và 308 đại biểu được bầu, vắng 01 đại biểu do bệnh), đại diện cho ý chí, trí tuệ của trên 22.000 đảng viên trong toàn đảng bộ tỉnh.

Đại hội đã trân trọng mời các đồng chí lãnh đạo tiền nhiệm (nguyên là Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy), đại diện các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động và một số đại diện lãnh đạo các tỉnh bạn, các ban ngành, đoàn thể, các báo, đài trung ương và địa phương tham dự Đại hội.

Trong ngày Đại hội trù bị, Đại hội đã thông qua chương trình, nội quy, quy định, thể lệ, quy chế làm việc...; bầu Đoàn Chủ tịch Đại hội 13 đồng chí, Đoàn Thư ký Đại hội 03 đồng chí, Ban thẩm tra tư cách đại biểu 05 đồng chí. Trong ngày làm việc đầu tiên của Đại hội chính thức, đồng chí Huỳnh Văn Tí - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy đọc diễn văn khai mạc Đại hội. Đồng chí đã nhiệt liệt chào mừng và cảm ơn đồng chí Trương Vĩnh Trọng - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng - Phó Thủ tướng Chính phủ; các đồng chí đại diện các ban ngành, trung ương và địa phương, các đại biểu của tỉnh về dự Đại hội. Đồng chí đã xác định những nội



Đồng chí Huỳnh Văn Tí - Ủy viên Trung ương Đảng - Bí thư Tỉnh ủy
đọc diễn văn khai mạc Đại hội.

dung quan trọng của đại hội và khẳng định Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ tỉnh có ý nghĩa lớn, đánh dấu bước tiến của toàn Đảng bộ; Đại hội sẽ xem xét, lựa chọn bầu ra Ban Chấp hành khóa XII của Đảng bộ, tiêu biểu cho phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, năng lực lãnh đạo tỉnh nhà trong thời kỳ mới góp phần cùng cả nước thực hiện sự nghiệp CNH - HĐH, vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Đại hội đã ghi nhận và hoan nghênh đoàn đại biểu thiếu niên của tỉnh đến phát biểu, tặng hoa chào mừng Đại hội và nhiều lẵng hoa của các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi về chúc mừng Đại hội.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội, đồng chí Lê Minh Thạnh báo cáo kết quả thẩm tra tư cách đại biểu; đồng chí Lê Tiến Phương - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy thay mặt đoàn chủ tịch trình bày dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII; đồng chí Huỳnh Văn Tí trình bày báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI. Đại hội được nghe bài phát biểu chỉ đạo Đại hội của đồng chí Trương Vĩnh Trọng – Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ. Đồng chí nhiệt liệt biểu dương những kết quả của đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà đạt được trong 5 năm qua. Đồng chí cho rằng, trong nhiệm kỳ XI các mục tiêu, kế hoạch đề ra đã được Đảng bộ tỉnh thực hiện với quyết tâm cao, rõ nhất là hệ thống thủy lợi được phát triển rộng khắp, đã biến mảnh đất khô cằn ngày nào trở thành vùng đất màu mỡ, trù phú. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt khá, tiềm năng lợi thế được khai thác tốt hơn, môi trường đầu tư khá hấp dẫn, thu hút đầu tư ngày càng nhiều. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp đang từng bước đi lên. Du lịch trở thành thương hiệu nổi tiếng trong, ngoài nước. Các hoạt động văn hóa xã hội, giáo dục chuyển biến tiến bộ và nâng lên một bước. Công tác xây dựng Đảng, đoàn thể có nhiều cố gắng, Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” được triển khai kịp thời, nghiêm túc, đạt kết quả bước đầu phấn khởi. Ngoài ra đồng chí cũng chỉ rõ 4 vấn đề tỉnh

cần tập trung giải quyết, tháo gỡ, đó là: công nghiệp phát triển chưa tương xứng; tăng trưởng GDP chưa cao; kết cấu hạ tầng còn yếu; nguy cơ ô nhiễm môi trường; hiệu quả hoạt động của bộ máy công quyền, hệ thống chính trị, các đoàn thể chưa cao...

Với tinh thần trách nhiệm cao, các đại biểu đã dành nhiều thời gian thảo luận đóng góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị và Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XI. Có 35 ý kiến đăng ký phát biểu thảo luận, trong đó 26 ý kiến phát biểu trực tiếp tại Đại hội (16 ý kiến tham gia trên lĩnh vực kinh tế - xã hội; 02 ý kiến về an ninh, quốc phòng; 08 ý kiến tham gia về công tác xây dựng Đảng; Ngoài ra, từng đại biểu đã biểu quyết (bằng phiếu) về các chỉ tiêu chủ yếu nêu trong dự thảo Nghị quyết Đại hội. Tham luận của các đại biểu đã phân tích làm rõ thêm Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ nhiệm kỳ qua. Đồng thời đề xuất những giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội và dân sinh của tỉnh nhà trong nhiệm kỳ tới.

Ngày làm việc thứ hai, Đại hội đã dành nhiều thời gian tập trung thảo luận các dự thảo Văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Có 18 ý kiến góp ý, trong đó có 04 ý kiến góp ý vào dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ (bổ sung và phát triển); 04 ý kiến góp ý vào dự thảo

chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2010 – 2020; 05 ý kiến góp ý vào báo cáo chính trị và 05 ý kiến góp ý vào dự thảo Báo cáo bổ sung sửa đổi Điều lệ Đảng. Sau khi kết thúc phần thảo luận, Đại hội đã lấy biểu quyết trực tiếp xu hướng 05 vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Kết quả 100% đại biểu thống nhất với nội dung vấn đề mà các dự thảo văn kiện Trung ương nêu ra. Ngoài ra từng đại biểu đã biểu quyết (bằng phiếu) về 23 nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ Đảng hiện hành. Nhìn chung, hầu hết các ý kiến tham luận đều phát huy tinh thần dân chủ, cởi mở, thẳng thắn, nghiêm túc và đầy trách nhiệm, tạo nên không khí thảo luận sôi nổi, đáp ứng tốt yêu cầu của Đại hội.

Cùng với quá trình thảo luận, Đại hội đã tập trung cho công tác bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII. Sau khi nghe Đoàn Chủ tịch báo cáo công tác chuẩn bị nhân sự, quán triệt những yêu cầu, tiêu chuẩn cấp ủy viên được quy định, cơ cấu số lượng, độ tuổi... Đại hội đã biểu quyết số lượng Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII (nhiệm kỳ 2010 - 2015) là 55 đồng chí và tại Đại hội đã bầu 53 đồng chí. Từng tổ đại biểu đã thảo luận, thống nhất cao phương hướng nhân sự và danh sách nhân sự Tỉnh ủy do Tỉnh ủy khóa XI giới thiệu bầu cử gồm 62 đồng chí (số đôi 16,98%), bảo đảm số dư theo quy định. Đại hội biểu quyết thông qua danh sách bầu cử và tiến hành bầu cử. Kết quả Đại hội bầu lần thứ nhất được 52/53 đồng chí. Do có 02 đồng chí có số



Toàn cảnh Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ XII.



Đại biểu Đại hội bỏ phiếu bầu cử BCH Đảng bộ tỉnh khóa XII.

phiếu bằng nhau và đạt trên 50% số phiếu bầu (65,62%). Đại hội thống nhất bầu bổ sung 01 đồng chí cho đủ số lượng 53 đồng chí.

Phiên họp đầu tiên của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII đã biểu quyết số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 15 đồng chí; Ủy viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy gồm 11 đồng chí (9 đồng chí chuyên trách, 2 đồng chí kiêm chức). Kết quả Tỉnh ủy đã bầu 14 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XII (khuyết 01 đồng chí sẽ bầu bổ sung trong nhiệm kỳ), bầu Bí thư và 02 Phó Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Huỳnh Văn Tí tiếp tục được tín nhiệm bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Lê Tiến Phương và đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy. Tỉnh ủy đã bầu 09 Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (08 ủy viên chuyên trách và 01 ủy viên kiêm chức), còn 02 đồng chí (01 chuyên trách, 01 kiêm chức) sẽ bổ sung trong nhiệm kỳ. Đồng chí Hoàng Đình Nghĩa - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được bầu làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Bước sang ngày làm việc cuối cùng của Đại hội (sáng 30/9/2010), các đại biểu đã tập trung quán triệt về yêu cầu, tiêu chuẩn đại biểu và cơ cấu của Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Đại hội đã bầu đoàn đại biểu dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI gồm 14 đại biểu chính thức và 1 đại biểu dự khuyết.

Sau khi công bố kết quả phiên họp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, các đồng chí trong Ban Chấp hành và Đoàn Đại biểu dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI ra mắt và phát biểu trước Đại hội. Thay mặt Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XII, đồng chí Huỳnh Văn Tí – Bí thư Tỉnh ủy tặng hoa cho 20 đồng chí nguyên là Ủy viên Ban Thường vụ, Tỉnh ủy viên không tiếp tục tham gia Tỉnh ủy khóa XII. Đại hội đã thông qua Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 - 2015.

Kết thúc 03 ngày làm việc khẩn trương và nghiêm túc, đồng chí Huỳnh Văn Tí – Bí thư Tỉnh ủy khóa XII đã đọc diễn văn bế mạc Đại hội. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 - 2015 đã thành công tốt đẹp! Đại hội kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh tiếp tục đoàn kết nhất trí, khắc phục khó khăn, nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, huy động mọi nguồn lực, khai thác tốt nhất tiềm năng và lợi thế, thúc đẩy kinh tế tỉnh nhà phát triển mạnh mẽ hơn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, quyết tâm phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 - 2015 của Đảng bộ tỉnh đề ra.

NỘI DUNG CHỦ YẾU
TRONG BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XI
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH
LẦN THỨ XII, NHIỆM KỲ 2010 - 2015

Phần thứ nhất

**THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XI
(Nhiệm kỳ 2005 - 2010)**

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

Năm năm qua, cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà đã nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, phấn đấu thực hiện Nghị quyết do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra, đạt được những kết quả quan trọng và tương đối toàn diện; trên từng lĩnh vực xuất hiện thêm những khả năng mới, nhân tố mới. Kinh tế tiếp tục phát triển, năng lực sản xuất, quy mô nền kinh tế tăng đáng kể; tiềm năng và lợi thế được khai thác ngày càng tốt hơn; các hoạt động văn hóa - xã hội có những chuyển biến tiến bộ; đời sống nhân dân nhìn chung tiếp tục ổn định và có cải thiện; các đối tượng chính sách, người nghèo được chăm lo tốt hơn; cơ sở vật chất và kỹ thuật được tăng cường; bộ mặt xã hội khởi sắc; quốc phòng, an ninh được giữ vững; dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng được phát huy; phong trào cách mạng của quần chúng được duy trì và phát triển; hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố và tăng cường. Những kết quả ấy tạo tiền đề thúc đẩy tình hình các mặt của tỉnh phát triển nhanh hơn và hiệu quả hơn trong thời gian đến.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU TỈNH BÌNH THUẬN

	Đơn vị tính	Mục tiêu	Thực hiện	Ghi chú
1. Tốc độ tăng GDP (kể cả thủy điện) b/quân hàng năm trong thời kỳ 2006 - 2010	%	14-14,5	12,84	
Nông lâm thủy sản	%	6,5-7,0	6,51	
Công nghiệp, xây dựng	%	19,5-20,0	15,82	
Dịch vụ	%	15,5-16	15,43	
2. GDP bình quân đầu người đến năm 2010	USD	1.000	1.093	
3. Cơ cấu kinh tế đến năm 2010				
+ Nông lâm thủy sản	%	20 - 21	20,5	
+ Công nghiệp xây dựng	%	39,5 - 40	34,9	
+ Dịch vụ	%	39 - 40	44,6	
4. Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2010	triệu USD	235	220	
5. Tỷ lệ thu ngân sách so GDP bình quân trong thời kỳ 2006 -2010 (không kể thu thuế tài nguyên dầu khí)	%	16,0	11,1	
6. Chi đầu tư XDCB so với chi NS ĐP bình quân trong thời kỳ 2006 - 2010	%	35,0	35,7	
7. Thu hút vốn đầu tư xã hội so GDP bình quân trong thời kỳ 2006 - 2010	%	54,0-56,0	53,0	
8. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến 2010	%	1,14	1,3	
9. Tỷ lệ hộ nghèo đến 2010	%	5,0	4,0	
10. Cơ cấu lao động nông lâm ngư nghiệp đến 2010	%	62,0	52,2	
11. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch nông thôn đến 2010	%	90,0	90,2	
12. Đạt chuẩn QG về phổ cập GDTHCS		Năm 2007	Năm 2007	
13. Đạt chuẩn QG về phổ cập GD tiểu học đúng độ tuổi		Năm 2008	Năm 2008	
14. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng đến 2010	%	Dưới 15	14,0	
15. Tỷ lệ xã phường đạt chuẩn QG về y tế đến 2010	%	100,0	100,0	
16. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến 2010	%	30,0	28,0	
17. Giải quyết việc làm bình quân hàng năm trong thời kỳ 2006 - 2010	1000 người	21,0	23,0	

(*) Các số liệu trong tập sách được trích từ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu 5 năm (2005 - 2010) và định hướng phát triển 5 năm (2011 - 2015) tỉnh Bình Thuận của Cục Thống kê tháng 9 năm 2010.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG GIỮA 2 THỜI KỲ TÍNH BÌNH THUẬN

	Tăng b/q hàng năm thời kỳ 2001-2005 (%)	Tăng b/q hàng năm thời kỳ 2006-2010 (%)
	1. Dân số trung bình	1,27
2. Lao động trong độ tuổi	2,83	2,55
3. Tốc độ tăng GDP	12,0	12,8
Nông lâm thủy sản	7,5	6,5
- Nông lâm nghiệp	7,0	6,5
- Thủy sản	8,8	6,5
Công nghiệp, xây dựng	16,2	15,8
- Công nghiệp	14,3	16,1
- Xây dựng	19,5	15,0
Dịch vụ	14,8	15,4
4. GDP bình quân theo USD	16,2	19,1
5. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	15,4	10,9
- Hải sản	22,4	4,6
- Nông sản	3,5	5,7
- Hàng hóa khác	26,2	30,7
6. Kim ngạch nhập khẩu	29,7	13,0
7. Thu ngân sách trên địa bàn (không kể thu thuế tài nguyên dầu khí)	28,8	18,4
- Trong đó: Thu thuế, phí lệ phí	34,3	20,7
8. Tổng chi ngân sách địa phương Trong đó: Chi đầu tư phát triển	27,5 37,0	15,3 12,6
9. Tổng vốn đầu tư xã hội	31,2	30,5
10. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	22,1	19,5

Ghi chú: Tốc độ tăng GDP thời kỳ 2001-2005 không có thủy điện

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

Đại hội khẳng định: 5 năm qua, cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà đã nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, phấn đấu thực hiện Nghị quyết do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra, đạt được những kết quả quan trọng và tương đối toàn diện; trên từng lĩnh vực xuất hiện thêm những khả năng mới, nhân tố mới. cụ thể là:

1. Nền kinh tế vượt qua nhiều thách thức, khó khăn, đạt tốc độ tăng trưởng khá và phát triển tương đối toàn diện.

Tổng sản phẩm nội tỉnh (GDP) tăng khá, bình quân 5 năm 2006 – 2010 đạt 12,8%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, đến năm 2010 tỷ trọng nhóm ngành nông lâm – thủy sản giảm còn 20,5% (mục tiêu 20,0 – 21,0%); công nghiệp – xây dựng tăng lên 34,9% (mục tiêu 39,5 – 40,0%); thương mại – dịch vụ tăng lên 44,6% (mục tiêu 39,0 - 40,0%); GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 1.093 USD, gấp 2,57 lần so với năm 2005. Một số chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra.

- Sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng nâng dần chất lượng, hiệu quả

+ Nét nổi bật là các công trình thủy lợi được tập trung đầu tư và nâng cấp, nhờ đó diện tích tưới chủ động tiếp tục được mở rộng, tạo điều kiện thâm canh, tăng vụ, hệ số sử dụng đất được nâng lên. Thu nhập trên một đơn vị diện tích

tăng từ 17 triệu đồng/ha (năm 2005) lên 34 triệu đồng/ha (năm 2009). Năm 2010, diện tích trồng thanh long đạt 13.000ha, tăng 30%; cao su đạt 33.400ha, tăng 67% so với kế hoạch. Đến năm 2010, năng suất lúa đạt 48,5 tạ/ha, bắp đạt 56,7 tạ/ha.

+ Công tác lâm nghiệp chuyển mạnh theo hướng xã hội hóa, nâng độ che phủ của rừng từ 36,7% (năm 2005) lên 38,4% (năm 2010). Trong 5 năm, diện tích rừng trồng mới đạt 29.456 ha, nâng tổng diện tích có rừng là 300.123 ha; nếu tính cả 84.000 ha cây dài ngày thì độ che phủ đạt 49,5%. Công tác quản lý, bảo vệ rừng được đẩy mạnh, số vụ vi phạm lâm luật giảm dần qua từng năm.

+ Kinh tế thủy sản tiếp tục phát triển theo hướng coi trọng chất lượng. Lượng tàu thuyền công suất lớn khai thác xa bờ gắn với các dịch vụ nghề cá trên biển tiếp tục tăng; nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển, mang lại hiệu quả cao. Đến cuối năm 2010 toàn tỉnh có 8.770 thuyền/610.000 CV, bình quân đạt 69,6 cv/thuyền; so với năm 2005 tổng công suất tăng 245.900cv; năm 2010, sản lượng khai thác đạt 170.000 tấn, tăng 22.537 tấn so với năm 2005, có 165 cơ sở sản xuất tôm giống, sản lượng 6,5 tỷ Post, tăng 42%; nuôi thủy sản nước lợ có 1.000ha, sản lượng đạt 5.540 tấn, tăng 3 lần; nuôi thủy sản nước ngọt có 1.495 ha, sản lượng 7.600 tấn, tăng trên 2 lần; nuôi hải sản trên biển được duy trì, sản lượng bình quân 300 tấn/năm.

NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2005	2006	2007	2008	2009	Ước 2010	BQ
								tăng, giảm h. năm thời kỳ 2006-2010 (%)

1. Diện tích gieo trồng

cây hàng năm	ha	179.653	187.687	189.021	193.153	191.466	192.000	1,34
trong đó								
1.1 Cây lương thực	ha	107.154	116.395	116.198	121.578	122.485	122.600	2,73
Lúa	ha	84.568	96.407	96.418	102.936	103.230	103.200	4,06
Bắp	ha	22.586	19.988	19.780	18.642	19.255	19.400	-3,00
1.2 Cây thực phẩm	ha	24.044	24.609	24.443	21.455	20.293	20.900	-2,76
Rau các loại	ha	4.674	6.152	6.294	6.010	6.374	6.800	7,79
Cây thực phẩm khác	ha	19.370	18.457	18.149	15.445	13.919	14.100	-6,15
1.3 Cây công nghiệp								
hàng năm	ha	26.052	20.798	19.785	17.063	20.669	20.860	-4,35
Đậu tương	ha	305	330	240	290	200	200	-8,09
Đậu phụng	ha	8.229	7.027	6.677	5.557	6.426	6.500	-4,61
Mía	ha	4.305	3.108	3.306	3.426	3.802	4.000	-1,46
Bông vải	ha	4.653	3.481	1.915	667	2.624	2.600	-10,99
Mè	ha	8.405	6.720	7.582	7.057	7.554	7.500	-2,25
Thuốc lá	ha	155	132	65	66	63	60	-17,29

2. Sản lượng một số cây hàng năm

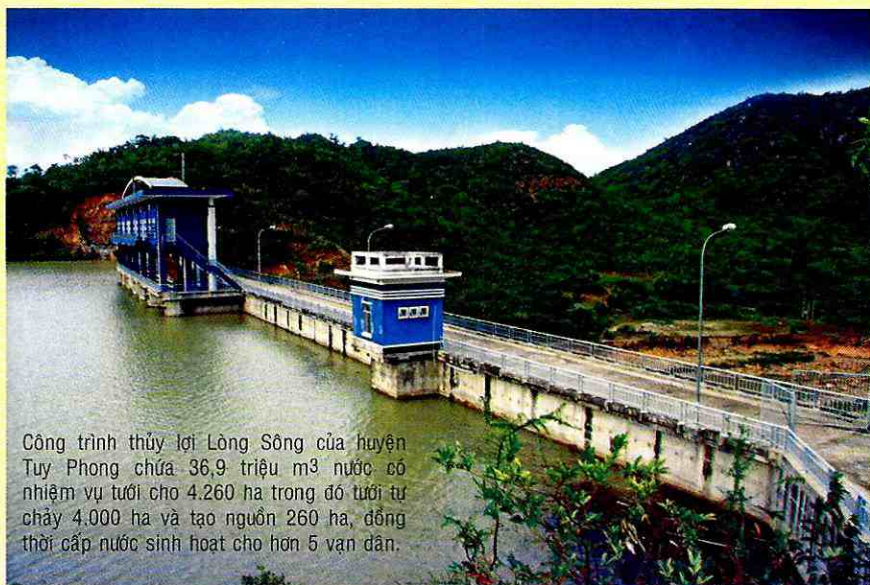
Lương thực	tấn	426.605	462.365	539.832	583.790	612.814	610.518	7,43
trong đó: + Lúa	tấn	333.408	361.001	435.125	482.202	505.630	500.520	8,46
+ Bắp	tấn	93.197	101.364	104.707	101.588	107.184	109.998	3,37
Rau các loại	tấn	37.772	50.032	48.527	45.201	55.864	55.760	8,10
Đậu tương	tấn	510	530	385	400	313	340	-7,79
Đậu phụng	tấn	8.637	6.493	6.727	6.008	6.977	7.150	-3,71

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2005	2006	2007	2008	2009	Ước 2010	BQ tăng, giảm h. năm thời kỳ 2006-2010 (%)
Mía	tấn	208.402	141.599	148.117	142.802	163.242	180.000	-2,89
Bông vải	tấn	5.147	4.047	2.046	647	3.117	3.120	-9,53
Mè	tấn	2.990	2.786	3.778	3.433	3.684	5.250	11,92
Thuốc lá	tấn	143	336	139	133	121	156	1,76
3. Diện tích cây lâu năm hiện có								
trong đó: + Cao su	ha	59.155	72.824	77.616	80.379	83.890	84.000	7,26
+ Cà phê	ha	12.515	16.680	20.538	25.713	28.459	33.400	21,69
+ Thanh long	ha	1.103	1.427	1.383	1.381	1.551	1.600	7,72
+ Hồ tiêu	ha	5.799	7.009	8.993	10.663	11.885	13.000	17,52
+ Điều	ha	2.164	2.129	2.091	1.927	1.929	2.000	-1,56
+ Điều	ha	25.216	32.271	30.971	27.826	26.736	27.500	1,75
4. Sản lượng một số cây lâu năm								
Cao su	tấn	6.518	9.405	12.332	15.376	17.595	18.400	23,07
Cà phê	tấn	1.365	1.463	1.378	1.347	1.435	1.200	-2,54
Thanh long	tấn	96.806	129.852	141.283	236.067	258.134	275.000	23,22
Hồ tiêu	tấn	2.346	2.322	2.326	2.351	2.605	2.700	2,85
Điều	tấn	15.409	12.843	17.565	13.377	11.935	19.300	4,61
5. Số lượng gia súc, gia cầm								
Bò	con	177.031	212.679	215.604	220.713	224.113	240.000	6,28
Lợn	con	268.354	266.114	260.922	263.022	274.253	300.000	2,25
Gia cầm	1000 con	2.593	1.703	1.781	2.116	2.271	2.500	-0,73
6. Sản lượng thịt xuất chuồng								
	tấn	31.643	36.116	32.088	33.159	34.118	40.000	4,80
7. Diện tích rừng trồng mới tập trung	ha	4.385	4.720	5.523	5.119	6.218	7.125	10,20

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2005	2006	2007	2008	2009	Ước 2010	BQ tăng, giảm h. năm thời kỳ 2006-2010 (%)
8. Diện tích rừng được chăm sóc	ha	5.546	4.768	5.067	2.749	4.606	5.000	-2,05
9. Diện tích trồng cây phân tán	ha	500	1.190	398	1.303	1.187	1.200	19,14
10. Sản lượng gỗ khai thác	m ³	36.680	37.107	38.428	36.667	15.766	15.000	-16,38
11. Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	2.014	2.303	2.247	2.156	2.150	2.150	1,32
trong đó:								
11.1. Diện tích nuôi thủy sản nước ngọt	ha	960	975	1.220	1.293	1.214	1.350	7,06
11.2. Diện tích nuôi nước lợ, mặn	ha	1.054	1.328	1.027	863	936	800	-5,37
12. Năng lực khai thác hải sản								
12.1. Số tàu thuyền cơ giới	chiếc	7.630	7.608	7.617	8.882	8.777	8.780	2,85
12.2. Tổng công suất tàu thuyền đánh bắt thủy sản	cv	364.500	402.607	440.126	543.892	597.279	602.214	10,56
12.3. Bình quân công suất/thuyền	cv	47,8	52,9	57,8	61,2	68,1	68,6	
13. Sản lượng khai thác hải sản								
trong đó								
Cá	tấn	82.460	90.844	99.359	100.288	101.119	101.000	4,14
Tôm	tấn	1.470	2.291	2.717	3.380	2.950	3.000	15,33
14. Sản lượng thủy sản nuôi trồng								
trong đó:								
Thủy sản nước ngọt	tấn	3.200	3.200	3.300	3.363	3.748	3.775	3,36
Thủy sản nước lợ	tấn	2.800	2.600	3.900	4.465	8.947	8.570	25,07

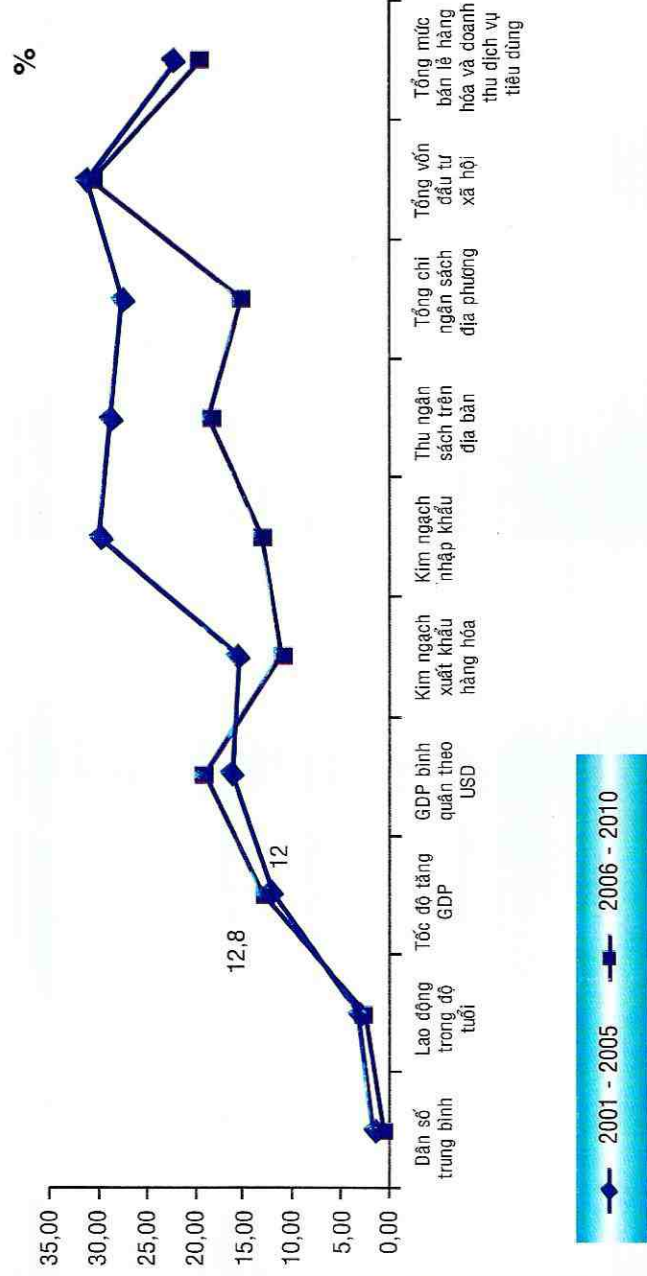


Nhà máy Phong điện 1 là dự án điện gió tại huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận có quy mô lớn đầu tiên tại Việt Nam do Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Việt Nam (REVN) làm chủ đầu tư, toàn bộ dự án sẽ hoàn thành vào năm 2011 và đi vào hoạt động với 80 tua-bin, có tổng công suất là 120 MW với vốn đầu tư hơn 2.000 tỷ đồng.



Công trình thủy lợi Lòng Sông của huyện Tuy Phong chứa 36,9 triệu m³ nước có nhiệm vụ tưới cho 4.260 ha trong đó tưới tự chảy 4.000 ha và tạo nguồn 260 ha, đồng thời cấp nước sinh hoạt cho hơn 5 vạn dân.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG QUA 2 THỜI KỲ MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU



- Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển khá

+ Cơ bản hoàn thành quy hoạch các khu công nghiệp - TTCN, đang triển khai đầu tư hạ tầng và thu hút đầu tư. Nhà máy thủy điện Đại Ninh và điện gió ở Tuy Phong được đầu tư xây dựng, đi vào hoạt động ổn định; mạng lưới phân phối điện được mở rộng.

+ Đã hình thành được một số cụm công nghiệp và làng nghề góp phần chuyển đổi cơ cấu sản xuất, lao động ở nông thôn, hiện có 21 làng nghề được công nhận, tỉnh đã hỗ trợ đầu tư một số làng nghề; có 28 doanh nghiệp đã chuyển đổi công nghệ sản xuất gạch ngói từ nung truyền thống sang công nghệ lò tuynel, lò VSBK đạt hiệu quả.

+ Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 16,4%/năm; các doanh nghiệp đã quan tâm đến việc đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của các sản phẩm lợi thế.

+ Các sản phẩm lợi thế như: nước mắm, nước khoáng Vĩnh Hảo, táo... tăng khá; có thêm một số sản phẩm mới như điện gió, nhựa composite, đồ gỗ trang trí nội thất, tole mạ màu. Trong đó khu vực nhà nước tăng 20,2%; khu vực dân doanh tăng 14,2%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 26,6%.

- Các ngành thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển tương đối mạnh.

+ Thị trường được mở rộng, lưu thông hàng hoá giữa các vùng, các địa bàn thông suốt, thuận lợi. Tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội tăng, bình quân 19,5%/năm. Khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng bình quân 10,2%/năm; luân chuyển hàng khách tăng bình quân 5,8%/năm. Toàn tỉnh có gần 1.000 cơ sở kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông, 93/96 xã nhận được thư báo trong ngày; số máy điện thoại phát triển nhanh, đạt 85,4 máy/100 dân, vượt 168% kế hoạch, tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 2,4 thuê bao/100 dân; hệ thống mạng LAN phát triển tương đối hoàn chỉnh.

+ Du lịch tiếp tục tăng trưởng khá; An ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và quản lý giá cả dịch vụ tại các khu, điểm du lịch nhìn chung có chuyển biến tiến bộ. Tổng lượng khách đến tỉnh du lịch, nghỉ dưỡng năm 2010 ước đạt 2.500.000 lượt người, tăng bình quân 14, 85%/năm; trong đó khách quốc tế năm 2010 ước đạt 250.000 lượt người, tăng bình quân 14,32%; chiếm 10% tổng lượng khách. Doanh thu năm 2010 ước đạt 2.500 tỷ đồng, tăng bình quân 32,5%/năm trong giai đoạn 2006 – 2010.

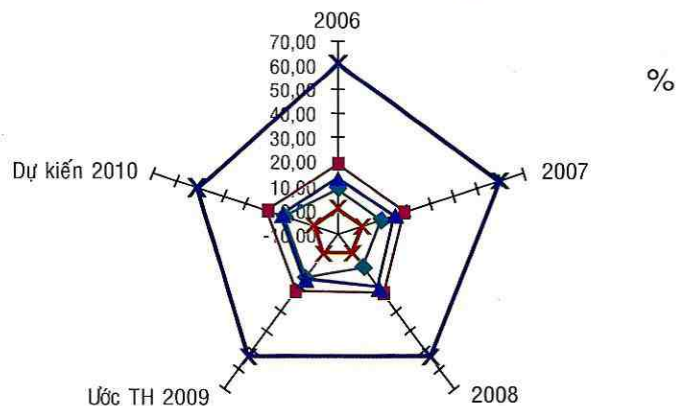
+ Hoạt động kinh tế đối ngoại tiếp tục có chuyển biến; kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 14,82%, năm 2010 đạt 220 triệu USD. Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có bước phát triển. Toàn tỉnh có 74 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 1.081 triệu USD, trong đó có 34 dự án đã hoạt động sản xuất kinh doanh, 13 dự án đang xây dựng, 2 dự án dừng xây dựng do vướng vị trí đầu tư nhà máy nhiệt điện và 25 dự án đang làm thủ tục thuê đất, thiết kế, đền bù giải tỏa. Tổng giá trị thực hiện các dự án việc trợ nước ngoài ước đạt 40 triệu USD, trong đó 34 triệu USD vốn ODA, 6 triệu USD vốn NGO, giá trị giải ngân đạt 36 triệu USD.

THƯƠNG NGHIỆP, XUẤT NHẬP KHẨU, DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ KHÁC

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2005	2006	2007	2008	2009	Ước 2010	BQ tăng, giảm h. năm thời kỳ 2006-2010 (%)
I. Thương nghiệp, xuất nhập khẩu								
1. Tổng mức bán lẻ hàng hoá xã hội	Tỷ đồng	6.753	8.302	9.825	12.028	14.007	16.500	19,56
2. Tổng kim ngạch xuất khẩu	1000 USD	110.635	124.534	163.153	195.954	180.673	220.809	14,82
trong đó :								
* Xuất khẩu hàng hóa	1000 USD	95.797	103.839	135.251	158.209	133.103	160.720	10,90
* Xuất khẩu dịch vụ du lịch	1000 USD	14.838	20.695	27.902	37.745	47.570	60.089	32,28
** Phân theo nhóm hàng hóa								
Hàng thủy sản	1000 USD	54.273	63.909	76.251	79.671	59.394	67.934	4,59
Hàng nông sản	1000 USD	26.322	16.025	25.924	28.070	28.006	34.794	5,74
Hàng hoá khác	1000 USD	15.202	23.905	33.077	50.468	45.703	57.992	30,71
Trong đó : Hàng may mặc	1000 USD	10.386	15.110	20.122	36.466	33.018	39.280	30,48
Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu								
Hải sản đông	Tấn	11.577	14.263	16.775	17.084	12.439	14.520	4,63
Hải sản khô	Tấn	1.746	1.791	1.946	1.179	673	950	-11,46
Quả thanh long	Tấn	22.323	27.523	31.315	29.530	25.805	29.846	5,98
3. Tổng kim ngạch nhập khẩu	1000 USD	35.214	35.200	58.065	82.427	67.500	65.000	13,04

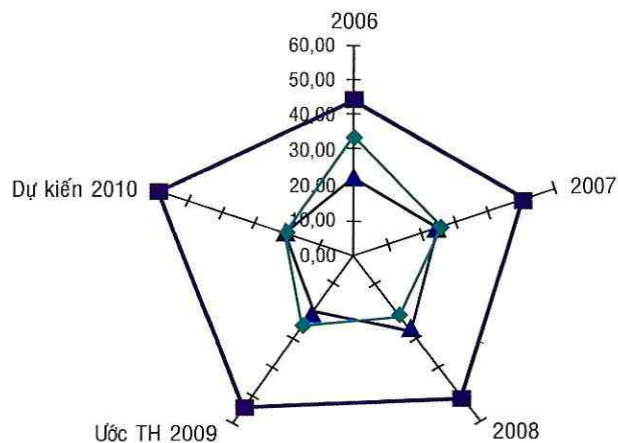
Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2005	2006	2007	2008	2009	Ước 2010	BQ tăng, giảm h. năm thời kỳ 2006-2010 (%)
II. Du lịch								
+ Doanh thu từ hoạt động du lịch	Tỷ đồng	611,3	803,4	1.060,8	1.424,1	1.891,0	2.500,0	32,54
+ Tỷ trọng GDP ngành du lịch chiếm trong GDP	%	3,67	4,09	4,28	4,42	4,94	5,18	
+ Số lượt khách phục vụ	Lượt khách	1.250.936	1.552.297	1.801.657	2.000.691	2.200.106	2.500.000	14,85
- Khách quốc tế		128.029	150.707	177.871	195.156	222.000	250.000	14,32
- Khách nội địa		1.122.907	1.401.590	1.623.786	1.805.535	1.978.106	2.250.000	14,91
III. Vận tải								
1. Khối lượng luân chuyển hàng hoá	1000 tấn.km	139.056	156.477	183.688	197.989	209.727	225.946	10,20
+ Đường bộ	"	136.486	153.437	180.406	193.652	205.215	221.536	10,17
+ Đường thủy	"	2.570	3.040	3.282	4.337	4.512	4.410	11,40
2. Khối lượng luân chuyển hành khách	1000 HK.km	380.411	431.142	441.255	460.768	477.784	504.084	5,79
+ Đường bộ	"	376.874	427.190	437.233	456.526	473.769	499.632	5,80
+ Đường thủy	"	3.537	3.952	4.022	4.242	4.015	4.452	4,71
IV. Bưu chính viễn thông								
1. Số thuê bao điện thoại /100 dân	thuê bao	13,6	20,4	40,9	73,7	122,2	125,9	
+ Số thuê bao cố định/100 dân	thuê bao	6,8	8,6	11,7	13,6	17,7	20,3	
+ Số thuê bao di động/100 dân	thuê bao	6,8	11,8	29,2	60,1	104,5	105,5	
2. Số thuê bao Internet	thuê bao	1.837	4.725	11.052	17.667	24.000	32.000	
3. Tỷ lệ người sử dụng Internet (quy đổi)	%					15,0	25,0	

CƠ CẤU THU NGÂN SÁCH QUA CÁC NĂM



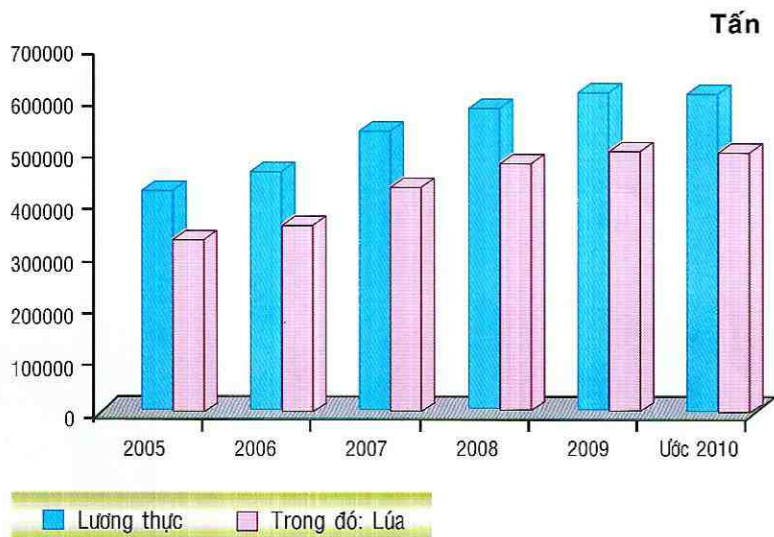
- ◆ Thu từ DN Nhà nước
- ▲ Thu từ DN có vốn đầu tư NN
- ✕ Các khoản thu còn lại
- Thu từ kinh tế ngoài QD
- ✕ Thu thuế SD đất nông nghiệp

CƠ CẤU CHI NGÂN SÁCH QUA CÁC NĂM

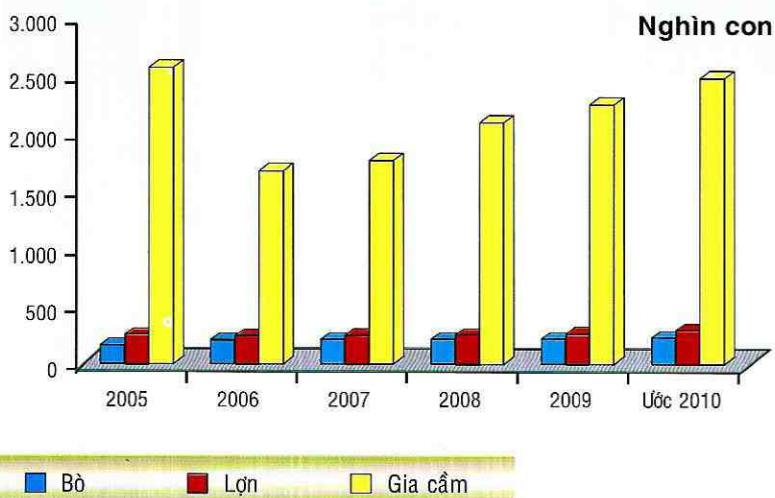


- ◆ Chi đầu tư phát triển
- Chi thường xuyên
- ▲ Các khoản chi còn lại

SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC



SỐ LƯỢNG GIA SÚC, GIA CẦM



- Công tác tài chính, tín dụng có tiến bộ, thu ngân sách tăng khá, các nguồn lực được huy động cho đầu tư phát triển nhiều hơn

+ Thu ngân sách nhà nước trong 5 năm (2006 - 2010) đạt 22.523 tỷ đồng, tăng bình quân 14,4%/năm; trong đó thu nội địa 9.327 tỷ đồng, tăng 18,4%/năm; tổng chi ngân sách nhà nước trong 5 năm là 14.331 tỷ đồng, cơ bản đáp ứng những nhu cầu thiết yếu. Hoạt động tín dụng, tiền tệ được mở rộng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vốn vay phục vụ sản xuất và kinh doanh. Đã trợ cấp giá xăng dầu cho ngư dân theo Quyết định 289/QĐ – TTg của chính phủ là 174,8 tỷ đồng và cho vay từ nguồn vốn kích cầu của Chính phủ 2.168,2 tỷ đồng, số tiền lãi vay đã hỗ trợ 75,6 tỷ đồng. Dự nợ tín dụng tăng bình quân 30,7%/năm.

+ Trong 5 năm đã huy động 44.500 tỷ đồng, chiếm 53% GDP; trong đó vốn đầu tư của các thành phần kinh tế ngoài nhà nước 32.000 tỷ đồng, chiếm 71,9% tổng số vốn huy động. Đầu tư từ ngân sách nhà nước được bố trí có trọng tâm, trọng điểm. Bước đầu đã thu hút được một số dự án đầu tư theo hình thức BOO, BOT trong một số lĩnh vực.

2. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ tiếp tục chuyển biến tiến bộ.

- Quy mô các ngành học, bậc học tiếp tục phát triển; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học được quan tâm đầu tư theo hướng chuẩn hóa. Chất lượng giáo dục các bậc học, cấp học tiếp tục được giữ vững. Năm 2010, tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi các cấp đến trường: nhà trẻ 7,5% (năm 2005 là 4,89%), mẫu giáo 58% (năm 2005 là 50,81%), tiểu học 99,9% (năm 2005 là 99,64%), trong đó tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,9% (năm 2005 là 99,89%), trung học cơ sở 82% (năm 2005 là 76,4%) trung học phổ thông 48% (năm 2005 là 44,5%); toàn tỉnh hiện có 100% xã, phường, thị trấn giữ chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học – chống mù chữ; đến nay đã có 127/127 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở, đạt 100%, tăng 79 xã, phường, thị trấn.

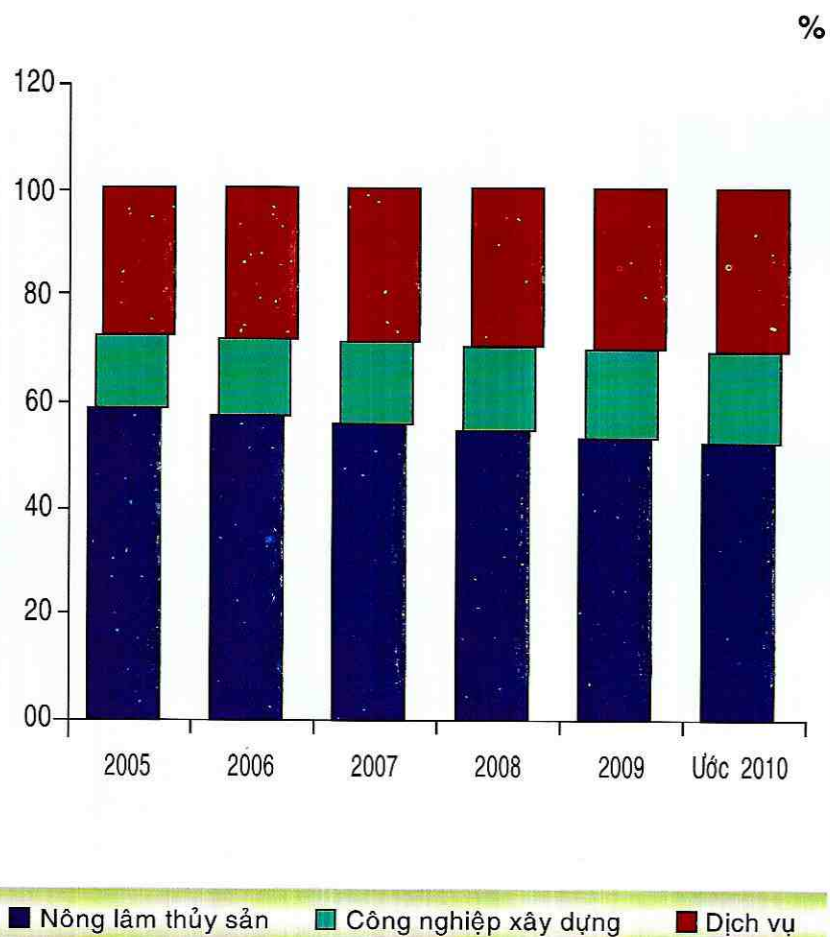
- Hoạt động khoa học công nghệ đã tập trung nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, hỗ trợ đổi mới thiết bị - công nghệ, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ, chỉ dẫn địa lý cho các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm lợi thế của tỉnh. Khoa học xã hội và nhân văn đã có nhiều cố gắng trong việc điều tra, nghiên cứu, cung cấp tư liệu, luận cứ khoa học phục vụ việc tôn tạo, phát huy các giá trị văn hoá dân tộc và đề xuất hoạch định chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.



Trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo. Công trình gồm 1 trệt, 3 lầu với tổng trị giá hơn 9 tỷ đồng.
Đây là công trình đạt chất lượng cao chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC TRONG CÁC NGÀNH KINH TẾ

1. Cơ cấu lao động theo nhóm ngành kinh tế



3. Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện khá tốt, đời sống đại bộ phận nhân dân được cải thiện; các hoạt động văn hóa xã hội chuyển biến tích cực.

- Đã triển khai nhiều giải pháp tích cực để giải quyết việc làm. Hệ thống các cơ sở dạy nghề tiếp tục được đầu tư và phát huy tác dụng ngày càng tốt hơn. Trong 5 năm 2006 – 2010 đã giải quyết việc làm cho 115.980 người, bình quân hàng năm tạo việc làm cho trên 23 ngàn người góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp thành thị đến 2010 xuống còn 4,33%, số người đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2006 – 2010 là 1.447 người, tăng 6,49 lần so với giai đoạn 2001 – 2005; tỷ lệ lao động trọng trong nông lâm ngư nghiệp năm 2010 là 52,2% (mục tiêu là 62%). Số lao động được đào tạo trong 5 năm là 29.358 người.

- Đời sống của các tầng lớp nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng được chăm lo ngày càng tốt hơn. Thực hiện tốt chính sách bảo trợ xã hội, bảo hiểm y tế cho người nghèo. Đã hoàn thành mục tiêu cơ bản xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo và cận nghèo trong toàn tỉnh. Trong 5 năm, đã huy động được 124.795 triệu đồng, xây dựng trên 11.600 căn nhà cho các hộ nghèo đã giảm được 21.429 hộ nghèo; bình quân mỗi năm giảm 4.285 hộ nghèo, tương ứng 2,04%/năm; đưa tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm xuống còn 4% vào cuối năm 2010, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (còn dưới 5%).

- Chất lượng khám và điều trị bệnh cho nhân dân được nâng dần. Các loại dịch bệnh được kiểm soát chặt chẽ hơn. Triển khai khá tốt các chương trình mục tiêu y tế quốc gia. Toàn tỉnh có 127/127 xã, phường, thị trấn có trạm y tế cấp IV; mạng lưới y tế thôn phát triển rộng khắp; 60% trạm y tế xã phường (76/127) có bác sỹ; bình quân toàn tỉnh có 5 bác sỹ/ vạn dân; hàng năm có 95% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 7 bệnh, tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 22% năm 2005 xuống còn 14%; tỷ lệ sinh hàng năm từ 0,09% (năm 2005) xuống còn 0,05%.

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, thể dục thể thao được đẩy mạnh và hướng về cơ sở. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được mở rộng và đi dần vào chiều sâu. Đến nay, toàn tỉnh đã phát động xây dựng 652/697 thôn – khu phố văn hóa, đạt 93,5%; 38/127 xã, phường, thị trấn văn hóa, đạt 29,2%; 230.689/242.089 hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, đạt 95,3%; 186.000/241.889 hộ đạt gia đình văn hóa, đạt 76,9%; 1.598/1.617 cơ quan, đơn vị đăng ký thực hiện nếp sống văn minh, đạt 92,6%; 160/696 điểm đạt chuẩn và giữ danh hiệu thôn – khu phố văn hóa, đạt 23,56%. Đã có 22/127 xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa. Đạt 17,3%; 458/696 thôn, khu phố có nhà văn hóa, đạt 65,8%.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2005	2006	2007	2008	2009	Ước 2010	BQ
								tăng, giảm h. năm thời kỳ 2006-2010 (%)

1. Lao động

- Số người lao động trong độ tuổi	1000 người	656	672	690	707	725	744	2,55
- Số lao động tham gia trong các ngành kinh tế	1000 người	525	541	557	574	592	609	3,01
Trong đó:								
+ Nông lâm thủy sản	1000 người	309	310	312	314	315	318	0,58
+ Công nghiệp xây dựng	1000 người	73	79	85	91	98	104	7,3
+ Dịch vụ	1000 người	143	152	160	169	179	187	5,51
- Cơ cấu lao động đang làm việc trong các ngành	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
Trong đó:								
+ Nông lâm thủy sản	%	58,9	57,3	56,0	54,7	53,2	52,2	
+ Công nghiệp xây dựng	%	13,9	14,6	15,3	15,9	16,6	17,1	
+ Dịch vụ	%	27,2	28,1	28,7	29,4	30,2	30,7	
- Số lao động được giải quyết việc làm	người	22.340	23.480	23.500	24.000	22.000	23.000	0,58
- Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị	%	5,2	4,7	4,3	4,8	5,2	5,1	
- Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn	%	75,7	76,2	76,6	77,1	77,5	78,0	
- Tỷ lệ lao động được đào tạo	%	14,6	16,5	19,5	22,5	25,5	28,0	

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2005	2006	2007	2008	2009	Ước 2010	BQ tăng, giảm h. năm thời kỳ 2006-2010 (%)
--------------	-------------	------	------	------	------	------	----------	--

+ Tỷ lệ lao động được đào tạo (qua trường lớp, từ 3 tháng trở lên, có bằng cấp) % 8,4 8,9 9,5 10,2 10,8 11,5

II. Giáo dục

- Số cháu đi nhà trẻ	cháu	2.824	2.977	3.386	3.375	3.428	6.000	16,27
- Số học sinh mẫu giáo	HS	35.183	32.722	34.135	37.060	38.745	41.100	3,16
- Số học sinh tiểu học	HS	128.894	119.560	113.837	109.815	109.870	109.600	-3,19
- Số học sinh Trung học cơ sở	HS	103.189	103.392	96.913	91.882	85.993	89.600	-2,78
- Số huyện đạt tiêu chuẩn phổ cập THCS	Huyện	1	5	10	10	10	10	58,49
- Số học sinh phổ thông trung học	HS	41.659	43.342	43.968	45.066	45.478	51.000	4,13
- Số người học đại học và cao đẳng	người	5.747	9.386	11.328	11.108	12.488	14.179	19,80
- Số người học trung học chuyên nghiệp	người	2.603	3.418	4.561	3.306	4.932	6.440	19,86
- Số người học Công nhân kỹ thuật	người	4.657	3.120	1.291				
- Tỷ lệ người biết đọc, biết viết	%	91,37	91,73	92,08	92,44	92,80	93,16	
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	1,79	2,10	2,78	3,78	4,37	6,70	
- Tỷ lệ xã phường đạt chuẩn quốc gia về PCGD trung học cơ sở	%	69,8	88,1	96,0	98,4	98,4	100,0	

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2005	2006	2007	2008	2009	Ước 2010	BQ tăng, giảm h. năm thời kỳ 2006-2010 (%)
--------------	-------------	------	------	------	------	------	----------	--

- Tỷ lệ xã phường đạt

chuẩn quốc gia về PCGD

tiểu học đúng độ tuổi	%	85,7	88,9	97,6	100,0	100,0	100,0	
-----------------------	---	------	------	------	-------	-------	-------	--

III. Y tế, văn hoá, xã hội

+ Tỷ lệ xã phường đạt

chuẩn quốc gia về y tế	%	34,9	52,4	63,8	75,6	86,6	100,0	
------------------------	---	------	------	------	------	------	-------	--

+ Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng	%	22,0	21,0	18,6	17,0	15,0	14,0	
----------------------------	---	------	------	------	------	------	------	--

+ Tỷ lệ xã có bác sỹ	%	83,6	64,2	49,2	51,1	54,3	60,0	
----------------------	---	------	------	------	------	------	------	--

+ Tỷ lệ hộ có hố xí hợp

vệ sinh	%	39,2	44,3	50,2	56,8	64,3	70,0	
---------	---	------	------	------	------	------	------	--

+ Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn

gia đình văn hóa	%	84,0	81,3	77,0	78,2	80,0	83,0	
------------------	---	------	------	------	------	------	------	--

+ Tỷ lệ thôn, khu phố

hộ đạt tiêu chuẩn thôn,

KP văn hoá	%	45,0	20,2	17,5	18,8	26,6	31,0	
------------	---	------	------	------	------	------	------	--

+ Tỷ lệ cơ quan đạt

danh hiệu nếp sống

văn minh	%	90,3	86,6	89,0	97,0	90,0	95,0	
----------	---	------	------	------	------	------	------	--

+ Tỷ lệ hộ sử dụng

nước sinh hoạt hợp

vệ sinh toàn tỉnh	%	86,6	87,9	89,2	90,5	91,8	93,1	
-------------------	---	------	------	------	------	------	------	--

+ Tỷ lệ hộ nông thôn

được sử dụng nước

sinh hoạt hợp vệ sinh	%	84,7	85,8	86,9	88,0	89,1	90,2	
-----------------------	---	------	------	------	------	------	------	--

4. Quốc phòng được củng cố và tăng cường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

- Công tác nắm và dự báo tình hình có tiến bộ. Công tác bảo vệ an ninh nội bộ, phòng chống nội gián, bảo vệ an ninh văn hoá - tư tưởng, an ninh kinh tế luôn được chú trọng; an ninh chính trị được giữ vững. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được mở rộng, chất lượng ngày càng được nâng lên. Sự phối hợp giữa các lực lượng trên địa bàn khá chặt chẽ; xử lý có kết quả các tình huống xảy ra. Liên tục mở nhiều đợt cao điểm tấn công trấn áp; ngăn chặn sự gia tăng tội phạm, giảm phạm pháp hình sự; tai nạn giao thông từng bước được kiểm chế.

- Công tác xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại được thường xuyên quan tâm; ngày càng chú trọng xây dựng bản lĩnh chính trị và sức chiến đấu của lực lượng, trước hết là trong cấp ủy, chỉ huy các cấp. Lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được tổ chức, quản lý, thường xuyên huấn luyện, củng cố và kiện toàn. Công tác gọi công dân nhập ngũ hàng năm đều đạt chỉ tiêu, chất lượng năm sau cao hơn năm trước. Quốc phòng, an ninh được giữ vững.

5. Bộ máy nhà nước các cấp trong tỉnh tiếp tục được xây dựng, củng cố; hiệu lực và hiệu quả quản lý, điều hành được nâng lên.

- Hoạt động của HĐND các cấp từng bước đổi mới. Chất lượng, hiệu quả các kỳ họp được nâng lên; các nghị quyết

ban hành ngày càng sát thực tế, có tính khả thi. Hoạt động giám sát đi dần vào nền nếp; hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn, tiếp xúc cử tri và tiếp công dân từng bước được cải tiến, nâng dần chất lượng và hiệu quả.

- UBND các cấp và các cơ quan chuyên môn được sắp xếp, củng cố, từng bước cải tiến phương thức hoạt động; khả năng nắm bắt, phát hiện, xử lý các tình huống xảy ra trên địa bàn có tiến bộ dần. Hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành trên nhiều lĩnh vực ngày càng tốt hơn.

- Cải cách hành chính được đẩy mạnh. Đã áp dụng rộng rãi cơ chế “một cửa liên thông” ở các đơn vị, địa phương trên các lĩnh vực: đất đai, đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, giải quyết chế độ chính sách... góp phần nâng ý thức trách nhiệm của cán bộ công chức, giảm dần tình trạng nhũng nhiễu, được nhân dân và doanh nghiệp đồng tình.

- Công tác cải cách tư pháp được triển khai kịp thời và đồng bộ, tòa án cấp huyện được tăng thẩm quyền xét xử các vụ án hình sự theo đúng lộ trình. Đội ngũ cán bộ được bổ sung và từng bước kiện toàn; công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ và lý luận chính trị được quan tâm; cơ sở vật chất của các ngành được cải tạo và đầu tư nâng cấp. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án ngày càng được nâng lên.

- Các biện pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí được thường xuyên chỉ đạo triển khai. Năm 2006 có 32 vụ, gây thiệt hại 3,1 tỷ đồng; năm 2007 có 38 vụ, gây thiệt hại 0,6 tỷ đồng; năm 2008 có 30 vụ, gây thiệt hại 5,6 tỷ đồng; năm 2009 có 19 vụ, gây thiệt hại 7 tỷ đồng.

6. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường; dân chủ xã hội chủ nghĩa được mở rộng, sức mạnh cộng đồng được phát huy tốt hơn.

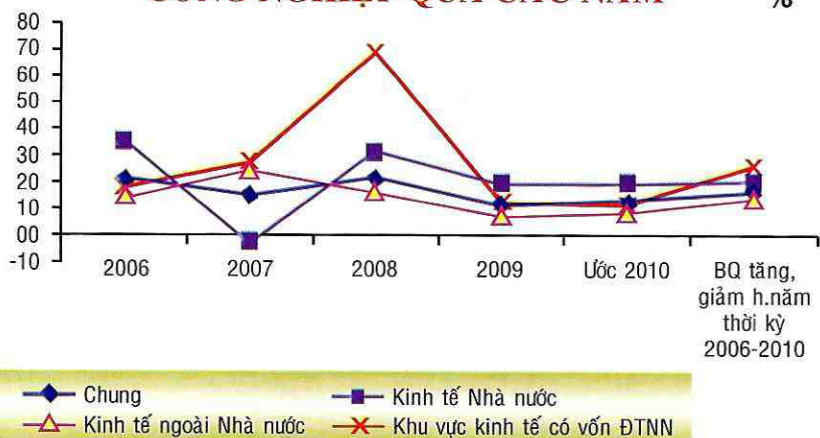
- Dân chủ trong Đảng, trong các cơ quan, đơn vị và trong xã hội được mở rộng. Công tác dân vận của hệ thống chính trị từng bước đổi mới. Khối đại đoàn kết toàn dân được thường xuyên củng cố, tăng cường. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân được phát huy ngày càng tốt hơn, chất lượng hoạt động từng bước nâng lên.

- Thông qua quy chế dân chủ ở cơ sở, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, trách nhiệm đối với cộng đồng và quyền làm chủ của nhân dân ngày càng được phát huy tốt hơn; huy động được nhiều nguồn lực cộng đồng cho đầu tư phát triển, chăm lo đời sống nhân dân, xây dựng bộ mặt khu phố (thôn), thực hiện các hoạt động nhân đạo, từ thiện...; tình làng nghĩa xóm được tăng cường.

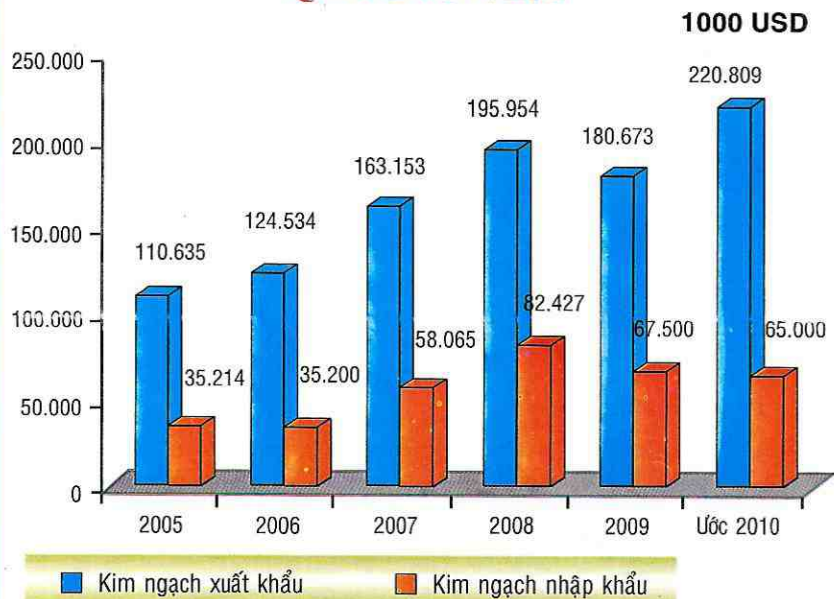
7. Công tác xây dựng Đảng có những chuyển biến tiến bộ.

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được các cấp uỷ quan tâm chỉ đạo, chất lượng và hiệu quả từng bước được nâng lên, tiếp tục coi trọng học tập, nghiên cứu chủ nghĩa

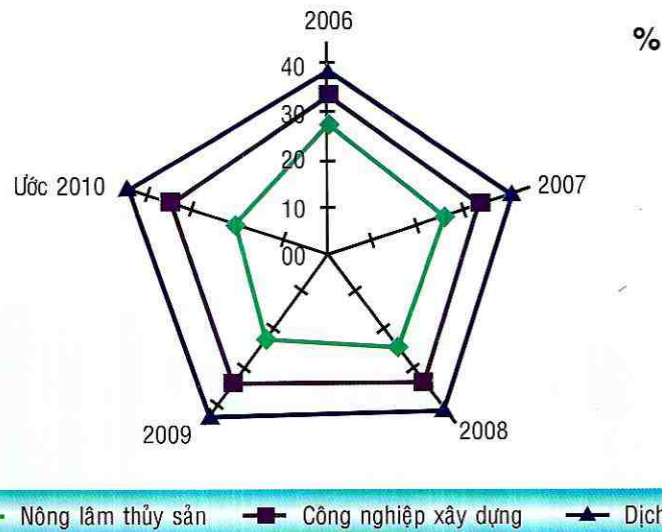
CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP QUA CÁC NĂM



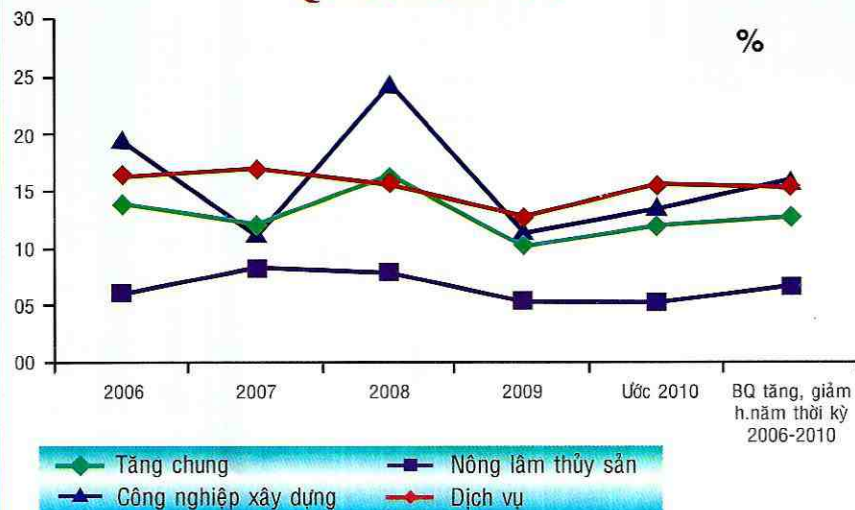
GIÁ TRỊ KIM NGẠCH XUẤT, NHẬP KHẨU QUA CÁC NĂM



CƠ CẤU GDP THEO NHÓM NGÀNH



TỐC ĐỘ TĂNG GDP THEO NHÓM NGÀNH QUA CÁC NĂM



Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh uỷ cho cán bộ, đảng viên. Công tác giáo dục, đấu tranh, phòng ngừa suy thoái về tư tưởng, chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống được thường xuyên chú trọng.

- Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” gắn với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng được triển khai nghiêm túc, chủ động, kịp thời và đều khắp; có sáng tạo, có trọng tâm, trọng điểm và đạt kết quả bước đầu. Xuất hiện ngày càng nhiều những tập thể và cá nhân điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh, bảo vệ an ninh Tổ quốc...

- Công tác cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách cán bộ được thường xuyên coi trọng và có một số tiến bộ. Công tác cán bộ nữ có chuyển biến hơn trước; cán bộ xã, phường, thị trấn, cán bộ dân tộc thiểu số và huyện Phú Quý, có bước trưởng thành về các mặt. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện trở lên cơ bản được chuẩn hoá.

- Công tác kiểm tra, giám sát, phúc tra được tiến hành thường xuyên, góp phần nâng cao ý thức chấp hành chỉ thị, nghị quyết, kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, ý thức tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, phấn đấu thực hiện vai trò, chức trách của cán bộ, đảng viên. Những vụ việc nổi cộm, tồn đọng được thường xuyên rà soát, xem xét giải quyết có kết quả.

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN 5 NĂM (2010 - 2015):

I. Mục tiêu chung:

Tiếp tục phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; Không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống chính trị; Huy động mọi nguồn lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế, thúc đẩy kinh tế tỉnh nhà phát triển theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa trên cơ sở cơ cấu công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp; Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế trong nước và quốc tế; Cải thiện đời sống nhân dân; Bảo vệ môi trường; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tạo chuyển biến rõ rệt, toàn diện và vững chắc các mặt của đời sống xã hội.

II. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt bình quân khoảng 13,0 - 13,5%/năm, trong đó: công nghiệp - xây dựng tăng 15,5 - 16,0%;

- Dịch vụ tăng 15,0 - 15,5%; nông, lâm, ngư nghiệp tăng 5,5 - 6,0%. GDP bình quân đầu người năm 2015 đạt khoảng 2.200 USD.

- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ; giảm tỷ trọng nhóm ngành nông - lâm nghiệp.

- Phần đầu đến năm 2015, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 44,0 - 45,0%; dịch vụ chiếm 43,0 - 44,0% và nhóm ngành nông lâm nghiệp chiếm 12,0 - 13,0% trong GDP.

- Huy động GDP vào ngân sách bình quân hàng năm (không kể các khoản thu trực tiếp từ dầu khí và thuế xuất nhập khẩu) là 11 - 12%. Chi đầu tư phát triển từ ngân sách tập trung so với tổng chi ngân sách địa phương bình quân hàng năm 35%.

- Đến năm 2015, đạt sản lượng lương thực 730.000 tấn; sản lượng cao su 40.000 - 45.000 tấn; sản lượng thanh long 400.000 tấn; kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 370 triệu USD. Thu hút vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP bình quân hàng năm 50%.

- Giải quyết việc làm bình quân hàng năm 24.000 lao động.

- Đến năm 2015, hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi; tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 25%; tỷ lệ lao động qua đào tạo bằng các hình thức đạt 55%;

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 0,92%; bình quân hàng năm giảm từ 1,5 - 1,7% hộ nghèo;

- 100% trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 9%; có 95% hộ nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Tỷ lệ độ che phủ rừng đến năm 2015 đạt 43,2%; giảm thiểu tình trạng khô hạn (cả về diện rộng và độ dài thời gian).

- Các đô thị mới và khu công nghiệp có hệ thống thu gom và xử lý chất thải đạt chuẩn quy định.

- Năm 2015, có 20 xã đạt các tiêu chuẩn nông thôn mới; có ít nhất 50% xã, phường vững mạnh toàn diện; có 80 - 85% xã, phường và cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ chiếm từ 1,6% đến 2% dân số.

- Đến năm 2015, phấn đấu có ít nhất 50% tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh; trung bình mỗi năm phát triển 1.400 đảng viên; 75 - 80% tổ chức Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh.

III. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển các ngành, các lĩnh vực, các vùng:

1. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng “Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp”; khai thác tốt tiềm năng và lợi thế của tỉnh

Phát triển công nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu; Tập trung trước hết vào nhóm sản phẩm lợi thế, sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường; Coi trọng phát triển công nghiệp điện năng, công nghiệp chế biến phục vụ xuất khẩu; Ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, thân thiện môi trường.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp hiện có, đồng thời từng bước triển khai đầu tư các khu công nghiệp đã được qui hoạch. Đôn đốc triển khai các dự án thủy điện, nhiệt điện, điện gió đã được chấp thuận đầu tư. Quản lý chặt nguồn nguyên liệu và tổ chức chế biến sâu các loại quặng, sản phẩm khai khoáng. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản theo hướng coi trọng chất lượng. Ở mỗi huyện triển khai hoàn chỉnh từ 1 - 2 cụm công nghiệp và làng nghề nông thôn.

Đầu tư phát triển du lịch chất lượng cao tạo điều kiện phát triển các ngành dịch vụ.

Tập trung củng cố, hoàn thiện, nâng chất lượng khu du lịch Hàm Tiến - Mũi Né; Tạo điều kiện phát triển nhanh du lịch về phía nam Phan Thiết đến La Gi và từng bước nối tuyến với Bắc Bình, Tuy Phong, Hàm Thuận Bắc... Phát triển du lịch sinh thái, thể thao, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh kết hợp với hội nghị, hội thảo... Đa dạng hóa và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và các loại dịch vụ phục vụ du lịch. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quảng bá; đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú ý đội ngũ hướng dẫn viên, đội ngũ quản lý, quản trị du lịch. Tăng cường quản lý nhà nước về môi trường (cả môi trường tự nhiên và xã hội).

Phát triển mạnh thương mại, dịch vụ, bảo đảm lưu thông hàng hóa nhanh, thuận tiện, thúc đẩy sản xuất phát triển, phục vụ tốt đời sống nhân dân.

Giữ vững thương hiệu và tiếp tục mở rộng thị phần các sản phẩm lợi thế: nước mắm, nước khoáng Vĩnh Hảo, tảo, thanh long... Đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm lợi thế của địa phương. Tạo điều kiện nâng cao năng lực và chất lượng các loại dịch vụ vận tải, dịch vụ tài chính, tín dụng, bưu chính viễn thông... đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế và sinh hoạt của nhân dân, ...

Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với giải quyết tốt các vấn đề nông dân, nông thôn.

Tập trung quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất nông nghiệp. Quản lý chặt và ổn định diện tích lúa khoảng 44.000 ha, tập trung chỉ đạo phát triển các loại cây chủ lực: thanh long, cao su, điều. Khuyến khích phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp; tăng cường công tác thú y, phòng chống dịch bệnh. Phát triển lâm nghiệp toàn diện theo hướng xã hội hóa. Đẩy mạnh trồng rừng gắn chặt với quản lý, bảo vệ rừng. Phát triển thủy sản toàn diện và bền vững; coi trọng nhiệm vụ bảo vệ, tái tạo nguồn lợi, nhất là nguồn lợi ven bờ. Khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ chế biến thủy sản, nâng cao chất lượng, đáp ứng xuất khẩu. Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản cả nước mặn, ngọt và lợ.

Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế.

Tạo môi trường thông thoáng kêu gọi các thành phần kinh tế cả trong và ngoài nước đầu tư phát triển trên tất cả

các ngành, các lĩnh vực mà pháp luật không cấm; tập trung khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh, khuyến khích đầu tư vào các vùng khó khăn, các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá, thể dục thể thao. Công khai hoá quy hoạch, cơ chế, chính sách, danh mục các công trình, các dự án kêu gọi, ưu đãi đầu tư... để các thành phần kinh tế lựa chọn và quyết định đầu tư.

Làm tốt công tác tài chính, tín dụng đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất - kinh doanh.

Quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu, lạm thu. Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách. Bố trí đầu tư phát triển năm sau cao hơn năm trước, ưu tiên trước hết cho các công trình trọng điểm, các nhiệm vụ trọng tâm; bảo đảm chi lương và các chế độ trợ cấp, phụ cấp và các chính sách an sinh xã hội. Làm tốt công tác huy động các nguồn vốn, bảo đảm đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh - doanh; ưu tiên cho vay phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu.

2. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hoá - thể dục, thể thao; giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc

+ Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng nền nếp, kỷ cương trong nhà trường, hạn chế thấp nhất tỷ lệ học sinh bỏ học;

giữ vững kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và xóa mù chữ. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học.

+ Phát huy có hiệu quả các chương trình khoa học - công nghệ, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong hoạt động sản xuất - kinh doanh. Làm tốt công tác nghiên cứu, phản biện, cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ các đề án phát triển kinh tế - xã hội.

+ Thực hiện đồng bộ các biện pháp vệ sinh phòng dịch; triển khai tốt các chương trình y tế quốc gia; khống chế và dập tắt kịp thời, không để các loại dịch bệnh lây lan. Tiếp tục cải tạo, nâng cấp hệ thống cơ sở y tế, đầu tư trang thiết bị theo hướng hiện đại gắn với coi trọng giáo dục, đào tạo, xây dựng đội ngũ thầy thuốc có y đức tốt, giỏi về chuyên môn.

+ Không ngừng nâng chất lượng và chuyển mạnh các hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao về cơ sở. Đưa phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*" đi vào chiều sâu. Làm tốt công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc.

+ Thông qua nhiều hình thức phù hợp, đẩy mạnh đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với giải quyết việc làm; quan tâm đúng mức các đối tượng nằm trong diện giải phóng mặt bằng, lao động nông thôn, bộ đội xuất ngũ, sinh viên, học sinh mới ra trường...

+ Đẩy mạnh hơn nữa phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo; giảm nghèo một cách vững chắc.

3. Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và có hiệu quả tài nguyên đất đai, khoáng sản và tài nguyên nước; tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

+ Bằng các biện pháp quản lý chặt quỹ đất công, quỹ đất chưa sử dụng, bảo đảm sử dụng đất đúng mục đích theo quy hoạch, đạt hiệu quả cao. Hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các loại đất, hoàn thành đo đạc bản đồ địa chính để từng bước đưa công tác quản lý đất đai vào nề nếp. Thường xuyên thanh, kiểm tra, xử lý nghiêm nhằm ngăn chặn có hiệu quả tình trạng lấn chiếm, sang nhượng đất trái phép.

+ Hoàn thành công tác quy hoạch các loại khoáng sản và tài nguyên nước; quản lý chặt và tổ chức khai thác theo quy hoạch, kế hoạch. Tháo gỡ những vướng mắc, chồng lấn giữa các qui hoạch để các dự án triển khai nhanh và thuận lợi. Xử lý nghiêm các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép, ô nhiễm môi trường. Quản lý, khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên nước.

+ Tăng cường các biện pháp ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường, nhất là ở các khu công nghiệp, khu du lịch, bệnh viện, đô thị và một

số vùng nông thôn. Xử lý nghiêm mọi hành vi gây ô nhiễm môi trường. Có kế hoạch chủ động nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, biến đổi khí hậu, ngăn chặn xâm thực. Tích cực trồng rừng, phát triển cây xanh ở các đô thị để góp phần cải thiện môi trường.

4. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại

+ Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng với tầm nhìn dài hạn. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tích cực nhằm huy động tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Đa dạng hoá các hình thức đầu tư. Xác định cụ thể danh mục các công trình quan trọng, chủ yếu để dồn sức chỉ đạo, huy động vốn, ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư phù hợp quy định. Tích cực tranh thủ nguồn vốn viện trợ, vốn hỗ trợ của Trung ương; tăng cường biện pháp khai thác các khoản thu từ quỹ đất để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội.

Trong 5 năm đến, tập trung đầu tư một số công trình lớn, quan trọng sau:

+ Đẩy nhanh tiến độ các công trình chuyển tiếp và đầu tư xây dựng các công trình thuỷ lợi, đồng thời tập trung nâng cấp, tu sửa các hồ đập, kiên cố hoá kênh mương.

+ Tranh thủ nguồn vốn Trung ương cải tạo và nâng cấp Quốc lộ 1A, xây dựng đường cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết, tuyến đường tránh thành phố Phan Thiết đến cảng Kê Gà và

cảng Sơn Mỹ; xây dựng tuyến đường ven biển; cải tạo và nâng cấp tuyến Lương Sơn - Đại Ninh, Quốc lộ 28 (nối với Lâm Đồng) và Quốc lộ 55 (thông suốt Bà Rịa - Vũng Tàu - Lâm Đồng); hoàn thành các tuyến giao thông ĐT 766 và ĐT 720; xây dựng mới cầu Trần Hưng Đạo, đường Lê Duẩn; nâng cấp cải tạo các tuyến tỉnh lộ, đường liên huyện, liên xã. Phát triển mạng lưới điện, thông tin liên lạc, đô thị ... Cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt, hoàn thiện hạ tầng ga mới Phan Thiết.

+ Đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp; phối hợp với Tập đoàn Than - Khoáng sản và các doanh nghiệp đầu tư xây dựng cảng tổng hợp và chuyên dùng Kê Gà, Vĩnh Tân, Sơn Mỹ, nâng cấp cảng Phan Thiết, Phú Quý và từng bước đầu tư các cảng, bến đỗ đường thủy nội địa, kêu gọi đầu tư sân bay...

+ Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án đầu tư nâng cấp chuẩn hoá cơ sở trường lớp, trạm y tế, cơ sở khám và điều trị bệnh và các thiết chế văn hoá.

5. Định hướng phát triển các vùng

+ Hình thành và phát triển không gian đô thị theo hướng văn minh, từng bước hiện đại gắn với phát triển mạnh kinh tế công nghiệp và dịch vụ, du lịch; tăng cường đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng, phấn đấu đạt chuẩn đối với các đô thị hiện có, từng bước chuẩn bị điều kiện cho các đô thị trong qui hoạch.

+ Phát triển toàn diện kinh tế biển cả về khai thác, chế biến, nuôi trồng; đồng thời phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, du lịch và công nghiệp. Gắn chặt kinh tế với quốc phòng, kiên quyết giữ vững an ninh vùng biển, đảo.

+ Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới; đưa việc thực hiện Nghị quyết 04 của Tỉnh uỷ (khoá X) đi vào chiều sâu, chăm lo tốt hơn đời sống đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội

+ Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh; gắn chặt phát triển kinh tế - xã hội với củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân. Coi trọng giáo dục ý thức quốc phòng toàn dân; xây dựng thế trận lòng dân; đẩy mạnh bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, nâng cao ý thức cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

+ Phối hợp chặt trong hoạt động của các lực lượng Quân sự - Công an - Biên phòng; triển khai đồng bộ và có hiệu quả các biện pháp bảo đảm giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; giữ vững an ninh kinh tế, an ninh văn hoá - tư tưởng, an ninh nông thôn. Nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Làm tốt công tác nắm và dự báo tình hình, phát hiện và xử lý có hiệu quả, kịp thời mọi

hành vi nhen nhóm phá hoại, gây rối của phần tử xấu và bọn phản động, không để bị động, bất ngờ; không để xảy ra “điểm nóng”. Tăng cường các biện pháp phòng chống làm giảm các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông. Ra sức xây dựng, nâng cao chất lượng toàn diện lực lượng Quân sự, Công an và Biên phòng, coi trọng chất lượng chính trị, trình độ sẵn sàng chiến đấu và hiệp đồng chiến đấu.

7. Ra sức xây dựng, nâng cao năng lực và hiệu lực quản lý, điều hành, quản lý của bộ máy nhà nước các cấp ở địa phương

+ Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân; chú trọng hoạt động giám sát. Đẩy mạnh cải cách hành chính trước hết là thủ tục hành chính; củng cố, xây dựng chính quyền cơ sở quản lý tốt địa bàn theo quy định của pháp luật. Phát huy đúng mức trách nhiệm và vai trò tham mưu của các ngành chức năng và của người đứng đầu từng cấp, từng ngành. Tăng cường kỷ luật trong quản lý hành chính.

+ Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49 của Bộ Chính trị. Xây dựng các cơ quan bảo vệ pháp luật ngày càng trong sạch vững mạnh, có đội ngũ đủ về số lượng, phẩm chất đạo đức tốt, tinh thông về nghiệp vụ. Không ngừng nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật. Tích cực phòng

ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm; tập trung trước hết vào các lĩnh vực: đất đai, tài nguyên - khoáng sản, cấp phép dự án, quản lý và sử dụng các nguồn vốn.

8. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân

+ Thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân theo hướng thực sự sâu sát với cơ sở, với các đối tượng quần chúng; phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận và các đoàn thể trong việc vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh; phát hiện và góp phần cùng với chính quyền giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân, xử lý có hiệu quả những vấn đề nảy sinh trong thực tế; thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội và tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

+ Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân; thông qua phong trào quần chúng để xây dựng thực lực chính trị ở cơ sở và củng cố tổ chức Mặt trận và các đoàn thể. Chăm lo tốt hơn đời sống đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách tôn giáo. Tăng cường vận động đồng bào định cư ở nước ngoài góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

9. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng

+ Đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động trong toàn Đảng bộ. Cải tiến phương pháp nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu, học tập, tuyên truyền các nghị quyết, chủ trương của Đảng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tiếp tục đưa Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đi vào chiều sâu. Mỗi đảng viên phải nêu cao ý thức tự giác học tập nâng cao trình độ các mặt, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, ra sức rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, phát huy tính năng động, sáng tạo trong công việc, tận tụy phục vụ nhân dân. Cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành, các tổ chức Đảng phải phát huy đúng mức vai trò nòng cốt, nêu gương. Khắc phục có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

+ Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở. Đặc biệt coi trọng công tác giáo dục, đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ; quan tâm đúng mức cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số; đặc biệt là cán bộ trẻ nhằm bảo đảm tính kế thừa trong đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành. Bố trí đúng cán bộ theo năng lực, sở trường; mạnh dạn đề bạt vượt cấp đối với những cán bộ trẻ có triển vọng, thay thế kịp thời những cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ; xử lý nghiêm

minh những cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm, không chịu rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật nhà nước, thoái hóa, biến chất.

+ Tập trung sức xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng các cấp; trước hết là năng lực vận dụng cụ thể hoá và năng lực tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đảng; nâng cao chất lượng sinh hoạt, tự phê bình và phê bình, khơi dậy cho được tinh thần đấu tranh xây dựng nội bộ. Giữ vững khối đoàn kết nhất trí nội bộ, trước hết trong ban chấp hành, ban thường vụ các cấp ủy trên cơ sở quán triệt và chấp hành nghiêm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

+ Tăng cường đúng mức công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp. Coi trọng công tác phúc tra sau kiểm tra. Đẩy mạnh đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong bộ máy các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể các cấp. Giải quyết tốt đơn thư tố cáo, khiếu nại. Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các ngành, các cấp trong công tác kiểm tra, giám sát; xử lý nghiêm minh, kịp thời những trường hợp vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước và các vụ việc tiêu cực.

+ Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp ủy đảng. Cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành phải đi sát cơ sở, sát

nhân dân, phát hiện và xử lý kịp thời những vấn đề nảy sinh trong thực tế theo phạm vi trách nhiệm của mình.

+ Ra sức xây dựng tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh nhà ngày càng vững mạnh, xứng đáng là cánh tay đắc lực và đội dự bị đáng tin cậy của Đảng bộ.

IV. Những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung lãnh đạo

1- Ra sức xây dựng và chỉnh đốn Đảng mà trọng tâm là nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và công tác cán bộ gắn với đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm và tiếp tục đưa Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” vào chiều sâu.

2- Bằng mọi biện pháp tích cực, tạo bước chuyển mạnh mẽ trong phát triển công nghiệp.

3- Huy động mọi nguồn lực cải tạo và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, tập trung trước hết vào hạ tầng các khu công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, điện; chú ý các xã nông thôn mới.

4- Coi trọng đúng mức công tác giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

5- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; khẩn trương tháo gỡ những vướng mắc trong các quy hoạch, đặc biệt là quy hoạch rừng, đất đai, khoáng sản, tạo cơ sở để thúc đẩy các mặt của tỉnh phát triển thuận lợi và bền vững.

6- Tập trung giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc về xã hội, trước hết là môi trường, trật tự xã hội, tình trạng khiếu kiện đông người.

**TỔNG HỢP Ý KIẾN PHÁT BIỂU TẠI ĐẠI HỘI
GÓP Ý VÀO DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA TỈNH ỦY
KHÓA XI TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH
LẦN THỨ XII**

Qua ý kiến phát biểu trực tiếp của các Đoàn đại biểu tại Đại hội và tổng hợp kết quả phiếu biểu quyết của các đại biểu dự đại hội góp ý vào dự thảo Báo cáo chính trị của Tỉnh ủy trình ra Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII; trước hết, Đoàn Chủ tịch rất hoan nghênh các đại biểu đã phát huy dân chủ, với tinh thần trách nhiệm cao, thảo luận sôi nổi, đóng góp nhiều ý kiến hay, góp phần vào sự thành công của Đại hội.

Những ý kiến phát biểu tại đại hội và những ý kiến đã đăng ký phát biểu, nhưng do thời gian có hạn nên đã gửi nội dung chuẩn bị phát biểu đến Đoàn chủ tịch, nhưng chưa được phát biểu; theo Quy chế làm việc đã được Đại hội thông qua, vẫn có giá trị như những nội dung phát biểu trực tiếp tại hội trường, Đoàn chủ tịch đã trực tiếp nghiên cứu vào những nội dung đó và tổng hợp đầy đủ vào báo cáo này. Nhìn chung, hầu hết ý kiến nhất trí cao với bố cục, nội dung báo cáo trình ra Đại hội. Nhiều ý kiến phân tích làm rõ thêm nhận định đánh giá và phương hướng, nhiệm vụ 5

năm tới, từ đó đề xuất với Đại hội nghiên cứu một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để triển khai thực hiện trong nhiệm kỳ đến. **Nổi lên một số vấn đề cụ thể sau đây:**

1. Về đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI. Các ý kiến đều thống nhất với dự thảo, cho rằng, 5 năm qua, đã đạt được những kết quả quan trọng, tương đối toàn diện; tạo tiền đề thúc đẩy tình hình các mặt của tỉnh nhà phát triển nhanh hơn trong thời gian đến. Tuy nhiên, cũng có ý kiến chưa thống nhất với nhận định *"trên từng lĩnh vực xuất hiện thêm những khả năng mới, nhân tố mới"* vì cho rằng đánh giá như dự thảo chưa rõ, những khả năng mới, nhân tố mới đó là gì ?

Đoàn chủ tịch cho rằng: Năm năm qua, bên cạnh những thuận lợi do sự nghiệp đổi mới tiếp tục tạo ra thế và lực mới cho nước ta nói chung và tỉnh ta nói riêng; tuy còn có những khó khăn, thách thức mới do ảnh hưởng sau khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế thế giới; thiên tai, dịch bệnh xảy ra ở nhiều nơi... Song trong hoàn cảnh đó, Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta đã đoàn kết, nỗ lực, phấn đấu thực hiện nghị quyết đạt được những kết quả quan trọng và tương đối toàn diện; trên từng lĩnh vực xuất hiện thêm những khả năng mới, nhân tố mới; đó là: diện tích gieo trồng được tưới chủ động tăng lên đáng kể nhờ hệ thống thủy lợi được đầu tư, nối mạng, việc ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap, dịch vụ hậu cần nghề cá, Tổ Đoàn kết đánh bắt hải sản, các mô hình luân canh,

xen canh; đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, phong điện...; kinh tế tiếp tục phát triển, năng lực sản xuất, quy mô nền kinh tế tăng đáng kể; tiềm năng và lợi thế được khai thác ngày càng tốt hơn; các hoạt động văn hóa - xã hội có những chuyển biến tiến bộ; đời sống nhân dân nhìn chung tiếp tục ổn định và có cải thiện; các đối tượng chính sách, người nghèo được chăm lo tốt hơn; cơ sở vật chất và kỹ thuật được tăng cường; bộ mặt xã hội khởi sắc; quốc phòng, an ninh được giữ vững; dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng được phát huy; phong trào cách mạng của quần chúng được duy trì và phát triển; hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố và tăng cường. Những kết quả ấy tạo tiền đề thúc đẩy tình hình các mặt của tỉnh phát triển nhanh hơn và hiệu quả hơn trong thời gian đến. Do đó, đánh giá như dự thảo: "... thực hiện Nghị quyết do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra, đạt được ***những kết quả quan trọng và tương đối toàn diện; trên từng lĩnh vực xuất hiện thêm những khả năng mới, nhân tố mới***" là phù hợp, đề nghị Đại hội cho giữ nguyên như dự thảo.

2. Về xác định các mục tiêu tốc độ tăng trưởng, thực hiện chuyển cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông lâm nghiệp và GDP bình quân đầu người năm 2015.

Các đại biểu đều nhất trí cao với mục tiêu về phát triển kinh tế trong 5 năm đến như dự thảo Dự thảo Báo cáo chính trị đã trình bày trước đại hội. Và đều cho rằng tuy

còn có những khó khăn yếu kém nhất định, nhưng trong 5 năm qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt bình quân 12,8%, vốn đầu tư không ngừng nâng lên; số dự án thu hút đầu tư tăng khá; diện tích gieo trồng được tưới và hệ số sử dụng đất tăng hơn, sản xuất công nghiệp đi dần vào thực chất, nhiều khu công nghiệp được qui hoạch, đầu tư hạ tầng, nhiều dự án sản xuất điện được triển khai tích cực, hoạt động du lịch phát triển nhanh, nhờ đó nền kinh tế đã đạt được nhiều kết quả nổi bật, khá toàn diện. Tuy vậy nền kinh tế vẫn còn một số yếu kém như quy mô nền kinh tế còn nhỏ, GDP bình quân đầu người chưa đạt mức bình quân chung của cả nước, sự yếu kém về kết cấu hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực thấp, sự chông chéo giữa các quy hoạch, quản lý, sử dụng tài nguyên hiệu quả thấp, lãng phí còn lớn... đã ảnh hưởng và làm chậm tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh.

Do đó, để thực hiện được các mục tiêu đề ra, các đại biểu đề xuất thực hiện một số giải pháp về: thực hiện các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh trong từng ngành, từng sản phẩm; đẩy mạnh xuất khẩu; khai thác tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước (vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý); tăng cường đào tạo, thu hút và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính và xây dựng quy hoạch chi tiết trên tất cả các lĩnh vực...

Đoàn chủ tịch nhận thấy, các đề xuất trên là hợp lý, tuy nhiên cũng xin nhấn mạnh, các giải pháp này cũng đã được nêu khá kỹ, đặc biệt là 6 nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong dự thảo Báo cáo chính trị.

3. Về tỷ lệ huy động GDP và tổng thu ngân sách nhà nước. Các ý kiến cho rằng: Các chỉ tiêu nói trên thể hiện kỳ vọng và quyết tâm của chúng ta trong việc xây dựng một ngân sách địa phương phát triển và chủ động trong cân đối thu chi. Tuy nhiên vấn đề đặt ra là cần có giải pháp nào để đạt được mục tiêu nêu trên trong nhiệm kỳ đến, bởi lẽ nếu không nêu ra được các giải pháp đúng thì chúng ta sẽ gặp khó khăn khi thực hiện mục tiêu đã đặt ra. Các đại biểu đều cho rằng để thực hiện các mục tiêu trên cần thực hiện các giải pháp về: Đẩy mạnh công tác quản lý, khai thác nguồn thu đi đôi với tăng cường bồi dưỡng nguồn thu; tích cực đẩy mạnh công tác quản lý hành thu, tăng cường kiểm tra chống thất thu; cụ thể hoá và triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách thuế mới; đề xuất với Trung ương các cơ chế chính sách thu như phân cấp mạnh hơn cho ngân sách địa phương; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn, cung cấp dịch vụ hỗ trợ tư vấn cho các đối tượng nộp thuế; đẩy mạnh khai thác nguồn thu từ quỹ đất; thu hút, huy động vốn đầu tư trực tiếp trong nước và ngoài nước đồng thời chú trọng bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ thường xuyên cho cán bộ, công chức ngành tài chính, thuế và kho bạc...

4. Về lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Các đại biểu đều thống nhất với nhiệm vụ, mục tiêu phát triển công nghiệp - TTCN trong 5 năm đến. Tuy nhiên, đại biểu cho rằng: nghiêm túc nhìn lại thì 05 năm qua công nghiệp tuy có phát triển nhưng vẫn còn khó khăn, ách tắc, việc đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp được coi là mấu chốt của thu hút đầu tư phát triển công nghiệp nhưng năng lực của các nhà đầu tư hạn chế, thi công chậm; các sản phẩm lợi thế chưa phát huy rõ hiệu quả; ngành công nghiệp chưa đóng vai trò chủ đạo là động lực để thúc đẩy các ngành kinh tế khác của tỉnh nhà phát triển. Do đó, để công nghiệp thực sự là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu trong phát triển kinh tế của tỉnh cần phải thực hiện một số giải pháp sau: Tiếp tục rà soát, bổ sung chỉnh sửa các quy hoạch cho phù hợp, sớm tháo gỡ những chướng ngại về quy hoạch công nghiệp với quy hoạch các ngành khác; huy động các nguồn lực, ưu tiên vốn đầu tư cho xây dựng kết cấu hạ tầng công nghiệp, trước hết là đầu hạ tầng các khu công nghiệp; tập trung đào tạo nguồn nhân lực có địa chỉ; Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất vi phạm về môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.

5. Về đầu tư phát triển du lịch. Các ý kiến đều cho rằng việc đánh giá và xác định mục tiêu phát triển du lịch như trong Dự thảo là phù hợp và có cơ sở lý luận, thực tiễn. Tuy nhiên để phát triển mạnh và bền vững trong thời gian

đến, cần: Hoàn thiện Quy hoạch phát triển du lịch đến năm 2020 tầm nhìn đến 2030 để giải quyết chồng lấn giữa du lịch và các ngành kinh tế khác; tạo sự yên tâm cho nhà đầu tư; đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch; phát triển du lịch dựa trên những lợi thế về địa lý, giá trị văn hóa và sự đa dạng dịch vụ với chất lượng cao; đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, giới thiệu thu hút khách du lịch; tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và tuyên truyền giáo dục nhận thức về phát triển du lịch cho nhân dân.

6. Về tiếp tục phát triển sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp theo hướng nâng dần chất lượng, hiệu quả. Các đại biểu đều bày tỏ sự thống nhất cao về đánh giá các kết quả đạt được, đồng thời minh chứng và làm rõ thêm các kết quả đạt được nổi rõ, qua đó đề xuất bổ sung thêm một số giải pháp để đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp trong 5 năm đến là: cần tiếp tục thực hiện Nghị quyết số: 26-NQ/TW của Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; nhanh chóng đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh, đẩy mạnh việc nghiên cứu, chuyển giao và áp dụng khoa học công nghệ phục vụ nông nghiệp; sản xuất hàng hóa có số lượng lớn và chất lượng, sức cạnh tranh cao, đảm bảo an toàn thực phẩm; tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; phát triển, xây dựng các doanh nghiệp, hợp tác xã chuyên hoạt động chế biến, buôn bán và

lưu thông sản phẩm nông nghiệp kết hợp với đầu tư kinh phí để thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại, thâm nhập thị trường.

7. Về quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản và môi trường. Các đại biểu thống nhất cao với dự thảo báo cáo, cho rằng nhận định trên là phù hợp, thời gian qua công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường luôn được quan tâm thực hiện, công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về môi trường đối với các cơ sở kinh doanh, các khu vực dân cư được tăng cường. Tuy nhiên để đáp ứng được yêu cầu đề ra, trong thời gian tới các đại biểu cho rằng cần tiếp tục kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ; đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị; thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm; phân công, phân cấp, xác định rõ trách nhiệm và giữa các ngành, các cấp; khẩn trương hoàn thành các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch các loại khoáng sản, các đề án bảo vệ môi trường; xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai; quản lý, sử dụng hợp lý nguồn nước ngầm, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng sụt lún, xói mòn. Riêng đối với việc thăm dò và khai thác cát đen (titan) được khá nhiều đại biểu quan tâm; đa số đại biểu đều cho rằng tình trạng khai thác cát đen sử dụng nước biển để tuyển quặng, làm hủy hoại môi trường, gây ô nhiễm nguồn nước.

Đoàn Chủ tịch hoàn toàn thống nhất với các kiến nghị và đề xuất của các đại biểu, đối với những vấn đề liên quan đến các đen, đây cũng là vấn đề trăn trở và suy nghĩ của Đoàn Chủ tịch và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ (khoá XI); vừa qua, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ (khoá XI) đã ban hành Thông báo số 995 TB/TU xác định một số nguyên tắc khi tiến hành thăm dò, khai thác cát đen và kiến nghị Chính phủ những vấn đề bức xúc của địa phương khi tiến hành thăm dò, khai thác các đen trên địa bàn tỉnh ta; trong thời gian tới Ban Thường vụ, Ban Chấp hành (khóa XII) sẽ tiếp tục quan tâm chú ý điều hành theo những gì đã xác định trong thời gian qua.

8. Về Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số. Các ý kiến đều cho rằng, Báo cáo chính trị đánh giá về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc của tỉnh trong 5 năm qua là sát với tình hình thực tế. Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhất là Nghị quyết 04 của Tỉnh uỷ (khóa X), cùng với các đề án, Chương trình 134, và 135 của Thủ tướng Chính phủ, tình hình dân sinh, kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số có chuyển biến đáng kể, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, chất lượng cuộc sống của đồng bào ngày càng được nâng lên, bộ mặt vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều khởi sắc. Lòng tin của đồng bào đối với Đảng và Nhà nước tiếp tục được củng cố. Tuy nhiên, so với

yêu cầu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều khó khăn. Do đó tỉnh cần tiếp tục thực hiện và phát huy có hiệu quả những thành quả Nghị quyết 04 của Tỉnh ủy (khóa X); tập trung nâng cao trình độ sản xuất cho đồng bào theo hướng sản xuất hàng hóa, thay đổi tập quán sản xuất; hoàn thiện và thực hiện đồng bộ các chính sách dân tộc, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát triển; giảm sự chênh lệch về khoảng cách giữa các dân tộc và giữa các vùng trong tỉnh; tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở; bảo tồn, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc trong tỉnh.

9. Về đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hoá - thể dục, thể thao; giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc. Các đại biểu đều thống nhất với những mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong báo cáo. Tuy nhiên đều phân vân và cho rằng: Nhiệm vụ trong 5 năm đến khá nặng nề, đặc biệt chúng ta phải huy động sức mạnh của toàn Đảng bộ, toàn dân để thực hiện cho bằng được các chỉ tiêu về hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 55%; đặc biệt là giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm từ 1,5 đến 1,7%... đồng thời cũng thống nhất với nhận định "đời sống vật chất và văn hoá

của nhân dân một số vùng còn khó khăn. Công tác giảm nghèo chưa thực sự vững chắc, khả năng tái nghèo ở một số địa phương còn cao". Vì cho rằng: phần lớn kết cấu hạ tầng chưa được đầu tư, xây dựng đồng bộ, nhất là giao thông, trường học, nhiều nơi hệ thống nước sạch sinh hoạt, điện thấp sáng chưa đảm bảo... Mặt khác, trình độ dân trí còn thấp, điều kiện, phương tiện sản xuất chưa phát triển; mức thu nhập bình quân đầu người/tháng còn thấp nhưng lại không ổn định, đời sống của một số lao động nông thôn hiện nay vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Đoàn Chủ tịch nhận thấy: Những mục tiêu đặt ra trên lĩnh vực xã hội là những vấn đề lớn, vừa mang tính cấp bách vừa lâu dài. Thời gian qua với cách làm khá sáng tạo và sâu sát chúng ta thu được nhiều kết quả đáng khích lệ: Tỉnh ta đã hoàn thành việc phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; cơ bản hoàn thành mục tiêu xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo và hộ cận nghèo; giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 4%, đồng bào dân tộc thiểu số được cấp đất sản xuất, vay vốn chăn nuôi, đời sống của đồng bào, bộ mặt nông thôn, miền núi được cải thiện đáng kể... Đoàn Chủ tịch thống nhất cao với các kiến nghị, các giải pháp đề xuất của các đồng chí đại biểu để thực hiện đạt và vượt các mục tiêu đã được đề ra trên lĩnh vực văn hoá – xã hội. Đồng thời nhấn mạnh thêm, trong thời gian tới, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh cần phát huy mạnh mẽ kết quả

đạt được, tiếp tục đẩy mạnh và thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu, các giải pháp căn bản, đồng bộ, thiết thực nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe và chăm lo tốt hơn đời sống của các tầng lớp nhân dân trong đó cần đặc biệt chú trọng đến đời sống của các gia đình có công với cách mạng và đồng bào dân tộc thiểu số...

10. Về thu gom và xử lý chất thải đạt chuẩn qui định.

Các đại biểu đều cho rằng: Việc đầu tư xây dựng hệ thống thu gom xử lý rác thải, nước thải đối với các khu công nghiệp là một quy định mang tính bắt buộc; đối với các đô thị mới trong quy hoạch chi tiết xây dựng đều có hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo quy định. Do đó mục tiêu này là phải thực hiện nhằm đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững. Tuy nhiên, tại các đô thị hiện hữu, các chất thải rắn dù đã được thu gom, xử lý bằng phương pháp chôn lấp; song vẫn chưa có nhà máy xử lý rác thải; hệ thống thu gom và xử lý nước thải chưa có, nước thải chủ yếu thoát chung với hệ thống thoát nước mưa. Do đó các đại biểu đề nghị: cần tăng cường công tác quản lý, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát quá trình đầu tư, xây dựng tại các khu công nghiệp, phải đảm bảo có hệ thống thu gom chất thải rắn và nước thải theo đúng qui định; đối với các đô thị cần có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư hệ thống xử lý rác thải, nước thải bên cạnh nguồn đầu tư từ ngân sách.

11. Về mục tiêu “Đến năm 2015, có ít nhất 50% tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh; bình mỗi năm phát triển 1.400 đảng viên”. Các đại biểu đều thống nhất và cho rằng mục tiêu được đề ra tại dự thảo Báo cáo chính trị là phù hợp và có căn cứ. Tuy nhiên còn có ý kiến phân vân đề nghị cần diễn đạt rõ ý hơn để dễ thực hiện và phù hợp với tình hình thực tế; vì với cách diễn đạt như trên thì chỉ cần đến năm 2015 đạt tỷ lệ từ 50% tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh trở lên thì cả nhiệm kỳ chỉ tiêu này vẫn được công nhận hoàn thành. Điều này là chưa hợp lý và dễ tạo tâm lý chủ quan tập trung phần đầu nước rút vào những năm cuối nhiệm kỳ. Do đó để thực hiện mục tiêu này các đại biểu kiến nghị: Các thang, bảng điểm cần phải được xây dựng hợp lý, chặt chẽ, sát thực tế với từng loại hình tổ chức cơ sở đảng; Đảng bộ cấp trên cơ sở cần phân công các cấp ủy viên theo dõi, trực tiếp tham gia sinh hoạt cùng các chi, đảng bộ để thường xuyên nắm bắt và nắm chắc tình hình của cơ sở, kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh những thiếu sót của cơ sở, trên cơ sở đó khi phân loại hàng năm việc đánh giá sẽ được sát và đúng thực chất hơn; cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy và chi bộ; bồi dưỡng, nâng cao chất lượng, quản lý đội ngũ đảng viên; tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức và hoạt động của các tổ chức chính trị - đoàn thể ở doanh nghiệp, phường, xã một cách đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; đẩy mạnh công tác kiểm tra của cấp ủy và Ủy ban kiểm tra các cấp; nâng cao

vai trò lãnh đạo của cấp uỷ. Trong đó, tập trung củng cố, nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp uỷ cơ sở.

Đoàn chủ tịch thấy rằng: Những giải pháp các đồng chí đại biểu đề xuất là xác đáng và phù hợp. Đồng thời nhấn mạnh thêm rằng: Đảng chỉ vững mạnh khi các tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh đúng thực chất, với những tiêu chí đánh giá, phân loại ngày càng sát hợp và nếu chúng ta phát động thi đua, đề ra các giải pháp cụ thể thiết thực ngay từ đầu năm thì chúng ta hoàn toàn có thể thực hiện được. Bên cạnh đó các Đảng bộ cần đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ, phát triển đảng viên mới. Chúng ta phải kiên quyết khắc phục tình trạng hẫng hụt cán bộ, phấn đấu có được đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng trẻ, có phẩm chất chính trị tốt, có năng lực chuyên môn vững vàng, sẵn sàng kế tục sự nghiệp cách mạng.

12. Về nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Các đại biểu đều thống nhất với mục tiêu đặt ra, song còn phân vân cho rằng: về thực chất hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể phát triển chưa đều, chất lượng chưa bảo đảm, chưa bền vững. Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động còn chậm, một số hoạt động còn mang tính hành chính. Việc phân loại một số nơi còn mang tính hình thức. Cũng có ý kiến cho rằng: Với tiêu chí đánh giá như hiện nay: thì chỉ tiêu đề ra

trong dự thảo là phù hợp, có khả năng thực hiện được. Bởi lẽ, đến cuối năm 2009 đã có 74,05% tổ chức cơ sở Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trong năm 2010 đối với 1.000 người thì hoạt động của Mặt trận, đoàn thể tại cơ sở được nhận xét là mạnh chưa quá 50%. Do đó, việc đổi mới nội dung, tiêu chí đánh giá, xếp loại để đánh giá đúng thực chất là rất cần thiết. Từ đó đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu **“Đến năm 2015, có 60 - 65% tổ chức Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh theo tiêu chí mới”**.

Trước hết Đoàn Chủ tịch đánh giá cao những phân tích xác đáng và những giải pháp của các đại biểu đề xuất nhằm xây dựng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Đồng thời nhấn mạnh thêm: Để thực hiện được các mục tiêu nêu trên Cấp ủy đảng các cấp phải triển khai thực hiện nghiêm túc Đề án nâng cao chất lượng cán bộ khối vận toàn tỉnh, Đề án đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận và đoàn thể và Đề án nâng cao chất lượng hoạt động khối vận ở cơ sở... từ đó có quy hoạch, kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ Mặt trận, đoàn thể các cấp, nhất là ở cơ sở, chi, tổ hội; tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể theo hướng gần dân, sát dân, sát với phong trào; xây dựng thực lực cốt cán bảo đảm chất lượng và hiệu quả; có kế hoạch

phối hợp tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia có kết quả các phong trào hành động cách mạng ở khu dân cư; đặc biệt là phối hợp với các cấp chính quyền giải quyết các nguyện vọng chính đáng của nhân dân, giảm thiểu tối đa tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp. Do đó xin Đại hội cho giữ nguyên như dự thảo "đến năm 2015 có 75 - 80% tổ chức Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh".

13. Về nâng cao năng lực và hiệu lực quản lý, điều hành, quản lý của bộ máy nhà nước các cấp ở địa phương. Các đại biểu đều nhất trí cao với nhiệm vụ đặt ra trong nhiệm kỳ đến, Tuy nhiên, còn cho rằng thời gian qua hoạt động điều hành, quản lý của bộ máy nhà nước các cấp vẫn còn những tồn tại, yếu kém, khuyết điểm đáng quan tâm đó là: Tổ chức bộ máy và cán bộ của các cơ quan hành chính các cấp còn chưa đáp ứng yêu cầu. Hiệu lực, hiệu quả điều hành, quản lý của chính quyền các cấp vẫn còn một số hạn chế: Quy hoạch, kế hoạch thiếu thực tiễn, chất lượng ban hành các đề án, chính sách chưa cao; ý thức chấp hành chỉ đạo của cấp trên còn thiếu nghiêm túc, còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, thiếu chủ động trong tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện dẫn đến tồn đọng công việc. Để tiếp tục nâng cao năng lực và hiệu lực quản lý, điều hành, quản lý của bộ máy nhà nước các cấp ở địa phương, các ý kiến đã đề xuất một số giải pháp cụ thể là: Phải tăng cường công tác đào tạo, bồi

dưỡng kỹ năng cho cán bộ công chức; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện công vụ; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Riêng đối với Hội đồng nhân dân các cấp cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với hoạt động HĐND; kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy; cải tiến công tác chuẩn bị, điều hành kỳ họp; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát của HĐND...

14. Về quốc phòng, an ninh. Hầu hết các đại biểu thống nhất với các chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh được xác định trong dự thảo Báo cáo chính trị. Tuy nhiên, cũng còn phân vân cho rằng chỉ tiêu có 80%-85% xã, phường và cơ quan đạt vững mạnh về quốc phòng, an ninh khó có khả năng đạt được; vì thực tế kết quả phân loại phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc năm 2009 (là năm có kết quả cao nhất) thì chỉ có 24% số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn vững mạnh, 46% đạt loại khá về an ninh trật tự và 34% cơ quan, doanh nghiệp cấp tỉnh đạt tiêu chuẩn vững mạnh, 52% đạt loại khá. Do đó, đại biểu đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu này như sau: *“Năm 2015 có ít nhất 50% xã, phường vững mạnh toàn diện; có 80-85% xã, phường và cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn vững mạnh và khá về quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ chiếm từ 1,8% đến 2% dân số,...”*.

Vấn đề này, Đoàn chủ tịch xin báo cáo như sau: việc đề ra chỉ tiêu đến năm 2015 có từ 80% - 85% xã, phường và

cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng - an ninh là chỉ tiêu phấn đấu để đạt được mục tiêu nền quốc phòng tiếp tục được củng cố, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững; mặt khác, đây là chỉ tiêu, là mặt bằng chung mà Đảng bộ các tỉnh thuộc địa bàn Quân khu 7 đều triển khai, thực hiện. Vấn đề đặt ra cho các ngành, các cấp mà nòng cốt là các lực lượng vũ trang trong tỉnh có sự phối hợp đồng bộ và chặt chẽ hơn nữa để phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ngày càng phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu thì chỉ tiêu nói trên sẽ đạt được. Do đó, xin Đại hội được giữ nguyên chỉ tiêu này như dự thảo đã nêu.

15. Về “Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở...”. Các đại biểu đều thống nhất cao với nhiệm vụ đặt ra nhằm nâng cao chất lượng hoạt động hệ thống chính trị cơ sở; đồng thời đề xuất thêm 8 giải pháp để triển khai thực hiện trong thời gian tới, trong đó đặc biệt nhấn mạnh các giải pháp về: xác định thật rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của cấp mình; bố trí đúng, đủ số lượng, chất lượng và cơ cấu cán bộ hợp lý để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; nâng cao năng lực trí tuệ và năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ, công chức...

16. Về công tác kiểm tra. Các ý kiến đều thống nhất như dự thảo và làm rõ thêm một số vấn đề về kết quả đạt

được của công tác kiểm tra giám sát trong nhiệm kỳ qua, tuy nhiên các đại biểu cũng cho rằng công tác kiểm tra vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, đáng chú ý là: Một số trường hợp, giải quyết chưa đảm bảo đúng chính sách, pháp luật, chưa xem xét thấu đáo, điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể để giải quyết; một số trường hợp chưa kịp thời, chậm triển khai thực hiện các kết luận, chỉ đạo của cấp trên gây bức xúc trong nhân dân. Một số trường hợp địa phương và cơ quan có thẩm quyền của Trung ương đã xem xét, giải quyết đúng pháp luật, đã vận dụng tối đa chính sách “đặc thù” để xem xét giải quyết, thông báo chấm dứt khiếu nại nhưng vẫn cố chấp, tiếp tục khiếu nại. Việc phát sinh khiếu nại, tố cáo có nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân về quản lý Nhà nước trên một số lĩnh vực còn hạn chế, nhất là lĩnh vực đất đai... Để tiếp tục ngăn ngừa và giải quyết có hiệu quả khiếu nại, tố cáo của công dân, nhất là các vụ nổi cộm, phức tạp, ngoài các nhiệm vụ và giải pháp mà dự thảo báo cáo đã nêu; các đại biểu kiến nghị các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể quan tâm củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao trình độ mọi mặt đối với cán bộ làm công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo... nhằm đưa công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian đến đạt hiệu quả cao hơn, góp phần quan trọng ổn định chính trị, phát triển kinh tế, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

17. Về thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Các ý kiến cho rằng trong thời gian qua Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” gắn với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng được triển khai nghiêm túc, chủ động, kịp thời và đều khắp; có sáng tạo, có trọng tâm, trọng điểm và đạt kết quả bước đầu. Và cho rằng đánh giá vậy là phù hợp; đồng thời đề xuất thêm một số giải pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh trong thời gian tới đó là: Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thường xuyên, liên tục bằng nhiều hình thức phong phú nhằm nâng cao nhận thức và hành động tự giác làm theo tấm gương đạo đức của Bác; thực hiện rà soát, bổ sung nội dung “Xây và chống” phù hợp với chức năng, nhiệm vụ cụ thể từng nơi; tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; tăng cường công tác kiểm tra, chỉ đạo điểm ở các địa bàn yếu kém.

18. Về các nhiệm vụ trọng tâm. Các đại biểu rất đồng tình với 6 nhiệm vụ trọng tâm nêu trong dự thảo và cho rằng: Những nhiệm vụ đề ra rất ngắn gọn, bao hàm đầy đủ tất cả các lĩnh vực về kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh, công tác xây dựng hệ thống chính trị trong toàn Đảng bộ của tỉnh nhà; đồng thời đề nghị: để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm trên, đòi hỏi toàn hệ thống chính trị các cấp tỉnh nhà cần phải phát huy sức mạnh đại đoàn kết, đồng lòng nỗ lực phấn đấu khắc phục những khó khăn, yếu kém trên tất cả các lĩnh vực; cụ thể hoá thành chương trình, kế hoạch sát hợp, tập trung sức, quyết liệt lãnh đạo, triển khai thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra.

**KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG
VÀ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TRONG DỰ THẢO BÁO CÁO
CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
KHÓA XI TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH
LẦN THỨ XII, NHIỆM KỲ 2010 - 2015**

- Số phiếu phát ra : 349
- Số phiếu thu vào : 348
- Số phiếu hợp lệ : 336

**I. VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI
HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XI**

Về đánh giá tổng quát, dự thảo nêu: “5 năm qua, cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà đã nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, phấn đấu thực hiện Nghị quyết do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra, đạt được những kết quả quan trọng và tương đối toàn diện; trên từng lĩnh vực xuất hiện thêm những khả năng mới, nhân tố mới”.

- Nhất trí như dự thảo : 332 phiếu, chiếm 98,8%
- Không nhất trí : 3 phiếu, chiếm 0,9%
- Ý kiến khác : 1 phiếu, chiếm 0,3%

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN 5 NĂM (2010-2015)

1. Mục tiêu chung, dự thảo nêu: “Trong 5 năm đến, tiếp tục phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống chính trị; huy động mọi nguồn lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế, thúc đẩy kinh tế tỉnh nhà phát triển theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa trên cơ sở cơ cấu công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế trong nước và quốc tế; cải thiện đời sống nhân dân; bảo vệ môi trường; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tạo chuyển biến rõ rệt, toàn diện và vững chắc các mặt của đời sống xã hội”.

Nhất trí như dự thảo : 331 phiếu, chiếm 98,5%

Không nhất trí : 3 phiếu, chiếm 0,9%

Ý kiến khác : 2 phiếu, chiếm 0,6%

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

2.1- Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt bình quân hàng năm 13,0 – 13,5%.

Nhất trí như dự thảo : 330 phiếu, chiếm 98,2%

Không nhất trí : 5 phiếu, chiếm 1,5%

Ý kiến khác : 1 phiếu, chiếm 0,3%

+ Công nghiệp - Xây dựng tăng 15,5 - 16,0%.

Nhất trí như dự thảo : 328 phiếu, chiếm 97,6%

Không nhất trí : 3 phiếu, chiếm 0,9%

Ý kiến khác : 5 phiếu, chiếm 1,5%

+ Dịch vụ tăng 15- 15,5%.

Nhất trí như dự thảo : 330 phiếu, chiếm 98,2%

Không nhất trí : 3 phiếu, chiếm 0,9%

Ý kiến khác : 3 phiếu, chiếm 0,9%

+ Nông - lâm - ngư nghiệp tăng 5,5 - 6,0%.

Nhất trí như dự thảo : 328 phiếu, chiếm 97,6%

Không nhất trí : 5 phiếu, chiếm 1,5%

Ý kiến khác : 3 phiếu, chiếm 0,9%

2.2 - Huy động GDP vào ngân sách bình quân hàng năm (không kể các khoản thu trực tiếp từ dầu khí và thuế xuất nhập khẩu) là 11 - 12%.

Nhất trí như dự thảo : 323 phiếu, chiếm 96,1%

Không nhất trí : 12 phiếu, chiếm 3,6%

Ý kiến khác : 1 phiếu, chiếm 0,3%

2.3 - Chi đầu tư phát triển từ ngân sách tập trung so với tổng chi ngân sách địa phương bình quân hàng năm 35%.

Nhất trí như dự thảo : 327 phiếu, chiếm 97,3%

Không nhất trí : 8 phiếu, chiếm 2,4%

Ý kiến khác : 1 phiếu, chiếm 0,3%

2.4 - Giải quyết việc làm bình quân mỗi năm 24.000 lao động.

Nhất trí như dự thảo : 316 phiếu, chiếm 94%
Không nhất trí : 20 phiếu, chiếm 6%
Ý kiến khác : 0 phiếu, chiếm 0,00%

2.5 - Bình quân hàng năm giảm 1,5 – 1,7% hộ nghèo.

Nhất trí như dự thảo : 315 phiếu, chiếm 93,7%
Không nhất trí : 21 phiếu, chiếm 6,3%
Ý kiến khác : 0 phiếu, chiếm 0,00%

2.6 - Đến năm 2015:

+ *GDP bình quân đầu người đạt khoảng 2.200 USD.*

Nhất trí như dự thảo : 312 phiếu, chiếm 92,8%
Không nhất trí : 22 phiếu, chiếm 6,6%
Ý kiến khác : 2 phiếu, chiếm 0,6%

+ *Sản lượng lương thực 730.000 tấn.*

Nhất trí như dự thảo : 330 phiếu, chiếm 98,2%
Không nhất trí : 4 phiếu, chiếm 1,2%
Ý kiến khác : 2 phiếu, chiếm 0,6%

+ *Kim ngạch xuất khẩu đạt 370 triệu USD.*

Nhất trí như dự thảo : 324 phiếu, chiếm 96,4%
Không nhất trí : 9 phiếu, chiếm 2,7%
Ý kiến khác : 3 phiếu, chiếm 0,9%

+ Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi.

Nhất trí như dự thảo : 322 phiếu, chiếm 95,8%

Không nhất trí : 12 phiếu, chiếm 3,6%

Ý kiến khác : 2 phiếu, chiếm 0,6%

+ Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 25%.

Nhất trí như dự thảo : 316 phiếu, chiếm 94%

Không nhất trí : 18 phiếu, chiếm 5,4%

Ý kiến khác : 2 phiếu, chiếm 0,6%

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo bằng các hình thức đạt 55%.

Nhất trí như dự thảo : 294 phiếu, chiếm 87,5%

Không nhất trí : 39 phiếu, chiếm 11,6%

Ý kiến khác : 3 phiếu, chiếm 0,9%

+ 100% trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

Nhất trí như dự thảo : 300 phiếu, chiếm 89,3%

Không nhất trí : 34 phiếu, chiếm 10,1%

Ý kiến khác : 2 phiếu, chiếm 0,6%

+ Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 9%.

Nhất trí như dự thảo : 323 phiếu, chiếm 96,1%

Không nhất trí : 11 phiếu, chiếm 3,3%

Ý kiến khác : 2 phiếu, chiếm 0,6%

+ 95% hộ nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Nhất trí như dự thảo : 310 phiếu, chiếm 92,3%

Không nhất trí : 25 phiếu, chiếm 7,4%

Ý kiến khác : 1 phiếu, chiếm 0,3%

+ Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 43,2%; giảm thiểu tình trạng khô hạn (cả về diện rộng và độ dài thời gian).

Nhất trí như dự thảo : 313 phiếu, chiếm 93,1%

Không nhất trí : 21 phiếu, chiếm 6,3%

Ý kiến khác : 2 phiếu, chiếm 0,6%

+ Các đô thị mới và khu công nghiệp có hệ thống thu gom và xử lý chất thải đạt chuẩn quy định.

Nhất trí như dự thảo : 324 phiếu, chiếm 96,4%

Không nhất trí : 11 phiếu, chiếm 3,3%

Ý kiến khác : 1 phiếu, chiếm 0,3%

+ Có 20 xã đạt các tiêu chuẩn nông thôn mới.

Nhất trí như dự thảo : 309 phiếu, chiếm 92%

Không nhất trí : 26 phiếu, chiếm 7,7%

Ý kiến khác : 1 phiếu, chiếm 0,3%

+ Có ít nhất 50% xã, phường vững mạnh toàn diện.

Nhất trí như dự thảo : 306 phiếu, chiếm 91%

Không nhất trí : 29 phiếu, chiếm 8,7%

Ý kiến khác : 1 phiếu, chiếm 0,3%

+ Có 80 - 85% xã, phường và cơ quan, đơn vị đạt chuẩn vững mạnh về quốc phòng an ninh. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ chiếm từ 1,8 - 2% dân số.

Nhất trí như dự thảo : 309 phiếu, chiếm 92%

Không nhất trí : 26 phiếu, chiếm 7,7%

Ý kiến khác : 1 phiếu, chiếm 0,3%

+ Phần đầu ít nhất có 50% tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh; trung bình mỗi năm phát triển 1.400 đảng viên.

Nhất trí như dự thảo : 314 phiếu, chiếm 93,4%

Không nhất trí : 21 phiếu, chiếm 6,3%

Ý kiến khác : 1 phiếu, chiếm 0,3%

+ Có 75 - 80% tổ chức Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh.

Nhất trí như dự thảo : 306 phiếu, chiếm 91%

Không nhất trí : 29 phiếu, chiếm 8,7%

Ý kiến khác : 1 phiếu, chiếm 0,3%

3. Về những nhiệm vụ trọng tâm

3.1 - Ra sức xây dựng và chỉnh đốn Đảng mà trọng tâm là nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và công tác cán bộ gắn với đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm và tiếp tục đưa Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” vào chiều sâu.

Nhất trí như dự thảo : 334 phiếu, chiếm 99,4%

Không nhất trí : 2 phiếu, chiếm 0,6%

Ý kiến khác : 0 phiếu, chiếm 0,00%

3.2 - Bằng mọi biện pháp tích cực, tạo bước chuyển mạnh mẽ trong phát triển công nghiệp.

Nhất trí như dự thảo : 325 phiếu, chiếm 96,7%

Không nhất trí : 11 phiếu, chiếm 3,3%

Ý kiến khác : 0 phiếu, chiếm 0,00%

3.3 - Huy động mọi nguồn lực cải tạo và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, tập trung trước hết vào hạ tầng các khu công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, điện; chú ý các xã nông thôn mới.

Nhất trí như dự thảo : 334 phiếu, chiếm 99,4%

Không nhất trí : 2 phiếu, chiếm 0,6%

Ý kiến khác : 0 phiếu, chiếm 0,00%

3.4 - Coi trọng đúng mức công tác giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Nhất trí như dự thảo : 333 phiếu, chiếm 99,1%

Không nhất trí : 3 phiếu, chiếm 0,9%

Ý kiến khác : 0 phiếu, chiếm 0,00%

3.5 - Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; khẩn trương tập trung tháo gỡ những vướng mắc trong các quy hoạch, đặc biệt là quy hoạch rừng, đất đai, khoáng sản, tạo cơ sở để thúc đẩy các mặt của tỉnh nhà phát triển thuận lợi và bền vững.

Nhất trí như dự thảo : 333 phiếu, chiếm 99,1%

Không nhất trí : 3 phiếu, chiếm 0,9%

Ý kiến khác : 0 phiếu, chiếm 0,00%

3.6 - Tập trung giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc về xã hội, trước hết là môi trường, trật tự xã hội, tình trạng khiếu kiện đông người.

Nhất trí như dự thảo : 332 phiếu, chiếm 98,8%

Không nhất trí : 4 phiếu, chiếm 1,2%

Ý kiến khác : 0 phiếu, chiếm 0,00%

**TỔNG HỢP Ý KIẾN THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI
GÓP Ý VÀO CÁC DỰ THẢO VĂN KIẾN TRUNG ƯƠNG
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ XI CỦA ĐẢNG**

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 – 2015 có 18 ý kiến tham luận góp ý vào dự thảo các Văn kiện Trung ương trình Đại hội. Trong đó có 04 kiến góp ý vào dự thảo Cương lĩnh; 04 ý kiến góp ý vào dự thảo Chiến lược; 05 ý kiến góp ý vào Báo cáo chính trị và 05 ý kiến góp ý vào dự thảo Báo cáo một số vấn đề bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng. Các ý kiến thảo luận góp ý tập trung vào những nội dung cơ bản và còn có những ý kiến khác nhau của từng dự thảo Văn kiện. Kết quả như sau:

I. NHẬN XÉT CHUNG:

Sau khi Đoàn Chủ tịch Đại hội báo cáo về kết quả tổng hợp các ý kiến góp ý vào các dự thảo Văn kiện Trung ương trình Đại hội XI của Đảng từ Đại hội cấp cơ sở, cấp huyện và các Đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, Đại hội tiến hành thảo luận. Hầu hết các ý kiến tham luận đều phát huy tinh thần dân chủ, cởi mở, thẳng thắn, nghiêm túc và đầy trách nhiệm, tạo nên không khí thảo luận sôi nổi, đáp ứng tốt yêu cầu đặt ra.

II. KẾT QUẢ THẢO LUẬN:

1. Về dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (*bổ sung, phát triển năm 2011*).

- Báo cáo tham luận thống nhất cao với *đánh giá quá trình cách mạng và những bài học kinh nghiệm* mà dự thảo đã nêu, cho rằng thực hiện Cương lĩnh năm 1991 đã mang lại nhiều thành tựu to lớn, kinh tế tăng trưởng khá nhanh; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt; quốc phòng an ninh được giữ vững; vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao; điều này chứng tỏ đất nước ta đã thoát khỏi tình trạng kém phát triển. Tuy nhiên, ở một số điểm trong Cương lĩnh đánh giá chưa phù hợp, nhất là phần sai lầm khuyết điểm đánh giá như vậy là không khách quan. Thực tế trong những năm gần đây Đảng ta đã nghiêm túc sửa chữa tư tưởng nóng vội, chủ quan, duy ý chí; đã nghiên cứu sáng tạo con đường phát triển đất nước, có khuyết điểm sai lầm nhưng chưa tới mức nghiêm trọng. Đề nghị cần đánh giá thêm về tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên gây ảnh hưởng lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

- *Về đặc trưng của xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng*, đại biểu đã tham luận bày tỏ hoàn toàn nhất trí với dự thảo. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng đặc trưng thứ hai tiếp tục sử dụng từ “dân chủ”, hơn nữa nội dung chưa toát lên mạnh mẽ quyền lực của nhân dân, do đó đề nghị sửa lại nội

dung đặc trưng thứ hai thay vì “do nhân dân làm chủ” thành nội dung “tất cả mọi quyền lực chính trị thuộc về nhân dân”. Cho rằng, đặc trưng này thể hiện rõ bản chất dân chủ của chế độ ta, mang tính bao quát về bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng; phù hợp với yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống.

- **Trong định hướng phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**, đại biểu đã tham luận sâu về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường, cho rằng vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước là xuất phát từ lợi ích của đất nước; kinh tế nhà nước càng phát huy tốt vai trò chủ đạo thì kinh tế đất nước càng phát triển nhanh; thống nhất cao quan điểm kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Cho đây là quan điểm đúng của Đảng và nhà nước ta. Tuy nhiên, đề nghị phải tiếp tục đổi mới các doanh nghiệp nhà nước, tạo điều kiện để các doanh nghiệp đủ sức vươn lên đóng vai trò chủ lực trong quá trình hiện đại hóa đất nước.

- **Về những định hướng lớn mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh**, đại biểu đã cho rằng Đảng ta đã đề ra mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc một cách rất sâu sắc, toàn diện, thể hiện những nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhằm xây dựng một nền quốc phòng, an ninh vững mạnh. Tuy nhiên, đại biểu đề nghị bổ sung sau từ

“quốc phòng - an ninh” ở trang 14, dòng 14 trên xuống cụm từ: “kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh”, cho rằng vì dự thảo chỉ tập trung nêu lên định hướng nhiệm vụ xây dựng, củng cố để tăng cường “nội lực”, mà chưa đề cập một cách mạnh mẽ vấn đề tranh thủ yếu tố “ngoại lực”, cũng như chưa thể hiện sự kết hợp sức mạnh nội lực với sức mạnh ngoại lực trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng – an ninh.

2. Về dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020:

- **Đánh giá tình hình đất nước và kết quả 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010**, đại biểu tham luận đã bày tỏ thống nhất cao với nội dung đánh giá của dự thảo; đồng thời phân tích làm rõ những thành tựu đạt được trong 10 năm qua và những yếu kém khuyết điểm cần tập trung khắc phục trong thời gian tới.

- Tham gia phần **mục tiêu chiến lược và khâu đột phá**, đại biểu đã thống nhất về các nội dung trong dự thảo, cho rằng các nội dung đã bao quát các lĩnh vực cần thiết của quốc gia, từ kinh tế đến quốc phòng, an ninh, bảo đảm đầy đủ và thể hiện ước muốn của Đảng, của toàn dân trong tương lai. Tuy nhiên, trong mục tiêu tổng quát của dự thảo chiến lược có ghi: *chính trị - xã hội ổn định, đồng thuận*,

dân chủ, kỷ cương, đại biểu đề nghị bỏ cụm từ đồng thuận, dân chủ, kỷ cương, cho rằng dự thảo nêu như vậy có thừa, không cần thiết, chỉ cần nêu chính trị - xã hội ổn định là đầy đủ rồi.

- Phân định hướng phát triển nông nghiệp, toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, phát biểu của đại biểu tham luận bày tỏ sự đồng tình thống nhất cao nội dung của dự thảo. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung làm rõ những giải pháp; trong đó, cần tạo khung pháp lý để khuyến khích tập trung ruộng đất, hình thành và phát triển trang trại có quy mô phù hợp với điều kiện của từng vùng; hỗ trợ đào tạo nghề cho con em nông dân; tăng cường công tác khuyến nông, khuyến ngư; chú trọng tài trợ kinh phí cho các đề tài khoa học phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng tốt đội ngũ các nhà khoa học trên lĩnh vực nông nghiệp; tăng cường công tác nuôi trồng hải sản theo hướng tập trung, sản phẩm có lợi thế.

- Về định hướng phát triển hài hoà, bền vững các vùng, xây dựng đô thị và nông thôn mới, đại biểu đã tham luận xung quanh định hướng phát triển vùng biển, ven biển và hải đảo. Tham luận đã bày tỏ sự đồng tình với chủ trương *“thực hiện các định hướng phát triển phải gắn với các giải pháp về ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng để đảm bảo phát triển bền vững”*. Đồng thời, đại biểu đề

xuất ngoài việc phát triển mạnh kinh tế biển tương xứng với vị thế và tiềm năng biển của nước ta, gắn phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền vùng biển...cần khẩn trương xây dựng hoàn thiện hệ thống kè chống xâm thực bảo vệ bờ biển và hải đảo; đặc biệt chú trọng đảm bảo nguồn nước ngầm tại các hải đảo phục vụ cho quốc phòng, an ninh và dân sinh kinh tế.

3. Về dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X):

- Về kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X; nhìn lại 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010 và 20 năm thực hiện cương lĩnh xây dựng đất nước năm 1991, đại biểu đã tham luận bày tỏ sự nhất trí cao đối với nội dung dự thảo đánh giá, nhất là đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng (2006-2010) đạt được những thành tựu quan trọng; đánh giá 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2001-2010) đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng; đánh giá thành tựu 20 năm thực hiện cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ (1991-2010) đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Ngoài ra, đại biểu đã có ý kiến đề nghị bổ sung điều chỉnh cụ thể trong đánh giá các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, xây dựng chính quyền; đề nghị bỏ cụm từ “lạc hậu” trong đánh giá về chương trình nội dung, phương pháp dạy và học, cho rằng dùng từ “đổi mới

chậm” là đủ, đánh giá *“lạc hậu*” là quá mức, không sát với thực tế trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- *Về tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới theo con đường XHCN, phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm (2011-2015)*, đại biểu tham luận đã bày tỏ đồng tình với nội dung dự thảo đề ra. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung một số nội dung như phần dự báo tình hình chưa đầy đủ, còn chung chung; đối với chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm 2011-2015 từ 7,5% đến 8%, đại biểu cho rằng mục tiêu này chưa tương xứng với mục tiêu “đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”, bởi vì về mặt giá trị, tổng thu nhập quốc dân nước ta còn rất thấp, giá trị mang lại từ tỷ lệ tăng trưởng 7,5 - 8% sẽ không cao. Do đó đề nghị nâng lên từ 9% trở lên.

- *Quan điểm thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển*, đại biểu đã phân tích làm rõ quan điểm này, cho rằng phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng xã hội đòi hỏi phải có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững; tuy nhiên, không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Đại biểu cho đây là quan điểm thể hiện đúng quy luật của sự phát triển lành mạnh, bền vững trong thời đại ngày nay; thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đã và đang phấn đấu. Nếu không giải quyết tốt vấn đề này thì không

thể nói đến định hướng XHCN, không hơn gì kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

- *Về đảng viên làm kinh tế tư nhân. Thực hiện thí điểm việc kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng*, đại biểu đã bày tỏ sự đồng tình đối với chủ trương này; cho rằng trong thời gian qua, đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân, đa số đã từng công tác ở các cơ quan Nhà nước, trong các doanh nghiệp Nhà nước, trong lực lượng vũ trang đã nghỉ công tác, nghỉ hưu, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương, biết làm kinh tế giỏi, làm giàu chính đáng, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp ngân sách, tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện. Còn việc kết nạp chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng cũng là yêu cầu do thực tế đặt ra. Vấn đề ở đây là kết nạp như thế nào để đảm bảo tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, để Đảng trở nên ngày càng vững mạnh hơn, đủ năng lực và sức chiến đấu, lãnh đạo xã hội phát triển.

4. Về dự thảo Báo cáo một số vấn đề về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng:

- *Về giới thiệu người vào Đảng*, đại biểu đã tham gia thảo luận ở khoản 1, điều 4, Điều lệ Đảng hiện hành, bày tỏ xu hướng nhất trí về phương án thứ 3 đề nghị sửa theo ý kiến của Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là: *Nơi có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và tổ*

chức công đoàn, người vào Đảng trong độ tuổi thanh niên phải là đoàn viên, được Ban Chấp hành Đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu; nếu ngoài độ tuổi thanh niên phải là đoàn viên công đoàn, được Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu. Nơi chỉ có tổ chức công đoàn, người vào Đảng phải là đoàn viên công đoàn, được Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu. Bởi vì, quy định như trên là chặt chẽ và phù hợp với vị trí, vai trò, chức năng của tổ chức Công đoàn. Công đoàn chịu sự lãnh đạo của Đảng, chỗ dựa vững chắc, là gạch nối liền quần chúng lao động với Đảng, là nơi phát hiện những gương điển hình, đoàn viên công đoàn ưu tú giới thiệu cho Đảng.

- *Về tính tuổi Đảng của đảng viên.* Ở khoản 4, Điều 5, Điều lệ Đảng hiện hành, có 3 phương án được đưa ra cách tính tuổi Đảng của đảng viên, đại biểu tham luận chọn phương án thứ 2 là: *đảng viên khi đã được công nhận chính thức thì tuổi Đảng của đảng viên được tính từ ngày Chi bộ tổ chức lễ kết nạp.* Bởi vì, ngày Chi bộ tổ chức lễ kết nạp là ngày trọng đại đáng nhớ nhất trong cuộc đời của mỗi đảng viên, được tổ chức công nhận là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, là bước ngoặt không thể nào quên của đảng viên; trong thời gian dự bị, đảng viên được nhận và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người đảng viên và không ngừng phấn đấu rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, tư cách của người đảng viên.

- *Về thẩm quyền, hình thức kỷ luật đảng viên và giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng*, các đại biểu đã tham luận bày tỏ sự đồng tình cao đối với phương án giữ như Điều lệ Đảng hiện hành: Đại biểu cho rằng quy định như Điều lệ Đảng hiện hành thể hiện rõ sự thống nhất thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy theo nguyên tắc là thẩm quyền của Ban Thường vụ phải thấp hơn thẩm quyền của cấp ủy cùng cấp. Đối với hình thức kỷ luật đảng viên, có đại biểu cho rằng để tạo sự công bằng trong xem xét hình thức kỷ luật đối với đảng viên có chức vụ và đảng viên không có chức vụ, đề nghị chỉ thực hiện 4 hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, lưu Đảng và khai trừ. Đối với đảng viên có chức vụ, khi lưu Đảng thì đương nhiên phải cách các chức vụ mà đồng chí đó đảm nhận. Về giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng viên, có đại biểu đề nghị chỉ nên quy định trong Điều lệ Đảng khóa XI “cấp trên cách một cấp của cấp quyết định thi hành kỷ luật là cấp quyết định cuối cùng”, như vậy mới khắc phục tình trạng khiếu nại vượt cấp; tránh tốn nhiều thời gian, công sức để giải quyết.

- *Về Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân và Công an nhân dân*, ở khoản 1, Điều 25, Điều lệ Đảng, đại biểu đã tham luận bày tỏ sự thống nhất cao về phương án 1 đề nghị bổ sung 02 đoạn; đoạn 1: *Sự lãnh đạo của Đảng được tập trung thống nhất vào Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Đảng quyết định những vấn đề cơ bản về xây dựng Quân đội và Công an*

nhân dân. Đoạn 2: Nhà nước thống nhất quản lý Quân đội, Công an và sự nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật. Đại biểu tham luận cho rằng bổ sung thêm 2 nội dung trên không làm thay đổi về nguyên tắc lãnh đạo của Đảng sự quản lý, điều hành của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân. Mặt khác, bối cảnh quốc tế trong những năm tới còn diễn biến phức tạp, khó lường, đặt ra những yêu cầu quan trọng củng cố quốc phòng, an ninh, đòi hỏi phải xác định rõ hơn nguyên tắc lãnh đạo của Đảng và sự quản lý, điều hành của Nhà nước đối với công tác quốc phòng, an ninh.

III. BIỂU QUYẾT XU HƯỚNG CÁC VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU:

Qua tổng hợp các ý kiến thảo luận của đại diện các Đoàn đại biểu góp ý kiến vào các dự thảo Văn kiện Trung ương trình Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng, có 05 nội dung có ý kiến khác nhau đã đưa ra Đại hội để lấy biểu quyết xu hướng như sau:

* Ở dự thảo Cương lĩnh, có 2 nội dung: **một là**, về đặc trưng thứ hai của CNXH mà nhân dân ta xây dựng; **hai là**, về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

* Ở dự thảo Chiến lược, có 2 nội dung: **một là**, về đánh giá tình hình đất nước 10 năm 2001 – 2010; **hai là**, về mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường.

* Ở Báo cáo chính trị trình Đại hội XI của Đảng, có 01 nội dung: về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Kết quả biểu quyết xu hướng các nội dung có ý kiến khác nhau như sau:

1. Về đặc trưng thứ 2 của CNXH mà nhân dân ta xây dựng, có 349/349 = 100%, đại biểu nhất trí như dự thảo Cương lĩnh ghi: *“do nhân dân làm chủ”*.

2. Về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, có 349/349 = 100%, đại biểu nhất trí như dự thảo Cương lĩnh ghi: *“kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”*.

3. Về đánh giá tình hình đất nước 10 năm (2001 - 2010), có 349/349 = 100%, đại biểu nhất trí như dự thảo Chiến lược đánh giá: *“đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển”*.

4. Về mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường, có 349/349 = 100%, đại biểu nhất trí như dự thảo Chiến lược ghi: *phấn đấu đến năm 2020 đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước bình quân 7- 8%/năm*.

5. Về nội dung nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, có 349/349 = 100%, đại biểu nhất trí như dự thảo Báo cáo chính trị ghi: *“Thực hiện thí điểm việc kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng”*.

PHIẾU TỔNG HỢP Ý KIẾN
tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII
về một số điểm bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng

- Số phiếu phát ra : 349
- Số phiếu thu vào : 348
- Số phiếu hợp lệ : 344

NỘI DUNG	ĐỒNG Ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Về tiêu đề trong phần mở đầu		
<i>Phương án 1:</i> Tiêu đề là: " <i>Đảng Cộng sản Việt Nam</i> "	132	38.37
<i>Phương án 2:</i> Tiêu đề là: " <i>Đảng Cộng sản Việt Nam và những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng</i> "	64	18.60
<i>Phương án 3:</i> Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành	148	43.03
<i>Ý kiến khác:</i>	0	0.00
2. Về nội dung của phần mở đầu		

NỘI DUNG	ĐỒNG Ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Phương án 1: Bổ sung một số nội dung về tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác - Lênin vào khổ thứ tư để nêu bật giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng Đảng.	289	84.01
Phương án 2: Không bổ sung như phương án 1 mà giữ như Điều lệ Đảng hiện hành	55	15.99
Ý kiến khác:	0	0.00
3. Về tiêu chuẩn đảng viên (khoản 1 Điều 1)		
Phương án 1: Bổ sung khoản 1 Điều 1 về tiêu chuẩn đảng viên cho nhất quán với cách diễn đạt về bản chất của Đảng ở phần mở đầu.	268	77.91
Phương án 2: Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành	76	22.09
Ý kiến khác:	0	0.00
4. Về giới thiệu người vào Đảng (khoản 1 Điều 4)		
Phương án 1: Thực hiện như Điều lệ Đảng Đại hội IX.	75	21.80

NỘI DUNG	ĐỒNG Ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Phương án 2: Sửa đoạn cuối khoản 1 Điều 4: "Ở các cơ quan, doanh nghiệp nơi không có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh mà có tổ chức Công đoàn, người vào Đảng trong độ tuổi thanh niên là đoàn viên công đoàn, được ban chấp hành công đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu".	248	72.09
Phương án 3: Sửa theo ý kiến của Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.	20	5.82
Ý kiến khác:	1	0.29
5. Quy định về những điều đảng viên không được làm		
Phương án 1: Bổ sung vào khoản 2 Điều 2 nội dung: " <i>đảng viên phải chấp hành quy định của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm</i> ".	285	82.85
Phương án 2: Quy định rõ những điều đảng viên không được làm trong Điều lệ Đảng.	59	17.15
Ý kiến khác:	0	0.00
6. Về tính tuổi đảng của đảng viên (khoản 4 Điều 5)		

NỘI DUNG	ĐỒNG Ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Phương án 1: Đảng viên đã được công nhận chính thức thì tuổi đảng của đảng viên được tính từ ngày ban hành quyết định kết nạp.	245	71.22
Phương án 2: Đảng viên đã được công nhận chính thức thì tuổi đảng của đảng viên được tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp vào Đảng.	77	22.38
Phương án 3: Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành	22	6.40
Ý kiến khác:	0	0.00
7. Về thành lập tổ chức cơ sở đảng (Điều 21)		
Phương án 1: Sửa khoản 2 Điều 21: " <i>Ở xã, phường, thị trấn có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ sở Đảng (trực thuộc cấp uỷ cấp huyện). Ở cơ quan, doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp, đơn vị trong quân đội, công an và các đơn vị khác có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức đảng (tổ chức cơ sở đảng hoặc chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở); cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định việc tổ chức đảng đó trực thuộc cấp uỷ cấp trên nào cho phù hợp</i> ".	141	40.99

NỘI DUNG	ĐỒNG Ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<i>Phương án 2:</i> Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành	203	59.01
Ý kiến khác:	0	0.00
8. Về nhiệm kỳ đại hội đảng ở những nơi mới thành lập, chia tách, hợp nhất, sáp nhập giữa nhiệm kỳ (Điều 13)		
<i>Phương án 1:</i> Sửa khoản 5 Điều 13: "Từ tổ chức cơ sở đảng trở lên, nếu thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập giữa nhiệm kỳ thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định cấp uỷ chính thức; chỉ đạo xây dựng hoặc bổ sung phương hướng, nhiệm vụ cho phù hợp; nhiệm kỳ của các cấp uỷ này không nhất thiết là năm năm".	286	83.14
<i>Phương án 2:</i> Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành	58	16.86
<i>Ý kiến khác:</i>	0	0.00
9. Về vấn đề đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp uỷ		
<i>Phương án 1:</i> Bổ sung vào Điều 11: "...đại hội đảng bộ các cấp trực tiếp bầu bí thư cấp uỷ theo quy định của BCH Trung ương".	307	89.24

NỘI DUNG	ĐỒNG Ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<i>Phương án 2:</i> Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành	37	10.76
<i>Ý kiến khác:</i>	0	0.00
10. Thẩm quyền của đại biểu sau Đại hội		
<i>Phương án 1:</i> Giữ như Điều Đảng hiện hành, không quy định thẩm quyền của đại biểu sau đại hội.	305	88.66
<i>Phương án 2:</i> Quy định một số thẩm quyền, nhiệm vụ của đại biểu sau đại hội.	37	10.76
<i>Ý kiến khác:</i>	2	0.58
11. Quy định về thí điểm một số chủ trương mới		
<i>Phương án 1:</i> Bổ sung nội dung vào Điều 17: "Căn cứ tình hình thực tế, BCH Trung ương quyết định thực hiện thí điểm một số chủ trương mới chưa có hoặc khác với quy định của Điều lệ Đảng".	293	85.17
<i>Phương án 2:</i> Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành	51	14.83
<i>Ý kiến khác:</i>	0	0.00
12. Về nhiệm vụ kiểm tra của đảng đoàn, ban cán sự đảng (khoản 3 Điều 42 và khoản 3 Điều 43)		

NỘI DUNG	ĐỒNG Ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<i>Phương án 1:</i> Sửa quy định đảng đoàn, ban cán sự đảng có nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng thành đảng đoàn, ban cán sự đảng có nhiệm vụ <i>lãnh đạo công tác kiểm tra</i> việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.	278	80.81
<i>Phương án 2:</i> Không quy định đảng đoàn, ban cán sự đảng có nhiệm vụ kiểm tra cũng như lãnh đạo công tác này.	66	19.19
<i>Ý kiến khác:</i>	0	0.00
13. Về thẩm quyền kỷ luật đảng viên (Điều 36)		
<i>Phương án 1:</i> Bổ sung các khoản 2, 3 Điều 36 về việc giao cấp uỷ từ cấp huyện và tương đương trở lên thẩm quyền quyết định kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đảng viên (kể cả cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao) cho phù hợp với khoản 1 Điều 36.	95	27.62

NỘI DUNG	ĐỒNG Ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Phương án 2: Giữ thẩm quyền kỷ luật của chi bộ như nội dung Điều lệ Đảng Đại hội IX "Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ".	77	22.38
Phương án 3: Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành	172	50.00
Ý kiến khác:	0	0.00
14. Thẩm quyền kỷ luật cán bộ (khoản 4 Điều 36)		
Phương án 1: Giữ như Điều Đảng hiện hành.	107	31.11
Phương án 2: Sửa khoản 4 Điều 36 về thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên là cán bộ (có chức vụ). Theo đó, cấp nào quản lý, đề bạt, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý của cán bộ thì mới có thẩm quyền quyết định các hình thức, kỷ luật đối với cán bộ đó.	234	68.02
Ý kiến khác:	3	0.87
15. Về các hình thức kỷ luật đối với đảng viên (khoản 2 Điều 35)		
Phương án 1: Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành.	277	80.52

NỘI DUNG	ĐỒNG Ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<i>Phương án 2:</i> Bổ sung hình thức kỷ luật lưu đảng đối với đảng viên vi phạm kỷ luật quy định tại khoản 2 Điều 35.	66	19.19
<i>Ý kiến khác:</i>	1	0.29
16. Về giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng (Điều 39)		
<i>Phương án 1:</i> Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành	265	77.03
<i>Phương án 2:</i> Quy định cấp trên cách một cấp của cấp quyết định thi hành kỷ luật là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng.	79	22.97
<i>Ý kiến khác:</i>	0	0.00
17. Về Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân và Công an nhân dân		
<i>Phương án 1:</i> Bổ sung 2 nội dung vào khoản 1 Điều 25: "(1) Sự lãnh đạo của Đảng được tập trung thống nhất vào Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng quyết định những vấn đề cơ bản về xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; (2) Nhà nước thống nhất quản lý Quân đội, Công an và sự nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật".	295	85.76

NỘI DUNG	ĐỒNG Ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<i>Phương án 2:</i> Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành	49	14.24
<i>Ý kiến khác:</i>	0	0.00
18. Cụ thể hoá một số chức danh của Đảng đối với Quân đội. (Điều 26, Điều 27)		
<i>Phương án 1:</i> Đề nghị sửa đổi một số khoản của Điều 26, 27 về việc nêu rõ các chức danh, như: đồng chí Tổng Bí thư là Bí thư Quân uỷ Trung ương; đồng chí bí thư cấp uỷ địa phương trực tiếp làm bí thư đảng uỷ quân sự cùng cấp...	297	86.34
<i>Phương án 2:</i> Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành	47	13.66
<i>Ý kiến khác:</i>	0	0.00
19. Về việc thay cụm từ "cán bộ chính trị" (khoản 3 Điều 26)		
<i>Phương án 1:</i> Thay cụm từ "cán bộ chính trị" bằng cụm từ "chính uỷ, chính trị viên" ở khoản 3 Điều 26.	283	82.27
<i>Phương án 2:</i> Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành	61	17.73
<i>Ý kiến khác:</i>	0	0.00

NỘI DUNG	ĐỒNG Ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
20. Về tên gọi Đảng uỷ Quân sự Trung ương		
<i>Phương án 1:</i> Thay cụm từ: "Đảng uỷ Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân uỷ Trung ương)" bằng cụm từ "Quân uỷ Trung ương".	301	87.50
<i>Phương án 2:</i> Giữ như khoản 1 Điều 26 Điều lệ Đảng hiện hành.	43	12.50
<i>Ý kiến khác:</i>	0	0.00
21. Về thẩm quyền, nhiệm vụ của Đảng uỷ Quân sự Trung ương (khoản 2 Điều 26)		
<i>Phương án 1:</i> Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành	110	31.98
<i>Phương án 2:</i> Bổ sung, sửa đổi khoản 2 Điều 26 như sau: "Quân uỷ Trung ương nghiên cứu, đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng; chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, công tác chính trị và công tác cán bộ trong Quân đội; lãnh đạo toàn quân về mọi mặt".	234	68.02

NỘI DUNG	ĐỒNG Ý	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<i>Ý kiến khác:</i>	0	0.00
22. Về thành viên Đảng uỷ Quân sự Trung ương (khoản 1 Điều 26)		
<i>Phương án 1:</i> Giữ như Điều lệ Đảng hiện hành	196	56.98
<i>Phương án 2:</i> Thay cụm từ "một số" Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội thành "các" Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội.	148	43.02
<i>Ý kiến khác:</i>	0	0.00
23. Về Đảng huy, Đảng kỳ, Đảng ca		
<i>Phương án 1:</i> Bổ sung vào Điều lệ Đảng quy định về Đảng huy, Đảng kỳ, Đảng ca để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng.	275	79.94
<i>Phương án 2:</i> Không bổ sung.	69	20.06
<i>Ý kiến khác:</i>	0	0.00

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XII - NHIỆM KỲ 2010 - 2015**



BCH Đảng bộ tỉnh khóa XII ra mắt Đại hội.

**BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY BÌNH THUẬN
KHÓA XII, NHIỆM KỲ 2010 - 2015**



Đ/c LÊ TIẾN PHƯƠNG
Phó Bí thư Tỉnh ủy



Đ/c HUỖNH VĂN TÍ
Bí thư Tỉnh ủy



Đ/c NGUYỄN MẠNH HÙNG
Phó Bí thư Tỉnh ủy



Đ/c NGUYỄN NGỌC HẢI
Ủy viên Thường vụ



Đ/c HOÀNG ĐÌNH NGHĨA
Ủy viên Thường vụ



Đ/c TRƯƠNG QUANG HẢI
Ủy viên Thường vụ



Đ/c NGUYỄN NGỌC
Ủy viên Thường vụ



Đ/c LƯƠNG VĂN HẢI
Ủy viên Thường vụ



Đ/c BÙI THẾ NHÂN
Ủy viên Thường vụ



Đ/c ĐỖ NGỌC NIỄN
Ủy viên Thường vụ



Đ/c NGUYỄN THU SƠN
Ủy viên Thường vụ



Đ/c NGUYỄN VĂN THÂN
Ủy viên Thường vụ



Đ/c CHÂU MINH SƠN
Ủy viên Thường vụ



Đ/c NGUYỄN THÀNH TÂM
Ủy viên Thường vụ

**CÁC ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
NHIỆM KỲ 2010 - 2015**



Đ/c NGUYỄN HOÀI ANH



Đ/c MAI XUÂN BÁ



Đ/c TRẦN MINH BẤY



Đ/c HUỖNH THANH CẢNH



Đ/c NGUYỄN NGỌC CHÍNH



Đ/c NGÔ MINH CHÍNH



Đ/c PHẠM NGỌC CHÍNH



Đ/c PHAN THANH CHÍNH



Đ/c TĂNG VIỆT CƯỜNG



Đ/c PHAN VĂN ĐĂNG



Đ/c ĐẶNG VĂN ĐỊNH



Đ/c HUỖNH GIÁC



Đ/c LÂM QUANG HIỂN



Đ/c NGUYỄN ĐỨC HÒA



Đ/c HUỖNH VĂN HƯNG



Đ/c TẠ THỊ THU HƯƠNG



Đ/c LÊ TẤN LAI



Đ/c LÊ ĐẮC LÂM



Đ/c PHẠM NGỌC LONG



Đ/c HỒNG THANH NAM



Đ/c PHẠM VĂN NAM



Đ/c TRẦN VĂN NHỰT



Đ/c HUỖNH TẤN PHÁP



Đ/c NGUYỄN THỊ PHÚC



Đ/c HỒ TRUNG PHƯỚC



Đ/c LÊ THỊ BẠCH PHƯỢNG



Đ/c NGUYỄN NGỌC QUANG



Đ/c VÕ DUY QUANG



Đ/c MAI SÊN



Đ/c TRẦN SỸ TÁ



Đ/c NGUYỄN VĂN TÀI



Đ/c NGUYỄN THỊ MINH TÂM



Đ/c PHÙNG THỊ THỌ



Đ/c TRỊNH VĂN THU



Đ/c ĐINH NGỌC TOÀN



Đ/c HUỖNH ĐA TRUNG



Đ/c LÊ HỒNG VẤN



Đ/c ĐINH LƯU VÂN



Đ/c NGUYỄN THỊ MỘNG VÂN

**DANH SÁCH ĐOÀN ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH THUẬN
ĐI DỰ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XI CỦA ĐẢNG**

1. Đ/c LÊ TIẾN PHƯƠNG
2. Đ/c NGUYỄN MẠNH HÙNG
3. Đ/c TRƯƠNG QUANG HAI
4. Đ/c CHÂU MINH SƠN
5. Đ/c ĐỖ NGỌC NIỀM
6. Đ/c NGUYỄN VĂN THÂN
7. Đ/c HOÀNG ĐÌNH NGHĨA
8. Đ/c NGÔ MINH CHÍNH
9. Đ/c NGUYỄN THỊ PHÚC
10. Đ/c TRẦN VĂN NHỰT
11. Đ/c NGUYỄN NGỌC HAI
12. Đ/c TRỊNH VĂN THU
13. Đ/c NGUYỄN HOÀI ANH
14. Đ/c THANH THỊ THẮNG

Đại biểu dự khuyết: Đ/c PHAN VĂN ĐĂNG

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH THUẬN
LẦN THỨ XII, NHIỆM KỲ 2010 - 2015

Đại hội đại biểu lần thứ XII Đảng bộ Tỉnh Bình Thuận, nhiệm kỳ 2010 - 2015 diễn ra từ ngày 27 tháng 9 đến ngày 30 tháng 9 năm 2010 tại Thành phố Phan Thiết.

QUYẾT NGHỊ

I. Tán thành những nội dung cơ bản về đánh giá tình hình 5 năm 2005 - 2010 và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ 5 năm 2010 - 2015 nêu trong Báo cáo chính trị đã trình Đại hội:

1. Về đánh giá tình hình 5 năm 2005 - 2010.

Đại hội khẳng định:

*5 năm qua, cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà đã nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, phấn đấu thực hiện Nghị quyết do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra, đạt được **những kết quả quan trọng và tương đối toàn diện; trên từng lĩnh vực xuất hiện thêm những khả năng mới, nhân tố mới.** Kinh tế tiếp tục phát triển, năng lực sản xuất, quy mô nền kinh tế tăng đáng kể; tiềm năng và lợi thế*

được khai thác ngày càng tốt hơn; các hoạt động văn hóa - xã hội có những chuyển biến tiến bộ; đời sống nhân dân tiếp tục ổn định và có cải thiện; các đối tượng chính sách, người nghèo được chăm lo tốt hơn; cơ sở vật chất và kỹ thuật được tăng cường; bộ mặt xã hội khởi sắc; quốc phòng, an ninh được giữ vững; dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng được phát huy; phong trào cách mạng của quần chúng được duy trì và phát triển; hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố và tăng cường. *Những kết quả ấy tạo tiền đề thúc đẩy tình hình các mặt của tỉnh phát triển nhanh hơn và hiệu quả hơn trong thời gian đến.*

Đạt được kết quả trên, bên cạnh sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ của các cơ quan Trung ương; các cấp ủy đảng đã có nhiều cố gắng trong nghiên cứu, vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đề ra những nhiệm vụ, giải pháp tương đối sát hợp với thực tiễn tình hình địa phương; sự nỗ lực trong quản lý, điều hành của chính quyền các cấp và sự quyết tâm, phấn đấu của các tầng lớp nhân dân và cán bộ, đảng viên tỉnh nhà.

Tuy nhiên, sự chuyển biến các mặt của tỉnh chưa mạnh, chưa có sự bứt phá rõ rệt; quy mô nền kinh tế còn nhỏ, GDP bình quân đầu người chưa đạt mức bình quân chung của cả nước; một số chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu Đại hội đề ra; sự yếu kém về kết cấu hạ tầng, đặc biệt là giao thông; chất lượng nguồn nhân lực thấp, sự chông chéo giữa các quy

hoạch ngành là những cản ngại chính, ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế. Một số vấn đề bức xúc về mặt xã hội giải quyết chưa căn bản. Trật tự xã hội từng nơi, từng lúc còn diễn biến phức tạp. Hiệu lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị có mặt còn hạn chế.

Tình hình trên, ngoài nguyên nhân khách quan do tác động của những khó khăn chung của đất nước, nguyên nhân chủ quan là do việc quán triệt các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong các cấp, các ngành chưa chắc, chưa sâu; công tác dự báo và năng lực cụ thể hóa, tổ chức thực hiện còn nhiều hạn chế; những nhiệm vụ trọng tâm và những lợi thế của tỉnh chưa được tập trung chỉ đạo đúng mức, một số vướng mắc kéo dài chậm được tháo gỡ; công tác quản lý, điều hành của chính quyền các cấp và vai trò tham mưu của các ngành trên một số mặt còn bất cập; năng lực, trách nhiệm, phong cách làm việc, phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn yếu, thụ động và ỷ lại.

Từ thực tiễn 5 năm qua, rút ra một số kinh nghiệm sau:

- Trong lãnh đạo, chỉ đạo phải nắm vững và vận dụng sáng tạo các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phân tích đúng tình hình, có quyết sách sát đúng để khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế của địa phương, làm tốt công tác dự báo, đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp với thực tiễn, tránh rập khuôn, máy móc.

- Quá trình lãnh đạo và tổ chức thực hiện vừa phải bảo đảm tính toàn diện; đồng thời phải dồn sức vào những nhiệm vụ trọng tâm, mấu chốt có tính đột phá; tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, khó khăn; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy và hoạt động giám sát, phản biện của HĐND, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; quan hệ chặt với các cơ quan Trung ương.

- Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành vừa phải phát huy đúng mức dân chủ, giữ nghiêm kỷ cương trong chấp hành; vừa đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu ở mỗi cấp, mỗi ngành.

- Coi trọng đúng mức công tác xây dựng Đảng trên cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức; đặc biệt phải ra sức xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực; giữ vững khối đoàn kết, nhất trí trong nội bộ; tạo được niềm tin và thực sự gắn bó với nhân dân.

2. Về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển 5 năm (2010 - 2015)

Đại hội nhất trí:

Trong 5 năm đến, tiếp tục phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống chính trị; huy động mọi nguồn lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế, thúc đẩy kinh tế tỉnh nhà phát triển theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa

trên cơ sở cơ cấu công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế trong nước và quốc tế; cải thiện đời sống nhân dân; bảo vệ môi trường; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tạo chuyển biến rõ rệt, toàn diện và vững chắc các mặt của đời sống xã hội.

2.1. Phấn đấu đến năm 2015 đạt một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt bình quân khoảng 13,0 - 13,5%/năm. Trong đó: công nghiệp - xây dựng tăng 15,5 - 16,0%; dịch vụ tăng 15,0 - 15,5%; nông, lâm, ngư nghiệp tăng 5,5 - 6,0%. GDP bình quân đầu người năm 2015 đạt khoảng 2.200 USD. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ; giảm tỷ trọng nhóm ngành nông - lâm nghiệp. Phấn đấu đến năm 2015, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 44,0 - 45,0%; dịch vụ chiếm 43,0 - 44,0% và nhóm ngành nông lâm nghiệp chiếm 12,0 - 13,0% trong GDP. Huy động GDP vào ngân sách bình quân hàng năm (không kể các khoản thu trực tiếp từ dầu khí và thuế xuất nhập khẩu) là 11 - 12%. Chi đầu tư phát triển từ ngân sách tập trung so với tổng chi ngân sách địa phương bình quân hàng năm 35%. Đến năm 2015, đạt sản lượng lương thực 730.000 tấn; sản lượng cao su 40.000 - 45.000 tấn; sản lượng thanh long 400.000 tấn; kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 370 triệu USD. Thu hút vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP bình quân hàng năm 50%.

- Giải quyết việc làm bình quân hàng năm 24.000 lao động. Đến năm 2015, hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi; tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 25%; tỷ lệ lao động qua đào tạo bằng các hình thức đạt 55%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 0,92%; bình quân hàng năm giảm từ 1,5 -1,7% hộ nghèo; 100% trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 9%; có 95% hộ nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Tỷ lệ độ che phủ rừng đến năm 2015 đạt 43,2%; giảm thiểu tình trạng khô hạn (cả về diện rộng và độ dài thời gian).

- Các đô thị mới và khu công nghiệp có hệ thống thu gom và xử lý chất thải đạt chuẩn quy định.

- Năm 2015, có 20 xã đạt các tiêu chuẩn nông thôn mới; có ít nhất 50% xã, phường vững mạnh toàn diện; có 80 - 85% xã, phường và cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ chiếm từ 1,6% đến 2% dân số.

- Đến năm 2015, phần đầu có ít nhất 50% tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh; trung bình mỗi năm phát triển 1.400 đảng viên; 75 - 80% tổ chức Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh.

2.2. Về nhiệm vụ và giải pháp phát triển các ngành, các lĩnh vực, các vùng

a/ Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng "Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp"; khai thác tốt tiềm năng và lợi thế của tỉnh

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu; tập trung trước hết vào nhóm sản phẩm lợi thế, sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường; coi trọng phát triển công nghiệp điện năng, công nghiệp chế biến phục vụ xuất khẩu; ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, thân thiện môi trường.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp hiện có, đồng thời từng bước triển khai đầu tư các khu công nghiệp đã được qui hoạch. Đôn đốc triển khai các dự án thủy điện, nhiệt điện, điện gió đã được chấp thuận đầu tư. Quản lý chặt nguồn nguyên liệu và tổ chức chế biến sâu các loại quặng, sản phẩm khai khoáng. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản theo hướng coi trọng chất lượng. Ở mỗi huyện triển khai hoàn chỉnh từ 1 - 2 cụm công nghiệp và làng nghề nông thôn.

- Đầu tư phát triển du lịch chất lượng cao. Tập trung củng cố, hoàn thiện, nâng chất lượng khu du lịch Hàm Tiến - Mũi Né; tạo điều kiện phát triển nhanh du lịch về phía Nam Phan Thiết đến La Gi và từng bước nối tuyến với Bắc

Bình, Tuy Phong, Hàm Thuận Bắc... Phát triển du lịch sinh thái, thể thao, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh kết hợp với hội nghị, hội thảo... Đa dạng hóa và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và các loại dịch vụ phục vụ du lịch.

Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quảng bá; đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú ý đội ngũ hướng dẫn viên, đội ngũ quản lý, quản trị du lịch; tăng cường quản lý nhà nước về môi trường (cả môi trường tự nhiên và xã hội).

- *Phát triển mạnh thương mại, dịch vụ*, bảo đảm lưu thông hàng hóa nhanh, thuận tiện, thúc đẩy sản xuất phát triển, phục vụ tốt đời sống nhân dân. Giữ vững thương hiệu và tiếp tục mở rộng thị phần các sản phẩm lợi thế: nước mắm, nước khoáng Vĩnh Hảo, tảo, thanh long... Đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm lợi thế của địa phương.

Tạo điều kiện nâng cao năng lực và chất lượng các loại dịch vụ vận tải, dịch vụ tài chính, tín dụng, bưu chính viễn thông... đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế và sinh hoạt của nhân dân,...

- *Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với giải quyết tốt các vấn đề nông dân, nông thôn.*

Tập trung quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất nông nghiệp. Quản lý chặt và ổn định diện tích lúa khoảng 44.000 ha, chú trọng khâu giống, tập trung đầu tư thâm canh; đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp; tạo điều kiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng một cách vững chắc, phù hợp trên từng vùng, đảm bảo hiệu quả; trong đó tập trung chỉ đạo phát triển các loại cây chủ lực: thanh long, cao su, điều,... Khuyến khích phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp; ứng dụng công nghệ - kỹ thuật tiên tiến, nâng cao chất lượng con giống gắn với tổ chức lại hệ thống giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; tăng cường công tác thú y, phòng chống dịch bệnh.

Phát triển lâm nghiệp toàn diện theo hướng xã hội hóa. Đẩy mạnh trồng rừng gắn chặt với quản lý, bảo vệ rừng. Quản lý nghiêm ngặt các khu bảo tồn thiên nhiên; phát triển rừng phòng hộ, nhất là ở những nơi xung yếu và trồng rừng trên các vùng cát ven biển, chống sa mạc hóa. Đẩy mạnh giao khoán quản lý, bảo vệ rừng. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý nghiêm nhằm ngăn chặn tình trạng phá rừng; lấn chiếm đất lâm nghiệp.

Phát triển thủy sản toàn diện và bền vững; coi trọng nhiệm vụ bảo vệ, tái tạo nguồn lợi, nhất là nguồn lợi ven bờ. Nhân rộng các mô hình khai thác xa bờ gắn với các hoạt động dịch vụ, sơ chế, bảo quản trên tàu, đi đôi củng cố nâng cao chất lượng hoạt động các Tổ Đoàn kết đánh bắt hải sản

góp phần bảo vệ chủ quyền vùng biển. Khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ chế biến thủy sản, nâng cao chất lượng, đáp ứng xuất khẩu. Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản cả nước mặn, ngọt và lợ.

b/ Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế.

Tạo môi trường thông thoáng kêu gọi các thành phần kinh tế cả trong và ngoài nước đầu tư phát triển trên tất cả các ngành, các lĩnh vực mà pháp luật không cấm; tập trung khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh, khuyến khích đầu tư vào các vùng khó khăn, các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá, thể dục thể thao... Công khai hoá quy hoạch, cơ chế, chính sách, danh mục các công trình, các dự án kêu gọi, ưu đãi đầu tư... để các thành phần kinh tế lựa chọn và quyết định đầu tư.

c/ Làm tốt công tác tài chính, tín dụng đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất - kinh doanh.

Quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu, lạm thu. Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách. Bố trí đầu tư phát triển năm sau cao hơn năm trước, ưu tiên trước hết cho các công trình trọng điểm, các nhiệm vụ trọng tâm; bảo đảm chi lương và các chế độ trợ cấp, phụ cấp và các chính sách an sinh xã hội... Làm tốt công tác huy động các nguồn vốn, bảo đảm đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh - doanh; ưu tiên cho vay phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu.

trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đi vào chiều sâu. Làm tốt công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc.

- Thông qua nhiều hình thức phù hợp, đẩy mạnh đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với giải quyết việc làm; quan tâm đúng mức các đối tượng nằm trong diện giải phóng mặt bằng, lao động nông thôn, bộ đội xuất ngũ, sinh viên, học sinh mới ra trường...

- Đẩy mạnh hơn nữa phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo; giảm nghèo một cách vững chắc.

e/ Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và có hiệu quả tài nguyên đất đai, khoáng sản và tài nguyên nước; tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Bằng các biện pháp quản lý chặt chẽ đất công, quỹ đất chưa sử dụng, bảo đảm sử dụng đất đúng mục đích theo quy hoạch, đạt hiệu quả cao. Hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các loại đất, hoàn thành đo đạc bản đồ địa chính để từng bước đưa công tác quản lý đất đai vào nề nếp. Thường xuyên thanh, kiểm tra, xử lý nghiêm nhằm ngăn chặn có hiệu quả tình trạng lấn chiếm, sang nhượng đất trái phép.

d/ Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hoá - thể dục, thể thao; giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc

- Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng nề nếp, kỷ cương trong nhà trường, hạn chế thấp nhất tỷ lệ học sinh bỏ học; giữ vững kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và xóa mù chữ. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học.

- Phát huy có hiệu quả các chương trình khoa học - công nghệ, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong hoạt động sản xuất - kinh doanh. Làm tốt công tác nghiên cứu, phản biện, cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ các đề án phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp vệ sinh phòng dịch; triển khai tốt các chương trình y tế quốc gia; khống chế và dập tắt kịp thời, không để các loại dịch bệnh lây lan. Tiếp tục cải tạo, nâng cấp hệ thống cơ sở y tế, đầu tư trang thiết bị theo hướng hiện đại gắn với coi trọng giáo dục, đào tạo, xây dựng đội ngũ thầy thuốc có y đức tốt, giỏi về chuyên môn.

- Không ngừng nâng chất lượng và chuyển mạnh các hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao về cơ sở. Đưa phong

Hoàn thành công tác quy hoạch các loại khoáng sản và tài nguyên nước; quản lý chặt và tổ chức khai thác theo quy hoạch, kế hoạch. Tháo gỡ những vướng mắc, chông lán giữa các qui hoạch để các dự án triển khai nhanh và thuận lợi. Xử lý nghiêm các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép, ô nhiễm môi trường. Quản lý, khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên nước.

Tăng cường các biện pháp ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường, nhất là ở các khu công nghiệp, khu du lịch, bệnh viện, đô thị và một số vùng nông thôn. Xử lý nghiêm mọi hành vi gây ô nhiễm môi trường. Có kế hoạch chủ động nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, biến đổi khí hậu, ngăn chặn xâm thực. Tích cực trồng rừng, phát triển cây xanh ở các đô thị để góp phần cải thiện môi trường.

g/ Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại

Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng với tầm nhìn dài hạn. Xác định cụ thể danh mục các công trình quan trọng, chủ yếu để dồn sức chỉ đạo, huy động vốn. Tích cực tranh thủ nguồn vốn viện trợ, vốn hỗ trợ của Trung ương; các khoản thu từ quỹ đất và vốn từ huy động sức dân để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội.

h/ Định hướng phát triển các vùng

Hình thành và phát triển không gian đô thị theo hướng văn minh, từng bước hiện đại gắn với phát triển mạnh kinh tế công nghiệp và dịch vụ, du lịch; tăng cường đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng, phấn đấu đạt chuẩn đối với các đô thị hiện có, từng bước chuẩn bị điều kiện cho các đô thị trong qui hoạch.

Phát triển toàn diện kinh tế biển cả về khai thác, chế biến, nuôi trồng; đồng thời phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, du lịch và công nghiệp. Gắn chặt kinh tế với quốc phòng, kiên quyết giữ vững an ninh vùng biển, đảo.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới; đưa việc thực hiện Nghị quyết 04 của Tỉnh uỷ (khoá X) đi vào chiều sâu, chăm lo tốt hơn đời sống đồng bào dân tộc thiểu số.

i/ Tăng cường tiềm lực quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội

Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh; gắn chặt phát triển kinh tế - xã hội với củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân. Coi trọng giáo dục ý thức quốc phòng toàn dân; xây dựng thế trận lòng dân; đẩy mạnh bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, nâng cao ý thức cảnh giác trước âm mưu "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

Phối hợp chặt trong hoạt động của các lực lượng Quân sự - Công an - Biên phòng; triển khai đồng bộ và có hiệu quả các biện pháp bảo đảm giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; giữ vững an ninh kinh tế, an ninh văn hoá - tư tưởng, an ninh nông thôn. Nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Làm tốt công tác nắm và dự báo tình hình, phát hiện và xử lý có hiệu quả, kịp thời mọi hành vi nhen nhóm phá hoại, gây rối của phần tử xấu và bọn phản động, không để bị động, bất ngờ; không để xảy ra "điểm nóng". Tăng cường các biện pháp phòng chống làm giảm các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông. Ra sức xây dựng, nâng cao chất lượng toàn diện lực lượng Quân sự, Công an và Biên phòng, coi trọng chất lượng chính trị, trình độ sẵn sàng chiến đấu và hiệp đồng chiến đấu.

k/ Ra sức xây dựng, nâng cao năng lực và hiệu lực quản lý, điều hành, quản lý của bộ máy nhà nước các cấp ở địa phương

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân; chú trọng hoạt động giám sát. Đẩy mạnh cải cách hành chính trước hết là thủ tục hành chính; củng cố, xây dựng chính quyền cơ sở quản lý tốt địa bàn theo quy định của pháp luật. Phát huy đúng mức trách nhiệm và vai trò tham mưu của các ngành chức năng và của người đứng đầu từng cấp, từng ngành. Tăng cường kỷ luật trong quản lý hành chính.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49 của Bộ Chính trị. Xây dựng các cơ quan bảo vệ pháp luật ngày càng trong sạch vững mạnh, có đội ngũ đủ về số lượng, phẩm chất đạo đức tốt, tinh thông về nghiệp vụ. Không ngừng nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật. Tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm; tập trung trước hết vào các lĩnh vực: đất đai, tài nguyên - khoáng sản, cấp phép dự án, quản lý và sử dụng các nguồn vốn.

1/ Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân

Thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân theo hướng thực sự sâu sát với cơ sở, với các đối tượng quần chúng; phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận và các đoàn thể trong việc vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh; phát hiện và góp phần cùng với chính quyền giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân, xử lý có hiệu quả những vấn đề nảy sinh trong thực tế; thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội và tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân; thông qua phong trào quần chúng để xây dựng thực lực chính trị ở cơ sở và củng cố tổ chức Mặt trận và các đoàn thể. Chăm lo tốt hơn đời sống đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách tôn giáo. Tăng cường vận động đồng bào định cư ở nước ngoài góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

m/ Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động trong toàn Đảng bộ. Cải tiến phương pháp nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu, học tập, tuyên truyền các nghị quyết, chủ trương của Đảng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tiếp tục đưa Cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*" đi vào chiều sâu. Mỗi đảng viên phải nêu cao ý thức tự giác học tập nâng cao trình độ các mặt, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, ra sức rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, phát huy tính năng động, sáng tạo trong công việc, tận tụy phục vụ nhân dân. Cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành, các tổ chức Đảng phải phát huy đúng mức vai trò nòng cốt, nêu gương. Khắc phục có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở. Đặc biệt coi trọng công tác giáo dục, đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ; quan tâm đúng mức cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số; đặc biệt là cán bộ trẻ nhằm bảo đảm tính kế thừa trong đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành. Bố trí đúng cán bộ theo năng lực, sở trường; mạnh dạn đề bạt vượt cấp đối với những cán bộ trẻ có triển vọng, thay thế kịp thời những cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ; xử lý nghiêm minh những cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm, không chịu rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật nhà nước, thoái hóa, biến chất.

- Tập trung sức xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng các cấp; trước hết là năng lực vận dụng cụ thể hoá và năng lực tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đảng; nâng cao chất lượng sinh hoạt, tự phê bình và phê bình, khơi dậy cho được tinh thần đấu tranh xây dựng nội bộ. Giữ vững khối đoàn kết nhất trí nội bộ, trước hết trong ban chấp hành, ban thường vụ các cấp ủy trên cơ sở quán triệt và chấp hành nghiêm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

- Tăng cường đúng mức công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp. Coi trọng

công tác phúc tra sau kiểm tra. Đẩy mạnh đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong bộ máy các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể các cấp. Giải quyết tốt đơn thư tố cáo, khiếu nại. Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các ngành, các cấp trong công tác kiểm tra, giám sát; xử lý nghiêm minh, kịp thời những trường hợp vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước và các vụ việc tiêu cực.

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp ủy đảng. Cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành phải đi sát cơ sở, sát nhân dân, phát hiện và xử lý kịp thời những vấn đề nảy sinh trong thực tế theo phạm vi trách nhiệm của mình.

- Ra sức xây dựng tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh nhà ngày càng vững mạnh, xứng đáng là cánh tay đắc lực và đội dự bị đáng tin cậy của Đảng bộ.

2.3. Những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung lãnh đạo

- Ra sức xây dựng và chỉnh đốn Đảng mà trọng tâm là nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và công tác cán bộ gắn với đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm và tiếp tục đưa Cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*" vào chiều sâu.

- Bằng mọi biện pháp tích cực, tạo bước chuyển mạnh mẽ trong phát triển công nghiệp.

- Huy động mọi nguồn lực cải tạo và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, tập trung trước hết vào hạ tầng các khu công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, điện; chú ý các xã nông thôn mới.

- Coi trọng đúng mức công tác giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; khẩn trương tháo gỡ những vướng mắc trong các quy hoạch, đặc biệt là quy hoạch rừng, đất đai, khoáng sản, tạo cơ sở để thúc đẩy các mặt của tỉnh phát triển thuận lợi và bền vững.

- Tập trung giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc về xã hội, trước hết là môi trường, trật tự xã hội, tình trạng khiếu kiện đông người.

II. Thông qua Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI), nhiệm kỳ 2005-2010. Từ kinh nghiệm của khoá trước, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XII) cần tiếp thu phát huy ưu điểm, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác cho nhiệm kỳ 2010 - 2015.

III. Thông qua Báo cáo tổng hợp ý kiến của tổ chức đảng các cấp, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đóng góp vào dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XI của Đảng. Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh (khóa XII) tiếp thu ý kiến thảo luận tại Đại hội để bổ sung, hoàn chỉnh văn bản, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

IV. Đại hội thống nhất số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XII) là 55 đồng chí, tại Đại hội bầu 53 đồng chí, còn 02 đồng chí sẽ bổ sung trong nhiệm kỳ vào thời điểm thích hợp.

Thông qua kết quả bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XII) nhiệm kỳ 2010 - 2015 gồm 53 đồng chí, do đồng chí Huỳnh Văn Tí làm Bí thư Tỉnh ủy và bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng gồm 14 đại biểu chính thức và 01 đại biểu dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XII) hoàn chỉnh hồ sơ về kết quả bầu cử, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các ban Đảng Trung ương có liên quan để quyết định chuẩn y theo quy định.

V. Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XII) căn cứ Nghị quyết của Đại hội, trên cơ sở quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, xây dựng chương trình hành động cụ thể và tập trung sức lãnh đạo thực hiện để nhanh chóng đưa Nghị quyết Đại hội vào thực tiễn.

Đại hội kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh tiếp tục phát huy truyền thống của Đảng bộ, đoàn kết nhất trí, khắc phục khó khăn, nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, quyết tâm phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 - 2015 của Đảng bộ tỉnh đã đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết lần thứ XI của Đảng trong thời kỳ mới.

TRÍCH THAM LUẬN
GÓP Ý VÀO DỰ THẢO BÁO CÁO
CHÍNH TRỊ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XII

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP VỀ XÂY DỰNG, NÂNG CAO HIỆU LỰC
VÀ HIỆU QUẢ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ MÁY
NHÀ NƯỚC CÁC CẤP Ở ĐỊA PHƯƠNG**

(Trích tham luận của đoàn đại biểu Đảng bộ huyện Hàm Tân)

Tại dự thảo báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, về nội dung tiêu đề của nhiệm vụ và giải pháp thứ 7, đã viết: *“Ra sức xây dựng, nâng cao năng lực và hiệu lực điều hành, quản lý của bộ máy nhà nước các cấp ở địa phương”*.

Do khái niệm *“hiệu lực”* trong hoạt động của bộ máy nhà nước đã bao hàm và thể hiện cụ thể *“quyền lực”* và *“năng lực”* của bộ máy Nhà nước. Ngoài ra, bên cạnh khái niệm *“hiệu lực”* thì khái niệm *“hiệu quả”* luôn phải được dùng để phản ánh kết quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Do đó, Đoàn đại biểu Đảng bộ huyện Hàm Tân đề nghị sửa lại tiêu đề trên như sau: *“Ra sức xây dựng, nâng cao **hiệu lực** và **hiệu quả** điều hành, quản lý của bộ máy nhà nước các cấp ở địa phương”*.

Để ra sức xây dựng, nâng cao hiệu lực và hiệu quả điều hành, quản lý của bộ máy nhà nước các cấp ở địa phương, Đoàn đại biểu Đảng bộ huyện Hàm Tân đề xuất một số giải pháp cụ thể sau đây:

Thứ nhất, phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của bộ máy nhà nước các cấp ở địa phương. Đảng phải định hướng cho các hoạt động của bộ máy nhà nước, nhưng không bao biện làm thay, không can thiệp quá sâu. Đồng thời, Đảng không được buông lỏng sự lãnh đạo đối với các hoạt động của bộ máy nhà nước, vì sẽ làm lu mờ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan thuộc bộ máy Nhà nước.

Thứ hai, đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) trên các mặt như cải cách thể chế; cải cách tổ chức, bộ máy; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tài chính công và hiện đại hóa nền hành chính.

- Phải bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách, với yêu cầu phải đồng bộ, nhất quán, đầy đủ, chính xác, gắn với công bằng xã hội, đảm bảo phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Phải tiếp tục kiện toàn hệ thống các cơ quan thuộc bộ máy nhà nước các cấp ở địa phương, nhất là chính quyền cơ sở. Tăng cường các biện pháp sắp xếp, cải tiến, đổi mới phương thức, lề lối làm việc của các cơ quan chuyên môn thuộc bộ máy nhà nước.

- Phải tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND từ tỉnh đến cấp

xã, đảm bảo tính đồng bộ, đầy đủ, không chồng chéo, mâu thuẫn và sát với điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương. Các văn bản quy phạm pháp luật phải được ban hành trên cơ sở khoa học, có tính khả thi cao, tính hợp lý và tính nhân dân.

- Phải tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, đảm bảo có đầy đủ đức, tài, tận tâm với công việc, hoạt động có hiệu quả và đúng pháp luật.

- Thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” và phù hợp với bộ thủ tục hành chính được rà soát ban hành hàng năm theo đề án 30 của Chính phủ.

- Tăng cường công tác cải cách tài chính công theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP và Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính.

- Trang bị đầy đủ các điều kiện, phương tiện làm việc và đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan thuộc bộ máy nhà nước các cấp ở địa phương.

Thứ ba, phải đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật cho nhân dân, đặc biệt chú ý đến các đối tượng như: cán bộ, công chức, các đơn vị sản xuất kinh doanh, phụ nữ, trẻ em, đồng bào vùng dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có đạo, vùng sâu, vùng xa,...

Thứ tư, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đảm bảo quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, tạo mọi điều kiện để nhân dân tham gia các hoạt động quản lý, điều hành của bộ máy nhà nước các cấp ở địa phương, đảm bảo công bằng xã hội.

Thứ năm, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát và có biện pháp xử lý kịp thời, nghiêm minh khi phát hiện sai phạm, bảo đảm trật tự kỷ cương và hiệu lực của bộ máy nhà nước. Đặc biệt, thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; gắn kết chặt chẽ với các nội dung của Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”./.

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG DỰ THẢO
BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA TỈNH
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XII**

(Trích tham luận của đoàn đại biểu Đảng bộ huyện Phú Quý)

*1. Về nội dung “Phát hiện và góp phần cùng với chính quyền giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân, xử lý có hiệu quả những vấn đề nảy sinh trong thực tế... Tăng cường vận động đồng bào định cư ở nước ngoài góp phần xây dựng quê hương, đất nước”, Đoàn Đại biểu chúng tôi thấy rằng, những nhiệm vụ trên là rất phù hợp, đặc biệt là trong tình hình hiện nay. Vì, việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả công tác của các cấp uỷ đảng, trong đó cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành ngoài việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại cơ quan đơn vị, cần phải đi sát cơ sở, sát dân, phát hiện và góp phần cùng với chính quyền giải quyết kịp thời những nguyện vọng chính đáng của nhân dân, xử lý kịp thời, có hiệu quả những vấn đề nảy sinh trong thực tế theo phạm vi trách nhiệm của mình. Theo chúng tôi, **thực hiện tốt nhiệm vụ này sẽ góp phần quan trọng sớm phát hiện và ngăn chặn***

kip thời những vấn đề phức tạp, nổi cộm từ cơ sở có thể phát sinh thành “điểm nóng”.

*2. Đối với việc tăng cường vận động đồng bào định cư ở nước ngoài góp phần xây dựng quê hương, đất nước, chúng tôi thấy rằng: Chủ trương này rất phù hợp với chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng, Nhà nước ta. Song, chúng ta cũng cần phải có kế hoạch cụ thể, sát hợp, vì đây là một trong những vấn đề rất “nhạy cảm”; đồng thời Đảng và Nhà nước cũng cần có những chính sách hợp lý nhằm khuyến khích đối với đồng bào định cư ở nước ngoài đầu tư phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội góp phần xây dựng quê hương, đất nước, **nhất là ở vùng núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn...** Các cấp, các ngành, Mặt trận, các đoàn thể chính trị, hội quần chúng, cần phải tuyên truyền sâu rộng cho gia đình có người thân định cư ở nước ngoài về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước ta; tăng cường đi sát cơ sở để vận động gia đình có người thân định cư ở nước ngoài đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.*

3. Về dự thảo báo cáo có nêu 5 nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm, để các cấp bộ Đảng trong tỉnh tập trung sức lãnh đạo, chúng tôi rất đồng tình với 5 nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm mà dự thảo đã đề ra. Bởi vì, những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm đề ra rất ngắn gọn, đã bao hàm đầy

đủ tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh, công tác xây dựng hệ thống chính trị trong toàn Đảng bộ của tỉnh nhà.

*Song, để các cấp bộ Đảng trong tỉnh tập trung sức lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm trên, đòi hỏi toàn hệ thống chính trị các cấp trong tỉnh cần **phải phát huy sức mạnh đại đoàn kết, đồng lòng nỗ lực phấn đấu khắc phục những khó khăn, yếu kém trên tất cả các lĩnh vực; cụ thể hoá thành chương trình, kế hoạch sát hợp, tập trung sức, quyết liệt lãnh đạo, triển khai thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra./***

**TẬP TRUNG SỨC XÂY DỰNG, CÙNG CỐ
TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO
VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG CÁC CẤP**

(Trích tham luận của đoàn đại biểu Đảng bộ huyện Tánh Linh)

Trong những năm qua, toàn Đảng đã quan tâm chú trọng đến nhiệm vụ này, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương (khoá X) (Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 02/02/2008) “Về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ đảng viên là một minh chứng cụ thể. Trên thực tế, ở tỉnh ta, nhiều cấp ủy địa phương đã quan tâm xây dựng, củng cố, kiện toàn các TCCSĐ. Song sự chuyển biến cũng như cách làm của mỗi địa phương có khác nhau. Vì vậy, giải pháp cho vấn đề này phải dựa trên quan điểm lịch sử cụ thể; phù hợp thực tế của từng đảng bộ địa phương, cơ sở. Chúng tôi xin góp một số giải pháp như sau:

- Trước hết, cần chú ý khảo sát, nhận dạng một cách chính xác các hạn chế, yếu kém của từng loại hình TCCSĐ, nhằm giúp các tổ chức đảng cấp trên nắm chắc hiện trạng, yếu kém ở khâu nào, xu hướng vận động của từng TCCSĐ.

Trên cơ sở đó mới đưa ra được các biện pháp củng cố sát đúng, có hiệu quả.

- Thứ hai, với thực trạng nhiều tổ chức cơ sở đảng (đặc biệt là tổ chức cơ sở đảng khối cơ quan) chưa nhận thức và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng, do vậy cấp ủy các cấp cần chủ động chỉ đạo, hướng dẫn cấp trực thuộc bám sát quy định của Đảng để rà soát bổ sung quy chế làm việc, tạo sự đồng bộ, nhất quán, phối hợp, ràng buộc trách nhiệm giữa các chủ thể, tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở hoặc cơ quan nhằm mục tiêu chung. Thực tiễn cho thấy, những TCCSĐ yếu kém thường xây dựng quy chế làm việc không chặt chẽ, không tuân thủ những quy định, dẫn tới vi phạm nguyên tắc, buông lơi hoặc chông lán về chức năng, nhiệm vụ. Quy chế làm việc phải tạo được sự thống nhất cao ở đảng viên, cấp ủy, các tổ chức trong hệ thống chính trị trong việc thực hiện quy chế. Quá trình củng cố, kiện toàn TCCSĐ phải gắn chặt với củng cố kiện toàn hệ thống chính trị cơ sở, “dựa vào dân để xây dựng Đảng”. Sự lồng ghép tác động “cộng hưởng” này sẽ tạo nên chất lượng mới của hệ thống chính trị cơ sở mà trước hết là TCCSĐ và chính quyền cơ sở.

- Thứ ba, chất lượng sinh hoạt chi bộ (cả chi bộ trực thuộc và cơ sở) còn nhiều bất cập. Thực tế cho thấy, vẫn còn nhiều tổ chức đảng ở cơ sở và hoạt động còn mang tính hình thức, cả năm sinh hoạt được một vài lần, chỉ cần cử một

người ghi biên bản và viết báo cáo để đối phó với cấp trên là được... do vậy, mỗi cấp, mỗi địa phương cần có kế hoạch kiểm tra, đánh giá đúng thực chất hoạt động của tổ chức đảng. Chúng tôi cho rằng các Ban xây dựng Đảng của cấp ủy các cấp cần phát huy tốt hơn vai trò tham mưu, chủ động trong việc kiểm tra, đôn đốc, giám sát các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc trong công tác hoạt động.

- Thứ tư, cũng liên quan đến chất lượng sinh hoạt của tổ chức đảng: việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được đảm bảo, còn tình trạng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” Do vậy, cần nhận thức đúng nội dung, bản chất của nguyên tắc tập trung dân chủ; tập trung phải trên cái nền dân chủ thì mới đúng hướng, dân chủ phải nằm trong biên độ chỉ đạo của tập trung thì mới trở thành dân chủ thực chất, dân chủ gắn với kỷ luật kỷ cương. Các TCCSD cần thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình. Mấu chốt của vấn đề là từng nguyên tắc cần có quy định cụ thể để ràng buộc thực hiện. Chẳng hạn, nên xây dựng quy định để thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, ra nghị quyết, trong công tác cán bộ; cần có điều kiện, quy định để phát huy, ràng buộc đối với cá nhân phụ trách... đến quy chế bảo vệ người phê bình.

- Thứ năm, cấp ủy mỗi cấp cần có biện pháp để giúp đỡ cơ sở trong việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, đảng

bộ... trong thực tế đã có một số địa phương trong tỉnh ta đã tổ chức thực hiện xây dựng chương trình để Cấp ủy viên cấp trên cơ sở về sinh hoạt định kỳ với cấp ủy cơ sở và chi bộ trực thuộc, đây là cách làm vừa phát huy vai trò của cấp ủy viên các cấp, vừa truyền tải thông tin, định hướng chỉ đạo của cấp trên đến cơ sở, vừa là kênh tiếp nhận thông tin từ cơ sở lên cấp trên... (ở Tánh Linh chúng tôi có chủ trương đồng hành cùng chi bộ thôn, khu phố).

- Để củng cố tổ chức cơ sở đảng và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng các cấp: khâu then chốt cần tập trung tháo gỡ vẫn là khâu cán bộ. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cấp ủy, cán bộ chủ chốt cả về phẩm chất và năng lực. Ở những nơi mất đoàn kết nghiêm trọng kéo dài, đặc biệt là mất đoàn kết trong tập thể lãnh đạo, qua giáo dục, kiểm điểm phê bình nhưng không sửa chữa khuyết điểm thì cần tính đến biện pháp thay thế hoặc luân chuyển cán bộ để sớm ổn định tình hình. Đồng thời, vừa chú trọng kết nạp đảng viên mới có chất lượng, khắc phục tình trạng khá phổ biến hiện nay là cán bộ, CNV xin vào Đảng với động cơ cá nhân, địa vị, trục lợi... (thể hiện rõ nhất là ở các trường hợp còn vướng mắc về lịch sử chính trị nhưng không quá nghiêm trọng, cấp trên đồng ý cho kết nạp nhưng ràng buộc không cho cơ cấu lãnh đạo thì có thái độ quay lưng, không cần thiết...) Mặt khác, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không đủ tư cách đảng viên, thoái hoá, biến chất./.

TIẾP TỤC TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TOÀN DIỆN

(Trích tham luận của đoàn đại biểu Đảng bộ thị xã La Gi)

Hiện nay trên địa bàn thị xã có 41 trường, 20.129 học sinh, gồm 12 trường mầm non (MN) với 78 lớp, 2353 học sinh; 22 trường tiểu học với 338 lớp, 10 035 học sinh; 07 trường THCS với 208 lớp, 8313. học sinh.

Tất cả các trường đều nối mạng Internet trong quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước sử dụng giáo án điện tử trong giảng dạy.

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên được phát triển cả về số lượng và chuẩn hoá về chuyên môn nghiệp vụ. Hiện tại cán bộ quản lý có 86 người (MN: 25 người, tiểu học: 43 người, THCS: 18 người) 100 % đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn trong đó có trình độ đại học là 44 người chiếm tỉ lệ 51.16%. Giáo viên có 932 người (MN: 113 người, tiểu học: 453 người, THCS: 366 người). Mầm non đạt chuẩn 100%, trong đó trên chuẩn 69%; Tiểu học đạt chuẩn 100%, trong đó trên chuẩn 73%; THCS đạt chuẩn 99%, trong đó trên chuẩn 39%.

Với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên hiện nay cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học trên địa bàn thị xã.

Với thực lực đội ngũ và cơ sở vật chất nêu trên là điều kiện tốt cho địa phương trong công tác thực hiện nhiệm vụ giáo dục. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ thị xã La Gi lần thứ VIII, đến nay chất lượng giáo dục ở thị xã đã được nâng cao, chất lượng giáo dục hạnh kiểm tương đối ổn định, không có học sinh vi phạm đạo đức nghiêm trọng, không xảy ra bạo lực trong học đường và các tệ nạn xã hội khác. Chất lượng hoạt động các phong trào, đặc biệt là phong trào xây dựng trường chuẩn Quốc gia đang dẫn đầu toàn tỉnh về số lượng, với 10 trường đạt chuẩn Quốc gia, trong đó có 02 trường TH đạt chuẩn quốc gia mức độ 2

Không tự mãn với những kết quả đạt được, địa phương thường xuyên chỉ đạo đưa sự nghiệp giáo dục đào tạo không ngừng phát triển, nhất là trên lĩnh vực nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và xây dựng trường chuẩn Quốc gia.

Đến năm 2015, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 25%:

Về công tác xây dựng trường chuẩn Quốc gia trong báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ thị xã đã xác định chỉ tiêu đến năm 2015 có thêm 03 trường mẫu giáo, 03 trường tiểu học, 02 trường THCS đạt chuẩn Quốc gia (hiện La Gi có 10 trường đạt chuẩn quốc gia ở cả 3 cấp học, tỷ lệ 24.39%), khi

đó số trường đạt chuẩn quốc gia ở La Gi sẽ là 18 trường, tỷ lệ 43.9%). Đây là chỉ tiêu đòi hỏi sự nỗ lực quan tâm của toàn Đảng, các cấp chính quyền và nhân dân, tổ chức thực hiện tập trung và quyết liệt thì mới hoàn thành được. Ngoài các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ giải pháp sau:

- Ưu tiên nguồn vốn ngân sách thị xã đầu tư, bổ sung sửa chữa nâng cấp, bổ sung trang thiết bị giảng dạy, sách tham khảo cho các trường nằm trong lộ trình xây dựng trường chuẩn Quốc gia.

- Sắp xếp lại đội ngũ, tạo sự đồng bộ về năng lực sư phạm trong nhà trường để đảm bảo tỉ lệ, chất lượng đội ngũ theo qui định. Ưu tiên đào tạo bồi dưỡng hoặc điều chuyển giáo viên có trình độ chuyên môn cao về các trường nằm trong kế hoạch xây dựng trường chuẩn Quốc gia; điều chuyển hoặc giải quyết cho thôi việc các trường hợp chưa đạt chuẩn, tay nghề yếu kém. Khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên tự học bồi dưỡng nâng cao trình độ trên chuẩn.

- Chú trọng xây dựng các tổ chức chính trị, đoàn thể xã hội trong nhà trường vững mạnh, có tác dụng hỗ trợ tích cực cho hoạt động của nhà trường.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng, phụ đạo để nâng cao kết quả học tập của học sinh. Phối hợp với các tổ chức đoàn

thể, chính quyền, hội cha mẹ học sinh để giảm thiểu học sinh bỏ học dưới 2%, yếu kém dưới 5%. Chú trọng giáo dục đạo đức, rèn luyện nhân cách, kỹ năng ứng xử trong cuộc sống cho học sinh.

Đến năm 2015 hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi:

Đề án Phổ cập giáo dục mầm non (PCGDMN) cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015 với mục tiêu củng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp, bảo đảm đến năm 2015, có 95% số trẻ em trong độ tuổi năm tuổi được học 2 buổi/ngày; đến năm 2015 có 100% trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non được học chương trình giáo dục mầm non mới, chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ vào học lớp 1; 100% giáo viên dạy mầm non năm tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo vào năm 2010 phấn đấu đến năm 2015 có 50% giáo viên đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá...

Năm học 2010 – 2011 là năm đầu tiên thực hiện phổ cập cho trẻ 5 tuổi, khó khăn nhất chính là nhiều nơi đang đứng trước nguy cơ thiếu chỗ học. Bên cạnh cơ sở vật chất, yếu tố đội ngũ giáo viên đóng vai trò quan trọng quyết định sự thành công của đề án. Để thực hiện đề án "Phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi giai đoạn 2010-2015", cần thực hiện các giải pháp sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến đề án để nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong các cấp, ngành, gia đình và cộng đồng trong địa phương.

- Thực hiện việc điều tra độ tuổi trẻ mầm non ở địa phương chính xác để việc lập kế hoạch được đảm bảo, thực hiện đúng chỉ tiêu.

- Bổ sung đội ngũ giáo viên, nhân viên cho các trường.

- Đổi mới công tác quản lý để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

- Tiếp tục xây dựng bổ sung số phòng học, phòng chức năng còn thiếu.

- Mở rộng hình thức xã hội hoá giáo dục bằng cách khuyến khích người dân mở trường, lớp tư thục; tìm kinh phí, nguồn tài trợ cho phát triển hệ thống GDMN. Khi đề án PCGDMN cho trẻ 5 tuổi được thực hiện, những khó khăn về trường, lớp, cơ sở vật chất... sẽ được ngân sách hỗ trợ, tạo tiền đề để hệ thống GDMN phát triển sang một giai đoạn mới, dù đó là cả một chặng đường dài, sao cho đến năm 2015 La Gi hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi./.

**“PHÁT HIỆN VÀ GÓP PHẦN CÙNG CHÍNH QUYỀN
GIẢI QUYẾT NHỮNG NGUYỆN VỌNG CHÍNH ĐẢNG CỦA
NHÂN DÂN, TĂNG CƯỜNG VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO
ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI GÓP PHẦN XÂY DỰNG
QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC”**

(Trích tham luận của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Tỉnh)

Thực tế cuộc sống luôn nảy sinh những vấn đề mới, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng cần phải bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với quá trình phát triển. Đó là những đòi hỏi khách quan. Lợi ích chính đáng của nhân dân bắt nguồn từ sự tác động của chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Những vấn đề đó phải được phát hiện, đề xuất kiến nghị với Đảng và Nhà nước để kịp thời điều chỉnh chủ trương, chính sách cho phù hợp.

Thực tế trong những năm qua, với vai trò, chức năng của mình, Mặt trận và các tổ chức thành viên trong tỉnh đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo Nghị quyết Đại hội đề ra. Thông qua việc

sinh hoạt nhân dân ở địa bàn dân cư, sinh hoạt đoàn viên, hội viên của các tổ chức thành viên và đặc biệt là kênh tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, những kiến nghị của cử tri phản ánh một cách cụ thể những tồn tại, những vướng mắc trong quá trình triển khai và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Những ý kiến, kiến nghị của cử tri đã được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xem xét, giải quyết và kiến nghị Trung ương xem xét, bổ sung điều chỉnh.

Tuy nhiên, tôi thống nhất cao với dự thảo Báo cáo chính trị, đó là: *"Công tác vận động quần chúng chưa đáp ứng với yêu cầu của thực tiễn"*. Thực tế, hoạt động của Mặt trận và các hội, đoàn thể chưa theo kịp yêu cầu, còn nhiều khó khăn do cán bộ chủ chốt thiếu ổn định, trình độ, năng lực còn hạn chế, điều kiện, phương tiện làm việc và triển khai công việc còn thiếu thốn. Đó là những vấn đề đặt ra cho việc nâng cao chất lượng hoạt động của công tác vận động quần chúng nói chung và chất lượng hoạt động trong thời gian tới của tổ chức Mặt trận, đoàn thể nói riêng.

Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; cơ chế phối hợp trong việc giải quyết đơn thư khiếu nại của nhân dân phải được bổ sung, điều chỉnh nhằm góp phần cho công tác vận động nhân dân ngày càng có hiệu quả hơn.

Mặt khác, cấp ủy các cấp phải tăng cường lãnh đạo công tác Mặt trận; Tổ chức Mặt trận phải nỗ lực phấn đấu vươn lên “tự khẳng định mình”; hoạt động của Tổ chức Mặt trận và các đoàn thể phải hướng mạnh về cơ sở; phát huy tốt tiềm lực của nhân dân để chăm lo cuộc sống cho cộng đồng dân cư. Phải dựa vào nhân dân để đấu tranh kiên quyết với những hiện tượng và hành vi vi phạm pháp luật và cũng thông qua nhân dân thực hiện việc xây dựng chính quyền nhân dân ngày càng trong sạch vững mạnh.

Về lĩnh vực Người Việt Nam định cư ở nước ngoài trong tỉnh ta, qua 06 năm thực hiện Nghị quyết số 36 của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 39 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chương trình hành động số 4518 của UBND tỉnh về Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đều thấy được chính sách của Đảng và Nhà nước ta là luôn coi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời, là nguồn lực quý báu của dân tộc Việt Nam, là cầu nối hữu hiệu góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với cộng đồng quốc tế. *Đặc biệt, trong tình hình hiện nay, cần tạo ra sự đồng thuận trong toàn xã hội, phát huy sức mạnh toàn dân tộc để mọi người Việt Nam chung sức, chung lòng xây dựng đất nước. Chính vì vậy, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta đối với bà con kiều bào được ghi trong Văn kiện Đại hội đảng lần này là phù hợp.*

Thực tế trong những năm qua, tình hình cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài ngày càng ổn định; hòa nhập tốt hơn vào đời sống xã hội sở tại, duy trì truyền thống dân tộc; đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau và luôn hướng về quê hương, đất nước. Kiều bào đã có nhiều đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, để công tác đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài đạt được kết quả tốt hơn nữa theo tinh thần Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị, trong thời gian tới cần:

- Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với người Việt Nam ở nước ngoài cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, nhất là thân nhân kiều bào và kiều bào.

- Rà soát, nắm lại tình hình kiều bào và thân nhân kiều bào trong tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để kiều bào tham gia đầu tư vào các lĩnh vực để sản xuất, kinh doanh có hiệu quả; kịp thời giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh của kiều bào, nhất là khâu đền bù, giải phóng mặt bằng, thuế....

- Thực hiện thủ tục giải quyết xuất, nhập cảnh trên tinh thần nhanh gọn và phù hợp với pháp luật hiện hành tình hình thực tế của địa phương.

- Kịp thời động viên, khen thưởng những kiều bào có nhiều đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài vừa thuộc chức năng quản lý của Nhà nước, vừa là hoạt động mang tính quần chúng. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, Mặt Trận và các tổ chức đoàn thể các cơ quan có liên quan để tạo điều kiện cần thiết giúp cho Hội Thân nhân kiều bào các cấp trong tỉnh có những hoạt động thiết thực góp phần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 36 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 39 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

NÂNG CAO NHẬN THỨC, TRÁCH NHIỆM CỦA CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG, UBKT CÁC CẤP ĐỐI VỚI CÔNG TÁC KIỂM TRA

(Trích tham luận của UBKT Tỉnh ủy)

Trải qua các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, Điều lệ Đảng luôn xác định kiểm tra, giám sát là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng và “*có vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng*”. Nhận thức rõ điều đó, trong nhiệm kỳ qua, cùng với tập trung chỉ đạo đầy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm giữ vững an ninh quốc phòng, cấp ủy và tổ chức đảng các cấp trong tỉnh đã thường xuyên coi trọng việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát. Cấp ủy các cấp đã tổ chức quán triệt đầy đủ và kịp thời quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ và các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng và các hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đến tất cả các đảng bộ, chi bộ cơ sở. Nhờ đó, nhận thức và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra giám sát trong toàn Đảng bộ nhìn chung đã có sự chuyển biến đáng kể. Hàng năm, căn cứ kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy đều xây dựng kế

hoạch kiểm tra, giám sát. Các đoàn kiểm tra, giám sát do đồng chí bí thư, phó bí thư hoặc uỷ viên thường vụ cấp uỷ chủ trì, tiến hành kiểm tra các địa phương, đơn vị trong tỉnh, từ sở ban ngành, huyện, thị, thành phố đến cơ sở xã phường thị trấn theo kế hoạch đề ra.

Trong nhiệm kỳ cấp uỷ các cấp đã tiến hành 2.398 lượt kiểm tra đối với tổ chức đảng cấp dưới về việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng; chủ trương, chính sách của Nhà nước; về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; về lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết các vụ việc tồn đọng, nổi cộm và đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; về thực hiện các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng; lãnh đạo triển khai thực hiện các nghị quyết, các chương trình hành động của cấp uỷ về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị của địa phương. Đồng thời, tiến hành kiểm tra đối với 1.576 đảng viên về chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng; chủ trương, chính sách của Nhà nước; về thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, giữ gìn phẩm chất, đạo đức lối sống; về thực hiện những điều cán bộ công chức và đảng viên không được làm.

Công tác giám sát là nhiệm vụ mới, nên khi bắt đầu triển khai có không ít tổ chức đảng còn lúng túng trong xác định nội dung, phương pháp và cách làm; nhưng nhờ sự hướng dẫn cụ thể của UBKT Trung ương, các cấp uỷ, tổ chức đảng và chi bộ đã vừa làm vừa rút kinh nghiệm, đưa công tác giám

sát từng bước đi vào nề nếp, kết quả ngày càng tốt hơn. Trong nhiệm kỳ, các cấp uỷ đã thực hiện giám sát chuyên đề đối với 398 tổ chức đảng và 242 đảng viên. Nội dung giám sát đã bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng đảng của từng địa phương, đơn vị và cơ sở.

Ủy ban kiểm tra các cấp đã thực hiện khá toàn diện các nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định và nhiệm vụ do cấp uỷ giao. Tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm là kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, chú trọng giải quyết kịp thời đơn thư tố cáo, khiếu nại và những vụ việc nổi cộm bức xúc. Trong quá trình thực hiện vừa bám sát phương hướng, phương châm của ngành, vừa tuân thủ thực hiện đúng các quy trình, thủ tục, phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng xem xét giải quyết những vụ việc phức tạp. Các trường hợp vi phạm đều được Ủy ban Kiểm tra xem xét xử lý hoặc tham mưu cho cấp uỷ xem xét xử lý nghiêm minh, kịp thời.

Nhìn chung, công tác kiểm tra giám sát của cấp uỷ, tổ chức đảng và uỷ ban kiểm tra các cấp trong tỉnh ngày càng đi vào nề nếp, đã thực hiện đồng bộ giữa công tác kiểm tra và công tác giám sát; giám sát được mở rộng, kiểm tra được tiến hành có trọng tâm, trọng điểm. Thực tiễn cho phép khẳng định: trong nhiệm kỳ qua, công tác xây dựng đảng nói chung và công tác kiểm tra, giám sát nói riêng đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, thúc đẩy kinh tế - xã hội ở địa

phương phát triển. Đặc biệt, qua kiểm tra, giám sát đã chủ động giáo dục, phòng ngừa; giúp tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên kịp thời thấy được ưu điểm để phát huy, đồng thời nhận rõ những khuyết điểm, hạn chế để sửa chữa, khắc phục; phát hiện được những thiếu sót, sơ hở trong lãnh đạo, quản lý để điều chỉnh, bổ sung; xử lý nghiêm những sai phạm của tổ chức đảng và đảng viên. Nhờ đó, kỷ luật của Đảng, kỷ cương hành chính của Nhà nước được tăng cường; tạo sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng; lòng tin của các tầng lớp nhân dân đối với Đảng, chính quyền tiếp tục được củng cố, sự đồng thuận trong xã hội ngày càng tốt hơn.

Tuy đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trên một số mặt vẫn còn hạn chế, chuyển biến trong nhận thức và hành động của một số cấp uỷ, tổ chức Đảng chưa mạnh và chưa đều; việc khắc phục những khuyết điểm, thiếu sót sau kiểm tra, giám sát có nơi còn chậm và chưa triệt để.

Để tạo được chuyển biến thực sự mạnh mẽ đối với công tác kiểm tra giám sát trong thời gian tới, cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức Đảng, UBKT các cấp, trước hết là người đứng đầu địa phương, đơn vị về vị trí, vai trò và yêu cầu của công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Trên

cơ sở đó, tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết Trung ương 5 (khoá X) và Chương trình hành động số 11 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá XI) đã đề ra. Cấp uỷ các cấp cần chủ động chỉ đạo cấp uỷ cấp dưới và UBKT các cấp xây dựng phương hướng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra toàn khoá, hàng năm của cấp uỷ và Uỷ ban Kiểm tra gắn với chương trình, kế hoạch kiểm tra hàng năm của cấp uỷ cấp trên. Xác định rõ những nội dung trọng tâm, những lĩnh vực, địa bàn trọng điểm của từng đảng bộ để tổ chức các cuộc kiểm tra, giám sát; làm tốt công tác phúc tra việc thực hiện các kết luận kiểm tra hoặc thông báo kết quả giám sát; đây là những khâu quan trọng, quyết định hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát. Thông qua công tác kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm. Việc thi hành kỷ luật phải được tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, thận trọng và chặt chẽ, bảo đảm thấu lý, đạt tình. Tuy nhiên, vấn đề không chỉ là phát hiện và xử lý vi phạm, mà quan trọng hơn là phải chủ động phòng ngừa, ngăn chặn xảy ra khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên. Do đó, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cần kết hợp chặt chẽ mối quan hệ giữa ngăn chặn, phòng ngừa và xử lý vi phạm, giữa tự phê bình và phê bình, tự kiểm tra và kiểm tra, trong đó lấy chủ động ngăn chặn, phòng ngừa và nghiêm túc tự phê bình, tự kiểm tra là chính. Để làm được điều đó, cùng với việc tập trung thực hiện tốt

nhiệm vụ trọng tâm là kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, phải tăng cường hơn nữa công tác giám sát, kể cả giám sát thường xuyên và giám sát chuyên đề của cấp uỷ, tổ chức đảng và của chi bộ; đồng thời tăng cường phối hợp giữa công tác kiểm tra và công tác thanh tra, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; phát huy vai trò xây dựng Đảng của quần chúng nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân tham gia giám sát đối với cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng thông qua Mặt trận Tổ Quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Đi đôi với thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trên, cần tập trung củng cố, nâng cao chất lượng cơ quan Ủy ban kiểm tra các cấp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường đội ngũ cán bộ đủ số lượng, đảm bảo về chất lượng; quan tâm đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và kiến thức các mặt, đồng thời mỗi cán bộ kiểm tra phải thường xuyên chú trọng việc tự tu dưỡng, rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, phương pháp làm việc, phong cách ứng xử; xây dựng văn hoá kiểm tra cho đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp.

Phát huy kết quả đạt được trong nhiệm kỳ qua, bằng sự nỗ lực phấn đấu không ngừng, chắc chắn các cấp uỷ, tổ chức đảng sẽ cùng với toàn quân, toàn dân trong tỉnh thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã đề ra.

ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

(Trích tham luận của đoàn đại biểu Đảng bộ Khối các cơ quan Tỉnh)

Trong nhiệm kỳ 2004 - 2011, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND các cấp trong tỉnh đã có nhiều nỗ lực khắc phục khó khăn để cùng với hệ thống chính trị ở địa phương đổi mới phương thức hoạt động để thực hiện ngày càng tốt hơn nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các kỳ họp HĐND đã có những cải tiến đáng kể, chất lượng được nâng lên, quyết định những vấn đề địa phương ngày càng sát hơn với đòi hỏi của cuộc sống. Công tác giám sát có những chuyển biến tích cực, nội dung giám sát có trọng tâm, đã góp phần phát hiện giúp chính quyền khắc phục những mặt thiếu sót trong quá trình quản lý, điều hành. Hoạt động chất vấn ngày càng có chiều sâu, đi vào những vấn đề bức xúc của cử tri. Các hoạt động tiếp xúc cử tri đã gắn kết mối liên hệ giữa cử tri và đại biểu, phản ánh được tâm tư nguyện vọng, ý kiến của cử tri đến các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Tuy nhiên, chất lượng hoạt động HĐND các cấp trong tỉnh thời gian qua chuyển biến chưa mạnh mẽ, chưa đồng đều ở ba cấp. Trong từng mặt hoạt động có lúc, có nơi vẫn

còn hạn chế. Việc thảo luận để quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương tại các kỳ họp HĐND có lúc chưa sâu kỹ, đôi khi xuôi chiều. Việc tổ chức giám sát có lúc còn lúng túng. Giám sát chủ yếu là nghe báo cáo nên kết quả đạt được chưa cao. Việc chất vấn thường tập trung một số đại biểu, không ít câu hỏi chất vấn là hỏi để biết, còn nể nang, ngại va chạm trong hoạt động chất vấn. Công tác theo dõi đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kiến nghị sau giám sát, việc thực hiện nội dung đã trả lời đối với ý kiến kiến nghị chính đáng của cử tri và chất vấn của đại biểu HĐND của các cơ quan thẩm quyền chưa quan tâm đúng mức và thường xuyên, làm hạn chế hiệu quả giám sát. Chất lượng và hiệu quả hoạt động của đại biểu HĐND nhìn chung vẫn chưa đáp ứng mong muốn của cử tri.

Những hạn chế nêu trên đã ảnh hưởng và tác động nhất định đến việc khẳng định vai trò và vị trí của HĐND trong hệ thống chính trị ở địa phương. Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động của HĐND đã được sửa đổi, bổ sung nhưng chưa thực sự đồng bộ;
- Công tác quy hoạch, bố trí cán bộ chuyên trách chưa được quan tâm đúng mức;
- Số lượng và chất lượng của đại biểu HĐND tuy được

nâng lên một bước nhưng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và đòi hỏi thực tế;

- Các điều kiện bảo đảm hoạt động HĐND tuy đã được quan tâm nhưng chưa đồng đều và thuận lợi, nhất là HĐND cấp huyện và cấp xã.

Do đó, để đổi mới hoạt động, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động HĐND trong thời gian tới, chúng tôi xin kiến nghị một số giải pháp sau đây:

Một là, cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với hoạt động HĐND, trước hết là tập trung chỉ đạo việc lựa chọn người đủ tiêu chuẩn về chính trị, chuyên môn và đạo đức phẩm chất để giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND; quan tâm công tác quy hoạch và bố trí cán bộ chuyên trách của Thường trực HĐND, các Ban HĐND và cho ý kiến định hướng về những nội dung quan trọng trước khi HĐND các cấp xem xét, quyết định theo thẩm quyền tại các kỳ họp HĐND.

Hai là, cần quan tâm kiện toàn cơ cấu tổ chức Thường trực HĐND và các Ban HĐND các cấp, tăng cường đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy nơi nào bố trí đầy đủ các chức danh Thường trực HĐND, các Ban HĐND chuyên trách là những đại biểu có trình độ, năng lực, có trách nhiệm thì HĐND nơi đó hoạt động có chất lượng, đạt kết quả thiết thực và tích cực.

còn hạn chế. Việc thảo luận để quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương tại các kỳ họp HĐND có lúc chưa sâu kỹ, đôi khi xuôi chiều. Việc tổ chức giám sát có lúc còn lúng túng. Giám sát chủ yếu là nghe báo cáo nên kết quả đạt được chưa cao. Việc chất vấn thường tập trung một số đại biểu, không ít câu hỏi chất vấn là hỏi để biết, còn nề nang, ngại va chạm trong hoạt động chất vấn. Công tác theo dõi đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kiến nghị sau giám sát, việc thực hiện nội dung đã trả lời đối với ý kiến kiến nghị chính đáng của cử tri và chất vấn của đại biểu HĐND của các cơ quan thẩm quyền chưa quan tâm đúng mức và thường xuyên, làm hạn chế hiệu quả giám sát. Chất lượng và hiệu quả hoạt động của đại biểu HĐND nhìn chung vẫn chưa đáp ứng mong muốn của cử tri.

Những hạn chế nêu trên đã ảnh hưởng và tác động nhất định đến việc khẳng định vai trò và vị trí của HĐND trong hệ thống chính trị ở địa phương. Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động của HĐND đã được sửa đổi, bổ sung nhưng chưa thực sự đồng bộ;
- Công tác quy hoạch, bố trí cán bộ chuyên trách chưa được quan tâm đúng mức;
- Số lượng và chất lượng của đại biểu HĐND tuy được

nâng lên một bước nhưng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và đòi hỏi thực tế;

- Các điều kiện bảo đảm hoạt động HĐND tuy đã được quan tâm nhưng chưa đồng đều và thuận lợi, nhất là HĐND cấp huyện và cấp xã.

Do đó, để đổi mới hoạt động, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động HĐND trong thời gian tới, chúng tôi xin kiến nghị một số giải pháp sau đây:

Một là, cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với hoạt động HĐND, trước hết là tập trung chỉ đạo việc lựa chọn người đủ tiêu chuẩn về chính trị, chuyên môn và đạo đức phẩm chất để giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND; quan tâm công tác quy hoạch và bố trí cán bộ chuyên trách của Thường trực HĐND, các Ban HĐND và cho ý kiến định hướng về những nội dung quan trọng trước khi HĐND các cấp xem xét, quyết định theo thẩm quyền tại các kỳ họp HĐND.

Hai là, cần quan tâm kiện toàn cơ cấu tổ chức Thường trực HĐND và các Ban HĐND các cấp, tăng cường đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy nơi nào bố trí đầy đủ các chức danh Thường trực HĐND, các Ban HĐND chuyên trách là những đại biểu có trình độ, năng lực, có trách nhiệm thì HĐND nơi đó hoạt động có chất lượng, đạt kết quả thiết thực và tích cực.

Thường xuyên tiến hành công tác bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, trình độ lý luận và nhất là kỹ năng hoạt động cho đại biểu HĐND thông qua nhiều hình thức phù hợp.

Ba là, phải thường xuyên quan tâm cải tiến công tác chuẩn bị và tổ chức, điều hành kỳ họp theo hướng bảo đảm cung cấp tài liệu thông tin cho đại biểu đầy đủ, kịp thời, rút ngắn thời gian đọc báo cáo, phát huy dân chủ và trí tuệ tập thể trong các kỳ họp HĐND để xem xét, quyết định những vấn đề quan trọng ở địa phương.

Bốn là, tích cực đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động giám sát của HĐND. Tập trung đi sâu giám sát việc thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm của địa phương, việc thực thi pháp luật và trách nhiệm thực thi công vụ của công chức. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết các đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân và thực hiện các kiến nghị sau giám sát, việc thực hiện các nội dung đã trả lời đối với các kiến nghị chính đáng của cử tri và chất vấn của đại biểu HĐND.

Năm là, cần quan tâm tăng cường các điều kiện để đảm bảo bộ máy giúp việc HĐND các cấp phục vụ tốt yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động HĐND trong nhiệm kỳ mới./.

ĐẾN NĂM 2015 CÓ 75 - 80% TỔ CHỨC MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ VỮNG MẠNH

(Trích tham luận của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh)

Trong những năm qua, tại tỉnh ta, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội đã nỗ lực thực hiện nhiệm vụ được giao, tổ chức nhiều phong trào để vận động, tập hợp, đoàn kết đông đảo quần chúng nhân dân trong tỉnh. Nhiều cuộc vận động và phong trào thi đua do Mặt trận và các đoàn thể phát động đã góp phần tích cực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương; tích cực tham gia xoá đói, giảm nghèo, thực hiện an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, được xã hội đồng tình ủng hộ. Bên cạnh đó, Mặt trận và các đoàn thể đã tích cực tham gia xây dựng Đảng và chính quyền nhân dân vững mạnh; tích cực tham gia xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở; thường xuyên phản ánh, tham mưu với cấp uỷ Đảng và kiến nghị với chính quyền các cấp giải quyết nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Tuy nhiên, phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể còn chậm đổi mới so với yêu cầu nhiệm vụ trong

tình hình mới. Công tác tuyên truyền, vận động chưa đi vào chiều sâu, một số hoạt động còn dàn trải, hiệu quả chưa cao; chưa nắm bắt kịp thời các tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Công tác xây dựng và phát triển tổ chức của Mặt trận và các đoàn thể vẫn còn những hạn chế nhất định.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, đòi hỏi Mặt trận và các đoàn thể phải đổi mới mạnh mẽ hơn nữa nội dung, phương thức hoạt động, phát huy sức mạnh toàn dân, ra sức xây dựng tổ chức thật sự vững mạnh.

Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra chỉ tiêu: *“đến năm 2015, có 75 – 80% tổ chức Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh”*. Tôi xin phát biểu ý kiến về chỉ tiêu này thông qua hai hướng tiếp cận như sau:

Cách tiếp cận thứ nhất, nếu các tiêu chuẩn, phương pháp đánh giá xếp loại tổ chức của Mặt trận và các đoàn thể cơ bản vẫn như hiện nay thì chỉ tiêu *“đến năm 2015, có 75 – 80% tổ chức Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh”* như dự thảo văn kiện đề ra là phù hợp, có khả năng thực hiện được. Bởi lẽ, theo số liệu thống kê của Ban Dân vận Tỉnh uỷ thì đến cuối năm 2009, có 74,05% tổ chức cơ sở Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh, tăng 4,05% so với năm 2008. Với sự quan tâm của cấp uỷ Đảng và sự tạo điều kiện của chính quyền, cùng với nỗ lực của Mặt trận và các đoàn thể thì chỉ tiêu này có thể đạt được.

Tuy nhiên, tôi chú trọng hơn đến cách tiếp cận thứ hai. Nếu việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể, trong đó có cả đổi mới mạnh mẽ nội dung, tiêu chí đánh giá, xếp loại thi đua cơ sở thì tôi thấy rằng chỉ tiêu như dự thảo văn kiện nêu là cao. Theo kết quả điều tra xã hội học của Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ trong năm 2010 thì hoạt động của Mặt trận, đoàn thể tại cơ sở được nhận xét là mạnh chưa quá 50%. Tất nhiên, kết quả điều tra xã hội học này chỉ có tính tham khảo, không toàn diện như đánh giá của chính bản thân Mặt trận và các đoàn thể. Nhưng thông qua đó, chúng ta cũng thấy rằng có một độ vênh nhất định trong quan niệm “vững mạnh” của xã hội và quan niệm “vững mạnh” do Mặt trận và các đoàn thể đưa ra. Chính vì vậy, việc đổi mới mạnh mẽ nội dung, tiêu chí đánh giá, xếp loại thi đua cơ sở là việc làm rất cần thiết, nhằm đánh giá đúng mức chất lượng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể. Với cách tiếp cận này, tôi xin đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu này từ 60 – 65% là hợp lý; cụ thể là “*đến năm 2015, có 60 – 65% tổ chức Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh theo tiêu chí mới*”

Nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, phấn đấu thực hiện đạt chỉ tiêu xây dựng tổ chức vững mạnh do Đại hội đề ra, tôi xin đề nghị chú trọng thêm một số nội dung và giải pháp như sau:

Thứ nhất, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, các cấp ủy đảng, nhất là cấp ủy đảng ở cơ sở làm việc, nghe báo cáo tình hình và định hướng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác dân vận, công tác mặt trận và các đoàn thể. Đưa nội dung lãnh đạo xây dựng Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh thành một trong những tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng các cấp. Phát huy quyền chủ động, sáng tạo của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong công tác vận động nhân dân phù hợp với đặc điểm của địa phương và cơ sở.

Thứ hai, bản thân Mặt trận và các đoàn thể phải không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng nâng cao chất lượng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; chăm lo và bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân. Xây dựng, cổ vũ, động viên kịp thời và nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến với nhiều hình thức đa dạng. Chú trọng sơ kết, tổng kết các phong trào, các cuộc vận động. Đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân và tập trung hướng mạnh các hoạt động về cơ sở. Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội phải làm nòng cốt trong việc

phát huy dân chủ, năng lực trí tuệ, ý thức trách nhiệm công dân trong các tầng lớp nhân dân. Không ngừng xây dựng tổ chức cơ sở ngày càng vững mạnh; tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; tích cực, chủ động trong công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng và phối hợp với chính quyền. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, tiêu chí đánh giá, xếp loại thi đua cơ sở.

Thứ ba, các cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp cần quan tâm tạo điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất để Mặt trận và các đoàn thể hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội có phẩm chất, năng lực và kỹ năng vận động nhân dân. Chú trọng kiện toàn đội ngũ cán bộ Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở, địa bàn dân cư.

PHÁT HUY SỨC MẠNH KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

(Trích tham luận của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh)

Dự thảo báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết thì khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường, vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân được phát huy ngày càng tốt hơn, chất lượng hoạt động từng bước được nâng lên và qua bình xét phân loại thi đua, đến cuối năm 2009 các tổ chức Mặt trận, đoàn thể cơ bản đã đạt được chỉ tiêu phân loại vững mạnh.

Tuy nhiên, xét về mặt thực chất thì hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể phát triển vẫn chưa đồng đều, chất lượng chưa bảo đảm và chưa có tính bền vững. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể còn chậm, một số hoạt động còn mang tính hành chính. Việc phân loại một số nơi còn mang tính hình thức, chạy theo thành tích.

Từ việc xác định mục tiêu đề ra là phù hợp cùng với việc đánh giá nhận xét sơ bộ ưu, khuyết điểm trong hoạt động của khối Mặt trận, đoàn thể như trên, chúng tôi thấy về tiêu chí đánh giá tổ chức Mặt trận, đoàn thể vững mạnh,

cần phải xem xét kỹ hơn đối với từng cấp. Trong lãnh đạo, chỉ đạo chưa xây dựng được những giải pháp cụ thể cho từng vùng nên công tác triển khai thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, nhiệm vụ trọng tâm chưa được thực hiện đồng đều giữa các vùng; chưa đầu tư nghiên cứu, khảo sát, sơ tổng kết, rút kinh nghiệm các mô hình hoạt động có hiệu quả của phong trào và định hướng vào các chuyên đề chỉ đạo có tính lâu dài. Công tác nắm bắt tư tưởng, giáo dục nâng cao nhận thức chính trị và đạo đức phẩm chất cho đoàn viên, hội viên, nhân dân chưa kịp thời và đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Công tác nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở vẫn còn bất cập, một số cơ sở tỷ lệ hội viên còn thấp, hội viên nông cốt và cốt cán chính trị thấp cả về số lượng và chất lượng. Một số nhiệm vụ, phong trào hoạt động còn mang tính hình thức, hoạt động có lúc còn dàn trải chưa chọn vấn đề ưu tiên, chưa đi sâu vào từng đối tượng nhất là trí thức, thanh niên, các thành phần kinh tế. Điều kiện hoạt động của tổ chức Mặt trận và các đoàn thể cơ sở còn gặp nhiều khó khăn: thiếu về kinh phí và con người, trong lúc địa bàn hoạt động rộng và nhiệm vụ liên quan phối hợp nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Trình độ, năng lực cán bộ còn nhiều bất cập trước yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Chế độ, chính sách đối với cán bộ cơ sở chưa được quan tâm, nhất là cán bộ ở thôn, khu phố.

Xuất phát từ những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của hạn chế, tồn tại trên để thực hiện chỉ tiêu đến năm 2015 có 75->80% tổ chức Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh thực sự, ngoài các giải pháp đã được nêu trong báo cáo chính trị, chúng tôi đề xuất một số giải pháp cụ thể như sau:

Một là, phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận và các đoàn thể trong việc triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến các đối tượng có liên quan, trong đó cần phải bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh nhất là những nhiệm vụ trọng tâm, trên cơ sở đó có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các ban ngành liên quan để tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân tạo sự đồng thuận cao trong thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trong công tác phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận và từng đoàn thể phải có quy chế phối hợp, làm rõ trách nhiệm của mỗi bên và hàng năm có tổng kết rút kinh nghiệm để tiếp tục thực hiện có hiệu quả cao hơn.

Hai là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận. Trong đó, cán bộ, đảng viên và các tổ chức trong hệ thống chính trị phải làm tốt công tác dân vận, chăm lo lợi ích chính đáng, thiết thực của dân, sâu sát cơ sở, lắng nghe dân, giải quyết khó khăn và xử lý kịp thời những vấn đề bức xúc trong nội bộ nhân dân. Đặc biệt, công tác dân vận chính quyền cần được triển khai đồng bộ hơn nữa, tránh

trường hợp đánh trống bỏ dùi, đùn đẩy trách nhiệm, tuyên truyền triển khai không đến nơi đến chốn, dân không rõ chính quyền địa phương không giải thích mà còn né tránh chỉ lên cấp trên giải quyết. Các cơ quan chuyên môn khi cần triển khai một hoạt động gì cần phải triển khai kỹ và đầy đủ các thành phần, đồng thời cần phải mời Mặt trận và các đoàn thể cùng tham gia để cùng nắm bắt chủ trương và tham gia tuyên truyền, giải thích khi dân có yêu cầu hoặc thắc mắc.

Ba là, chỉ đạo chặt chẽ và quyết liệt việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tổ chức nhiều hoạt động thiết thực để chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên và nhân dân; quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và thường xuyên chỉ đạo xây dựng củng cố bộ máy tổ chức Mặt trận và các đoàn thể; phát triển hội viên, xây dựng hội viên nòng cốt, cốt cán chính trị; bám địa bàn, sâu sát cơ sở; tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

Bốn là, phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận và các đoàn thể trong việc vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh, thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội với tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát hoạt động

của Mặt trận và các đoàn thể để phát hiện vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn kịp thời chấn chỉnh, định hướng trong chỉ đạo và thực hiện. Phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất, tính chủ động sáng tạo của cán bộ Mặt trận, đoàn thể các cấp. Tập trung chỉ đạo xây dựng nhiều mô hình thiết thực và triển khai có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động do tỉnh, do Mặt trận và các đoàn thể TW phát động, phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, nhiệm vụ trọng tâm của Mặt trận và các đoàn thể.

Năm là, thực hiện tốt pháp lệnh dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động nhưng đồng thời cần phải giữ vững kỷ cương tuân thủ pháp luật, phải phê phán và xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật, lợi dụng dân chủ để gây rối, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực tế thời gian qua có nhiều vụ việc lợi dụng dân chủ khiếu nại kéo dài, thậm chí còn tụ tập đông người kích động, gây rối nhưng việc xử lý, giải quyết của 1 số đơn vị đối với 1 số vụ việc vẫn chưa được nghiêm minh, dứt khoát. Đề nghị các ngành, các cấp cần phải chú ý vấn đề này trong giải quyết xử lý các vụ việc trong nhân dân./.

**XÂY DỰNG CHỈ TIÊU XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DQTV;
XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG VỮNG MẠNH TOÀN DIỆN
VÀ VỮNG MẠNH VỀ QUỐC PHÒNG - AN NINH**

(Trích tham luận của đoàn đại biểu Đảng bộ Quân sự tỉnh)

Chủ trương xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng – an ninh là một trong những vấn đề có ý nghĩa chiến lược, là nhiệm vụ thường xuyên cấp bách của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Đây là tư tưởng đã được xác định rõ trong Chỉ thị 36/2005/CT-TTg ngày 17/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Tại tỉnh nhà, trong những năm vừa qua chúng ta đã thực hiện các tiêu chí trên đạt kết quả tốt, đó là:

Đời sống của đại bộ phận nhân dân được ổn định và không ngừng nâng lên, bộ mặt nông thôn, có nhiều thay đổi tiến bộ. Quản lý nhà nước về quốc phòng và kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh ngày càng chặt chẽ hơn, nhất là trong quy hoạch, xây dựng và phê duyệt các dự án phát triển KT-XH; kết hợp chặt chẽ việc thực hiện các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương và địa phương làm cho các phong trào

“Xóa đói giảm nghèo”, “Đền ơn, đáp nghĩa”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc” được phát huy và nhân rộng. LLVTND ở cơ sở luôn được quan tâm xây dựng, các nhiệm vụ về huấn luyện, diễn tập, phối hợp hoạt động bảo vệ địa bàn, tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ đều hoàn thành thắng lợi qua từng năm. Đến nay: Dân quân tự vệ đạt 1,4%/dân số, đảng viên là: 17%, trong đó tỉ lệ đảng viên trong dân quân từ 4% (năm 2005) đến nay là 11,32%. Đã xây dựng 122 chi bộ quân sự và 05 tổ đảng quân sự/127 xã, phường, thị trấn, trong đó có 12 chi bộ quân sự có cấp uỷ.

Cấp uỷ, chính quyền các cấp và cơ quan chuyên môn đã được sắp xếp, củng cố, từng bước cải tiến phương thức hoạt động, khả năng nắm bắt, phát hiện, xử lý các tình huống xảy ra trên địa bàn có tiến bộ dần. Hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành trên nhiều lĩnh vực ngày càng tốt hơn. Ngân sách chi cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng củng cố quốc phòng - an ninh hàng năm đều được cân đối đảm bảo. Những kết quả đạt được ở các lĩnh vực trên đã góp phần cơ bản về xây dựng thể trận lòng dân, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

Vấn đề thứ nhất: Chỉ tiêu xây dựng: Đến năm 2015, có ít nhất 50% xã, phường vững mạnh toàn diện; có 80 – 85% xã, phường và cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn vững mạnh về

quốc phòng, an ninh. Chỉ tiêu này, theo chúng tôi là phù hợp, có khả năng hoàn thành trong nhiệm kỳ vì:

1. Thực trạng xây dựng xã, phường vững mạnh toàn diện (VMTD) trong những năm qua chúng ta đạt kết quả tốt. Qua tổng kết 05 năm (2004 – 2009) thực hiện Chỉ thị 36/2005/CT-TTg (trước đây là Chỉ thị 58/TTg ngày 15/02/1993 của Thủ tướng Chính phủ) đánh giá chung ở các địa phương đều có trên 50% xã, phường đạt VMTD; trên 80% xã, phường đạt vững mạnh về quốc phòng - an ninh (trước đây chúng ta hay gọi là đạt loại khá); hơn 15% còn lại được xếp là yếu (những cơ sở nhóm này thường liên quan đến vấn đề xây dựng tổ chức cơ sở Đảng TSVM, chỉ tiêu này không đạt chi phối đến các chỉ tiêu khác).

2. Tình hình mọi mặt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh nhà phát triển tương đối toàn diện. Các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đã xây dựng, đang triển khai từng bước phát huy tác dụng tạo điều kiện rất tốt cho đảm bảo an sinh xã hội; đảm bảo cơ sở vật chất, nguồn kinh phí để chăm lo xây dựng chính quyền, xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng LLVT ở cơ sở tốt hơn.

3. Những vấn đề liên quan đến tiêu chí xây dựng cơ sở VMTD, cơ bản đã được luật hóa, đã có các văn bản quy định rõ ràng, chặt chẽ hơn. Đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở dần dần được đào tạo cơ bản và qua nhiều năm xây

dựng nên có đủ trình độ, kinh nghiệm triển khai thực hiện nhiệm vụ này tốt hơn.

4. Mặt khác, đây là chỉ tiêu, là mặt bằng mà các Tỉnh Đảng bộ trong Quân khu 7 đều triển khai thực hiện. Chỉ tiêu 50% xã, phường VMTD (khoảng 63 xã) chúng ta đã đạt được; và cũng tại Chỉ thị này đặt ra 05 tiêu chí mà chúng ta phải xây dựng, đó là: *Coi trọng xây dựng cơ sở vững mạnh về chính trị, xây dựng thế trận lòng dân; đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với củng cố quốc phòng - an ninh, kết hợp quốc phòng - an ninh với kinh tế trên từng địa bàn; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh về mọi mặt; phát huy vai trò quản lý, điều hành của chính quyền, vai trò làm tham mưu của quân sự, công an, đoàn thể; bảo đảm ngân sách cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố xây dựng quốc phòng - an ninh.* Điều này cũng phù hợp với dự thảo nghị quyết là phần đầu có 50% tổ chức cơ sở Đảng TSVM; chỉ tiêu 80-85% xã, phường vững mạnh về quốc phòng - an ninh là bao gồm cả 50% xã, phường VMTD, còn lại 35% (khoảng 45 xã) chúng ta sẽ phần đầu đạt vững mạnh về quốc phòng - an ninh (với tiêu chuẩn thấp hơn xã VMTD) cũng là ở mức phần đầu thực hiện được vì: *Chủ yếu hoàn thành các nhiệm vụ về: tuyển quân, huấn luyện, diễn tập, xây dựng lực lượng, công tác phối hợp hoạt động bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo các chế độ chính sách, điều kiện hoạt động của LLVTND ở cơ sở.*

Vấn đề thứ hai: Chỉ tiêu xây dựng lực lượng DQTV chiếm từ 1,8% – 2% dân số. Theo chúng tôi, đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu này, vì:

1. Thực trạng: Thông tư số 171/2004/TT-BQP Bộ Quốc phòng hướng dẫn tỉ lệ xây dựng lực lượng DQTV cấp tỉnh là từ 1,2 – 1,8%/dân số. Trong những năm trước đây (từ 2004 về trước) tỉnh ta tổ chức xây dựng lực lượng DQTV có tỉ lệ từ 2,3% từ năm 2004, giảm dần theo từng năm theo hướng tinh gọn, chất lượng còn 2%, 1,8%, 1,6% và hiện nay đang giữ ở tỉ lệ là 1,4% đã được Quân khu thống nhất, không điều chỉnh gì. Thực tế với tỉ lệ này vẫn đảm bảo đầy đủ về: thành phần binh chủng và quy mô của từng cấp, từ xã đến tỉnh; đủ điều kiện tổ chức hoàn thành các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng ở các cấp; nguồn ngân sách đảm bảo nuôi dưỡng, tổ chức hoạt động cho lực lượng DQTV phù hợp.

2. Quy định chung: Khi tham mưu về chỉ tiêu xây dựng lực lượng DQTV trong dự thảo Nghị quyết của Ban chấp hành trình Đại hội chưa có văn bản của cấp có thẩm quyền hướng dẫn thi hành Luật DQTV, nay Bộ Quốc phòng đã ban hành Thông tư 85/2010/TT-BQP ngày 01/07/2010 về hướng dẫn một số điều của Luật DQTV, Điều 9: Quy định số lượng DQTV thời bình: cấp tỉnh có từ 500.000 đến 1.500.000 dân số tỉ lệ là: 1,65% - 2,09%.

Như vậy, so sánh với thực trạng tại tỉnh nhà và quy định chung của Luật, chúng tôi đề nghị xác định chỉ tiêu xây dựng lực lượng DQTV là: từ 1,6 – 2,0%.

Căn cứ vào quy định chung và chỉ tiêu xây dựng lực lượng của Quân khu giao, chúng ta sẽ xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện phù hợp với thực tế của địa phương, với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của các ngành, các cấp chúng ta sẽ tổ chức thực hiện tốt chỉ tiêu này.

Để đảm bảo thực hiện thắng lợi chỉ tiêu nêu trên, chúng tôi xin được đề xuất các giải pháp là:

1. Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo một cách toàn diện của cấp uỷ Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể các cấp tổ chức thực hiện thắng lợi các kế hoạch, chương trình, mục tiêu phát triển KT-XH, nhất là ở những vùng còn gặp khó khăn, nhằm để ổn định nâng cao đời sống nhân dân. Đây là điều kiện tiên quyết để xây dựng vững mạnh chính trị ở cơ sở, xây dựng thế trận lòng dân.

2. Tập trung xây dựng tổ chức cơ sở Đảng TSVM, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là đội ngũ cán bộ, đảng viên, theo hướng chuẩn hóa đội ngũ, tăng thêm quyền tự chủ, đảm bảo đầy đủ về chế độ, chính sách, đời sống và các điều kiện làm việc gắn với cơ chế xác định trách nhiệm. Quan tâm hơn đến công tác tập hợp, xây dựng lực lượng cốt

cán trong các tổ chức, đoàn thể quần chúng ở cơ sở, nhất là vấn đề quy chế hoạt động và cơ chế chính sách đãi ngộ. Đây là lực lượng tai mắt, là hạt nhân trong giải quyết những vấn đề phát sinh tại địa bàn.

3. Có sự phối hợp chặt chẽ hơn, thường xuyên hơn nữa giữa các lực lượng chuyên ngành, nhất là lực lượng Quân sự, Công an, Biên phòng trong công tác nắm bắt tình hình, xử lý thông tin, bảo vệ địa bàn, không để bị động bất ngờ. Có quy chế phối hợp, kế hoạch công tác giữa cấp uỷ, chính quyền các địa phương với các ngành Quân sự, Công an, Biên phòng và các ngành có liên quan trong tổ chức thực hiện và đánh giá, phân loại theo tiêu chí xây dựng cơ sở VMTD đã được xác định.

4. Tăng cường công tác lãnh đạo của cấp uỷ, trách nhiệm chỉ đạo của chính quyền các địa phương bằng định hướng chung trong nghị quyết, kế hoạch toàn khóa; nghị quyết, kế hoạch năm và nhất thiết phải có nghị quyết chuyên đề để lãnh đạo, chỉ đạo. Cơ quan Quân sự, Công an, Biên phòng các cấp phải giữ vai trò trung tâm, tham mưu, hiệp đồng tổ chức thực hiện.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ chế chính sách, phân bổ nguồn ngân sách hợp lý hàng năm để thực hiện các: Luật DQTV, Nghị định 152/CP về xây dựng khu vực phòng thủ, Nghị định 30/CP về huy động lực lượng,

phương tiện đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền biển đảo Việt Nam; Pháp lệnh Tình báo và những văn bản khác của Trung ương, của tỉnh đối với đời sống của cán bộ cơ sở.

6. Làm tốt công tác kiểm tra, giám sát theo phân cấp, kịp thời tổ chức sơ, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm để nhân rộng điển hình. Có khen thưởng và xử lý thích đáng, nghiêm minh.

BÀN VỀ MỘT SỐ CHỈ TIÊU QUỐC PHÒNG - AN NINH TRONG GIAI CẤP CHÍNH TRỊ ĐẠI HỘI LẦN THỨ XII

(Trích tham luận của đoàn đại biểu Đảng bộ Công an tỉnh)

Trên cơ sở nhiệm vụ của ngành Công an và kết quả phân loại phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong những năm qua, tôi thấy chỉ tiêu dự thảo nêu: “*Năm 2015..., có 80 – 85% xã, phường và cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, an ninh...*” là cao, khó có khả năng đạt được. Chúng tôi xin đề nghị điều chỉnh lại chỉ tiêu này như sau: “*Từ nay đến năm 2015, bình quân hằng có từ 80 – 85% xã, phường, thị trấn và cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn vững mạnh và khá về quốc phòng, an ninh...*”. Vì thực tế kết quả phân loại phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2009 (năm có kết quả cao nhất) thì chỉ có 24% số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn vững mạnh, 46% đạt loại khá về an ninh trật tự và 34% cơ quan, doanh nghiệp cấp tỉnh đạt tiêu chuẩn vững mạnh, 52% đạt loại khá.

Để đạt được các chỉ tiêu trên, theo chúng tôi, các đơn vị, địa phương cần thực hiện tốt một số vấn đề sau đây:

1. Cấp ủy, chính quyền các cấp phải đặc biệt coi trọng phát huy vai trò của quần chúng nhân dân, tuyên truyền,

giáo dục, vận động nâng cao ý thức, trách nhiệm và năng lực bảo vệ an ninh trật tự để nhân dân hăng hái tham gia xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, nâng cao ý nghĩa “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” đến tận gia đình, thôn, xóm, làng, bản, cơ quan, trường học.

2. Mỗi ngành, mỗi cấp cần có kế hoạch cụ thể xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, nội quy đề ra các giải pháp. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh Quốc gia, Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy... nâng tầm quan hệ phối hợp thực hiện các nghị quyết, kế hoạch, chương trình phối hợp bảo vệ an ninh trật tự giữa lực lượng Công an nhân dân với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, với Quân đội nhân dân để huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sức mạnh toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự.

3. Phát huy vai trò tham mưu nòng cốt của lực lượng Công an nhân dân trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thường xuyên quan tâm xây dựng lực lượng Công an nhân dân và lực lượng nòng cốt, công an xã, bảo vệ dân phố, bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp vững mạnh./.

CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH
TRONG NHIỆM KỲ QUA VÀ CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ
TRONG NHIỆM KỲ TỚI

(Trích tham luận của đoàn đại biểu Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh)

Nhiệm kỳ qua công tác quốc phòng và an ninh được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ. Thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được xây dựng, củng cố, tăng cường và quản lý Nhà nước tốt về quốc phòng, an ninh. Việc phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn. Công tác xây dựng khu vực phòng thủ được tích cực triển khai; các công trình phòng thủ, công trình chiến đấu được xây dựng đúng kế hoạch.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được mở rộng, đẩy mạnh và phát triển; các lực lượng Công an, Quân sự, Biên phòng ngày càng có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ hơn trong thực hiện nhiệm vụ.

Lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được tổ chức quản lý chặt chẽ, thường xuyên huấn luyện nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu công tác quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

Tuy nhiên, công tác quốc phòng an ninh trong nhiệm kỳ qua vẫn còn có mặt hạn chế, trật tự xã hội từng lúc, từng nơi vẫn còn diễn biến phức tạp; tội phạm và tai nạn giao thông giảm chưa cơ bản.

Về chỉ tiêu chủ yếu đối với công tác quốc phòng, an ninh trong 5 năm (2010 - 2015), dự thảo báo cáo đã nêu: “Đến năm 2015 có ít nhất 50% xã, phường vững mạnh toàn diện; có 80 - 85% xã, phường, cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ chiếm từ 1,8% đến 2% dân số”. Trên cơ sở kết quả, ưu điểm đạt được và tồn tại, hạn chế của công tác quốc phòng an ninh trong nhiệm kỳ qua; từ yêu cầu khách quan về nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh trong những năm tới, chỉ tiêu chủ yếu đối với công tác quốc phòng, an ninh trong 5 năm tới như dự thảo đã nêu theo chúng tôi là phù hợp với nhiệm vụ xây dựng quốc phòng, an ninh của tỉnh nhà và có khả năng hoàn thành tốt.

Để hoàn thành chỉ tiêu trên, Đoàn đại biểu Đảng bộ Biên phòng tỉnh đề xuất một số giải pháp như sau:

1. Tiếp tục quán triệt, thực hiện Nghị quyết số 08 của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX “ Về chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia và chiến lược bảo vệ Tổ quốc

trong tình hình mới”. Từng cấp, từng ngành có sơ kết bước đầu và xác định chương trình, kế hoạch thực hiện các năm tiếp theo.

2. Quan tâm đầu tư để nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng; nâng cao hơn nữa về kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ và nhân dân. Từ đó, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Lãnh đạo xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và Biên phòng toàn dân vững mạnh.

3. Lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang của tỉnh vững mạnh về mọi mặt; xây lực lượng công an, quân sự, biên phòng thật sự là lực lượng nòng cốt chuyên trách trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân của tỉnh. Làm tốt công tác nắm tình hình, phát hiện, xử lý có hiệu quả, kịp thời tình hình ngay từ đầu, không để xảy ra bị động, bất ngờ.

4. Lãnh đạo tốt công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự; đăng ký, quản lý chặt chẽ quân dự bị động viên ở từng cấp. Đẩy mạnh phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng đơn vị an toàn, địa bàn an toàn, làm cơ sở cho xây dựng xã, phường vững mạnh; xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh về quốc phòng và an ninh.

5. BDBP phối hợp với các huyện, thị, thành phố thực hiện tốt qui chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ công tác

biên phòng, xây dựng lực lượng ở khu vực biên giới biển. Phối hợp với các lực lượng Công an, Quân sự, duy trì nghiêm Quyết định 107/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; làm tốt công tác huấn luyện dân quân tự vệ biển; chủ động trong công tác tuyên truyền Nghị định 161 về khu vực biên giới biển, tuyên truyền về chủ quyền các vùng biển Việt Nam; làm tốt công tác tuần tra, kiểm soát, bảo vệ an toàn địa bàn; phát động phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng đơn vị an toàn gắn với xây dựng địa bàn an toàn. Chủ động nắm tình hình, xử lý kịp thời hiệu quả các vụ việc xảy ra ở khu vực biên giới biển của tỉnh./.

VỀ CÁC CHỈ TIÊU GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM, ĐÀO TẠO NGHỀ, GIẢM NGHÈO VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2015

(Trích tham luận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII về các chỉ tiêu giải quyết việc làm, đào tạo nghề và giảm nghèo trong giai đoạn 2010-2015 là phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ta cũng như hòa nhập với sự phát triển chung của cả nước trong những năm sắp tới; cụ thể chỉ tiêu mà báo cáo nêu ra là: giải quyết việc làm bình quân 24.000 lao động/năm, giảm tỷ lệ hộ nghèo 1,5 – 1,7%/năm, phấn đấu đến cuối năm 2015 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%.

Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu này trong thời gian tới cần phải phấn đấu, nỗ lực rất nhiều so với giai đoạn 2006-2010, vì có những khó khăn, thách thức sau:

- Về giải quyết việc làm: Trong những năm tới nhu cầu sử dụng lao động có kỹ thuật trong các ngành kinh tế ngày càng cao để đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, vì vậy, lao động giản đơn, lao động không có nghề khó có thể

tiếp cận với việc làm mới. Ngay trong nội bộ ngành nông nghiệp, những lao động mới, lao động thay thế cũng phải được trang bị kiến thức, kỹ thuật thì mới đáp ứng được yêu cầu hiện đại hóa trong nông nghiệp và phát triển nông thôn. Trong khi đó, ý thức tìm việc làm, tạo việc làm ở một số bộ phận người dân còn hạn chế.

- Về giảm tỷ lệ hộ nghèo: Hiện nay Chính phủ đang xem xét để ban hành chuẩn nghèo mới giai đoạn 2011-2015 (dự kiến mức 400.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và mức 500.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị, tăng gấp đôi so với mức chuẩn ở giai đoạn 2006-2010). Vì vậy, trong giai đoạn 2011-2015 việc tăng thu nhập để thoát ra khỏi chuẩn nghèo này là khó hơn so với giai đoạn 2006-2010, nhất là ở vùng cao dân tộc thiểu số, vùng bãi ngang ven biển, vùng chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai, mặc dù tỷ lệ giảm nghèo bình quân mỗi năm trong 5 năm 2006-2010 là 2%.

- Về tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55% vào cuối năm 2015: Theo kết quả tổng điều tra dân số năm 2009 thì tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh ta thấp hơn bình quân chung của cả nước. Vì vậy để đạt được tỷ lệ % này, cần phải tăng quy mô đào tạo nghề lên ít nhất 2 lần so với 5 năm trước.

Nhằm hoàn thành các chỉ tiêu về giải quyết việc làm, đào tạo nghề, giảm nghèo mà Đại hội đại biểu Đảng bộ

tỉnh đề ra trong giai đoạn 2010 - 2015, tôi xin đề xuất những giải pháp sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ nhận thức trong toàn xã hội để người dân biết và tích cực tham gia, không trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, làm sao nhu cầu học nghề của người lao động trở thành bức thiết không thể thiếu như học văn hóa. Chú ý gắn giáo dục ý thức với thường xuyên phát động phong trào thi đua tự tạo việc làm, tự vươn lên thoát nghèo.

- Tổ chức khảo sát điều tra nắm chắc cung cầu lao động, nhu cầu học nghề - năng lực đào tạo nghề, hộ nghèo, đời sống của hộ nghèo để xây dựng những chương trình, kế hoạch và biện pháp cụ thể thực hiện.

- Tiếp tục hoàn chỉnh các chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực đào tạo nghề để phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo nghề theo quy hoạch. Tập trung đầu tư và đảm bảo các điều kiện để nâng cấp Trường trung cấp nghề thành trường cao đẳng nghề. Quan tâm đầu tư trung tâm dạy nghề các huyện, thị xã để đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956 của Thủ tướng Chính phủ. Đào tạo bổ sung, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên cơ hữu cho trường và các trung tâm Dạy nghề.

- Nghiên cứu và nhân rộng các mô hình tư vấn, giới thiệu việc làm có hiệu quả. Tập trung đầu tư và sớm đưa vào hoạt động sàn giao dịch việc làm tại Phan Thiết và các chi nhánh tại khu vực phía Bắc và phía Nam tỉnh nhằm tạo điều kiện cho việc kết nối cung cầu lao động và phát triển thị trường lao động trong tỉnh ta.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp của nhà nước về sản xuất và đời sống đối với hộ nghèo, người nghèo đặc biệt là về cách thức làm ăn, kỹ thuật sản xuất tới đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao, đầu tư các công trình tránh lũ, bão ven biển, ven sông nhằm giảm thiểu thiệt hại do biến đổi khí hậu nhằm xóa đói giảm nghèo một cách bền vững.

- Tích cực triển khai, phát triển nghề công tác xã hội theo Quyết định 32 của Chính phủ nhằm hình thành đưa vào hoạt động các Trung tâm công tác xã hội để tư vấn, trợ giúp cho những đối tượng xã hội yếu thế và tăng cường chuẩn hóa đội ngũ cán bộ chuyên trách, không chuyên trách, cộng tác viên làm công tác xã hội từ nay đến năm 2020.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với việc thực hiện công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề, xóa đói giảm nghèo, gắn việc thực hiện các chỉ tiêu này với nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng. Đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu giải quyết việc làm, đào tạo nghề và xóa đói giảm nghèo mà Đại hội đề ra.

CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN LÀ MỘT TRONG NHỮNG YẾU TỐ CẤU THÀNH CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

(Trích tham luận của đoàn đại biểu Sở Y tế)

Chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân là một trong những yếu tố cấu thành chất lượng cuộc sống; công tác y tế là bộ phận quan trọng của hệ thống an sinh xã hội. Từ góc độ của người dân lao động, ngoài phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh, thực thi quyền dân chủ, giáo dục cho con em thì nhu cầu thiết thân suốt đời của mỗi người là được chăm sóc sức khỏe, bao hàm cả việc phòng, tránh bệnh và nếu bị bệnh thì được điều trị kịp thời, chăm sóc chu đáo, hiệu quả theo khả năng của nền y học hiện thời.

Việc xây dựng thành công, củng cố, duy trì và phát huy thành quả của Chuẩn quốc gia về y tế xã là cơ sở ban đầu để đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân.

Trạm y tế xã, phường, thị trấn (trạm y tế xã) là đơn vị y tế cơ sở trong hệ thống y tế ở gần dân nhất, thực hiện các hoạt động bảo vệ và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; là nơi triển khai, hiện thực hóa những chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chăm sóc sức

khỏe cho nhân dân. Trong điều kiện đa số dân cư trong tỉnh ta cư trú ở vùng nông thôn, trạm y tế càng có vai trò quan trọng trong công tác truyền thông giáo dục về sức khỏe, giữ gìn vệ sinh, thay đổi các tập tục, hành vi có hại cho sức khỏe, phòng ngừa dịch bệnh, chăm sóc bà mẹ, trẻ em và kế hoạch hóa gia đình. Nếu tất cả các xã, phường, thị trấn thực hiện tốt Chuẩn quốc gia về y tế thì sẽ hạn chế được phần lớn các bệnh thông thường, ngăn chặn có hiệu quả dịch bệnh, vừa giảm chi phí cho người dân, giảm gánh nặng ngân sách cho Nhà nước, vừa giảm áp lực cho cơ sở y tế tuyến huyện, tuyến tỉnh. Do đó, Dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần này nêu rõ mục tiêu xây dựng, duy trì, phát huy hiệu quả thực tiễn của Chuẩn quốc gia về y tế xã là sát hợp với tình hình, hướng về cơ sở, gần dân, hiểu dân và thiết thực.

Từ năm 2003, thực hiện Chỉ thị số 06/CT-TW ngày 22/01/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở và Chuẩn quốc gia về y tế xã giai đoạn 2001 - 2010 do Bộ Y tế ban hành, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đã lãnh đạo, chỉ đạo tích cực, chủ động xây dựng xã, phường, thị trấn đạt Chuẩn quốc gia về y tế. Dự kiến đến cuối năm 2010, 100 % số xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh đều đạt Chuẩn quốc gia về y tế xã.

Mặc dù rất phấn khởi với kết quả trên, vẫn phải thừa nhận rằng hoạt động của trạm y tế nói riêng, công tác y tế

ở cơ sở nói chung còn nhiều hạn chế. Cơ sở trạm y tế nhiều nơi xuống cấp trầm trọng, không đủ diện tích làm việc và một số nơi chưa bảo đảm yêu cầu vệ sinh. Đầu tư ngân sách địa phương cho công tác y tế ở tỉnh ta khá cao so với các tỉnh trong khu vực nhưng trong cân đối chi ngân sách ở các huyện, đầu tư cho tuyến cơ sở chưa đáp ứng nhu cầu. Xã hội hóa trong đầu tư cho y tế chỉ phát huy tốt ở các tuyến trên, chủ yếu là lĩnh vực điều trị; lĩnh vực dự phòng và tuyến y tế xã trong thời gian qua và sắp đến vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào ngân sách. Về nhân lực, hiện nay có 76 trạm y tế có bác sỹ, chiếm 60%; 100% trạm y tế có y sỹ và 100% trạm có nữ hộ sinh. Bình quân toàn tỉnh có 5 bác sỹ/vạn dân và 0,3 dược sỹ đại học/vạn dân. Hoạt động của bác sỹ tại trạm y tế chưa phát huy hết khả năng. Một số chính sách của Trung ương đối với tuyến y tế xã còn bất cập, chậm sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

Trong thời gian tới, thực hiện Chuẩn quốc gia về y tế xã phải chú trọng về thực chất; duy trì, củng cố kết quả đạt được đi đôi với những hoạt động bổ sung, hoàn chỉnh, nâng cao hiệu quả thực hiện những nội dung các tiêu chí Chuẩn quốc gia quy định. Trong đó, tập trung những nội dung hoạt động sau:

1. Tiếp tục tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trạm y tế và trang thiết bị. Theo phân cấp, việc xây dựng trạm y tế được giao cho ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; đầu tư trang thiết bị giao ngành y tế. Cần quan

tâm đầu tư sửa chữa, nâng cấp các trạm y tế xuống cấp nặng, bảo đảm có phòng để y, bác sỹ làm việc và chỗ nằm cho bệnh nhân; thúc đẩy nhanh chóng thi công hoàn thành các công trình trạm đang khởi công; đối với các xã, phường còn vướng về quy hoạch đất thì nhanh chóng tháo gỡ. Về phía ngành y tế, tăng cường chỉ đạo việc sắp xếp, bố trí khoa, phòng thực hiện chuyên môn trong trạm y tế phù hợp, khoa học, vệ sinh và ưu tiên cho việc tiếp đón, chăm sóc bệnh nhân.

Đầu tư trang thiết bị cho các trạm theo Chuẩn quốc gia về y tế. Trong đầu tư có sự chú ý đặc biệt đến các trạm y tế vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đầu tư trang thiết bị gắn liền với đào tạo cán bộ sử dụng trang thiết bị quá trình quản lý, sử dụng trang thiết bị có sự kiểm tra thường xuyên.

Quan tâm giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện các chính sách, quy định về bảo hiểm y tế, các chế độ thù lao cho cán bộ y tế, chính sách về thuốc, vật tư y tế tiêu hao.

2. Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực y tế, trong đó cần phát huy mô hình đào tạo bác sỹ, dược sỹ hệ chính quy theo địa chỉ sử dụng và đào tạo liên thông hệ chuyên tu. Đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ưu tiên đào tạo theo chế độ cử tuyển để có nhân lực phục vụ. Thực hiện có hiệu quả Đề án 1816 của Bộ Y tế về "Cử cán bộ chuyên

môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ các bệnh viện tuyến dưới nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh". Sau đào tạo, chú trọng sự công bằng trong tuyển dụng và bố trí công tác đi đôi với chế độ đãi ngộ có tác dụng khuyến khích, bao gồm cả chế độ về vật chất và chế độ làm việc. Quan tâm đến đào tạo sau đại học và thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn ở các tuyến y tế.

3. Nâng cao y đức, thực hành quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức y tế. Đây là một nội dung mục tiêu định tính, có ảnh hưởng quan trọng đối với toàn thể hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân. Để thực hiện tốt, cần tập trung các biện pháp đồng bộ sau: Cán bộ lãnh đạo các đơn vị y tế phải gương mẫu trong thực hiện y đức; tiếp tục thực hiện đúng quy chế công khai, minh bạch và dân chủ theo quy định; đẩy mạnh xã hội hóa, tăng thu nhập cho cán bộ, viên chức y tế; thực hiện đối xử công bằng, dân chủ và đúng pháp luật trong công tác tuyển dụng, phân công nhiệm vụ, đánh giá, khen thưởng, đào tạo, điều động và bổ nhiệm cán bộ viên chức y tế; giáo dục để thực hiện y đức bằng những biện pháp thích hợp.

Cuối cùng, cùng với các ngành và các địa phương, chúng tôi tin tưởng rằng với sự thành công của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần này, sẽ tạo ra khí thế mới và động lực mạnh mẽ cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, trong đó cán bộ ngành y tế sẽ đi đầu trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chất lượng cuộc sống của nhân dân trên địa bàn tỉnh./.

**ĐẾN NĂM 2015 HOÀN THÀNH
PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON,
TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA ĐẠT 25%**

(Trích tham luận của Sở Giáo dục - Đào tạo)

Dự thảo báo cáo chính trị của tỉnh trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII có ghi: “Tiếp tục triển khai các giải pháp đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đến năm 2015 hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi; tỉ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 25%”. Việc xác định mục tiêu như vậy là phù hợp, mang tính khả thi nếu chúng ta đảm bảo được 3 điều kiện tiên quyết sau: sự quyết tâm chính trị của các cấp ủy, chính quyền; vai trò chỉ đạo điều hành có hiệu quả của các cấp quản lý giáo dục; nguồn kinh phí đầu tư được đảm bảo.

“Tiếp tục triển khai các giải pháp đổi mới phương pháp dạy - học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện”. Để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cần phải có nhiều giải pháp đồng bộ, trong đó việc đổi mới phương pháp dạy - học là một giải pháp có tính quyết định. Để việc đổi mới phương pháp dạy học đạt hiệu quả cao cần tập trung thực hiện tốt những vấn đề sau :

- Trước hết, cán bộ quản lý giáo dục các cấp phải xây dựng nhà trường có được một môi trường sư phạm hữu hiệu. Môi trường sư phạm này không chỉ đảm bảo đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, mà quan trọng hơn phải xây dựng được mối quan hệ gắn kết, chung sức chung lòng giữa cán bộ quản lý - giáo viên - học sinh - cha mẹ học sinh, trong đó nhân vật trung tâm phải là học sinh. Cán bộ quản lý, giáo viên cần phải thực sự quan tâm đến tâm tư, tình cảm; nhu cầu, nguyện vọng của học sinh; thật sự thương yêu học sinh; quan tâm và tạo mọi điều kiện về vật chất và tinh thần cho các đối tượng học sinh nhất là học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh yếu kém về hạnh kiểm và học lực, để các cháu có cơ hội và điều kiện học tập, rèn luyện ngày thêm tiến bộ.

- Đội ngũ giáo viên phải xác định được trách nhiệm đối với học sinh, có quyết tâm cao trong việc nghiên cứu học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhất là phương pháp giảng dạy mới, kỹ năng sử dụng các phương tiện, thiết bị hiện đại. Quá trình giảng dạy luôn phải chú trọng phát huy tích cực chủ động, khuyến khích sự sáng tạo của học sinh. Hướng dẫn, khuyến khích học sinh rèn luyện các kỹ năng sống, kỹ năng tự học một cách thiết thực, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng địa phương. Chú trọng phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi. Tích cực ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học.

- Chính quyền và cơ quan quản lý giáo dục các cấp cần quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất (phòng học, phòng bộ môn, thư viện, sân chơi bãi tập, nhà vệ sinh, nước sạch...). các trang thiết bị hiện đại như máy tính, projector và các phương tiện, thiết bị đồ dùng dạy học để GV có đủ điều kiện giảng dạy theo phương pháp mới. Đi đôi với việc đầu tư cơ sở vật chất (CSVC), các cấp quản lý giáo dục cần quan tâm hơn nữa công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ một bằng nhiều hình thức thiết thực, hiệu quả. Tăng cường công tác thanh kiểm tra, chú trọng công tác thi đua khen thưởng để kịp thời động viên đội ngũ giáo viên. Quan tâm đến việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở các cấp học.

Thực hiện hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi vào năm 2015. Ngày 9 tháng 2 năm 2010 Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định 239/QĐ-TTg phê duyệt đề án phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi giai đoạn 2010-2015. Mục tiêu chung đề ra của Quyết định này là: *Bảo đảm tất cả trẻ em năm tuổi ở mọi vùng miền được đến lớp để thực hiện chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày, đủ một năm học, nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, tiếng Việt và tâm lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng để trẻ em vào lớp 1.*

Việc thực hiện phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi đến năm 2015 tỉnh ta bên cạnh những thuận lợi nhất định, còn nhiều khó khăn, thách thức, đó là :

- Cơ sở vật chất của trường mầm non còn rất yếu kém: Nhiều năm qua ngành học này thiếu sự đầu tư về cơ sở vật chất của nhà nước và việc thực hiện chủ trương xã hội hóa gặp nhiều khó khăn. 81% phòng học là phòng bán kiên cố và tạm mượn để học; phòng học còn thiếu, nhiều địa phương chưa đủ phòng học cho trẻ 3-4 tuổi. Các phòng học chức năng, trang thiết bị đồ dùng dạy học chưa đáp ứng được yêu cầu dạy – học của chương trình giáo dục mầm non mới và yêu cầu của đề án. Số trường chuẩn quốc gia còn quá ít (5 trường/168 trường). Tỷ lệ trẻ 5 tuổi học hai buổi/ngày chỉ đạt 27.5%.

- Đội ngũ giáo viên mầm non hiện còn thiếu nhiều so với yêu cầu dạy học 2 buổi/ ngày. Nhiều năm qua, ngành không được phép tuyển dụng giáo viên mầm non vào biên chế mà chỉ được tuyển bằng hình thức hợp đồng nên gặp nhiều khó khăn.

Hiện nay Sở GD&ĐT đang triển khai thực hiện xây dựng đề án PCGDMN 5 tuổi của tỉnh theo tinh thần Quyết định 239 của Chính phủ và sẽ trình UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện trong năm học này. Theo số liệu thu thập được, để đảm bảo thực hiện đến năm 2015, 100% trẻ 5 tuổi được học 2 buổi ngày cần phải :

- Xây dựng mới 600 phòng, bình quân 120 phòng/năm. Đó là chưa tính tới số phòng học phòng học mượn tạm, phòng học cũ xuống cấp cần xây mới. Ngoài ra, còn phải xây dựng bếp ăn, nhà vệ sinh, trang thiết bị phục vụ hoạt

động học tập, vui chơi giải trí cho học sinh. Riêng kinh phí xây dựng phòng học dự kiến 36 tỉ - 40 tỉ/năm.

- Đào tạo và tuyển dụng mới 1.200 giáo viên, bình quân 240 giáo viên/năm

- Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho các cháu diện hộ nghèo, cận nghèo, học sinh dân tộc ít người.

Để thực hiện mục tiêu PCGD 5 tuổi, bên cạnh việc chuẩn bị nguồn lực để thực hiện những yêu cầu trên, chúng tôi có một số đề nghị với lãnh đạo các cấp những vấn đề sau:

+ Cần phải thay đổi nhận thức về GDMN, xem GDMN là một tiền đề ban đầu rất quan trọng trong việc hình thành sức khỏe và nhân cách của con người. Từ đó có những chủ trương, chính sách phù hợp.

+ Quan tâm hơn nữa đến đội ngũ giáo viên mầm non về lương và các chính sách khác để thu hút được giáo viên vào phục vụ ngành, giải quyết việc tuyển dụng giáo viên mầm non vào biên chế như các cấp học khác.

Vấn đề trường chuẩn quốc gia

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương của Bộ GD&ĐT, Nghị quyết 41/2006/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về việc xây dựng các trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2007-2010, đến nay toàn tỉnh đã có 38 trường đạt chuẩn quốc gia trong đó mầm non: 5 trường, tiểu học: 27 trường, THCS : 5 trường, THPT : 01 trường, đạt tỉ lệ 6.38%, Nếu so với chỉ tiêu của Nghị quyết 41 đề ra thì chỉ đạt 45% (38/84

trường). Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc không đạt chỉ tiêu đề ra là :

+ Nguồn kinh phí đầu tư cho mục tiêu trường đạt chuẩn quốc gia không đảm bảo.

+ Ở cấp THCS, THPT, tỉ lệ học sinh xếp loại học lực giỏi, khá còn thấp; tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học còn cao so với chuẩn quốc gia.

Để đảm bảo đến năm 2015 có 25% trường đạt chuẩn quốc gia, tỉnh ta cần tập trung thực hiện 2 vấn đề sau:

+ Xây dựng kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2011-2015: Để xây dựng kế hoạch này cần tiến hành điều tra, khảo sát so với chuẩn của từng loại hình trường học để xác định nguồn kinh phí cần tập trung đầu tư về CSVC, trang thiết bị; xác định những vấn đề liên quan đến chuẩn cần tập trung giải quyết. HĐND, UBND tỉnh cần bố trí nguồn vốn riêng trong từng năm để thực hiện mục tiêu này.

+ Các cấp quản lý giáo dục từ Sở đến các cơ sở trường học cần tập trung chỉ đạo, tăng cường đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cho các trường học. Đội ngũ cán bộ, giáo viên các trường trong diện trường đạt chuẩn phải nỗ lực phấn đấu đổi mới công tác quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy để tạo được sự chuyển biến về mặt chất lượng theo yêu cầu của chuẩn quốc gia mà Bộ GD&ĐT đã ban hành. Tránh tình trạng du di về mặt tiêu chuẩn trong đánh giá công nhận trường đạt chuẩn quốc gia./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG - LÂM - NGƯ NGHIỆP GẮN VỚI GIẢI QUYẾT TỐT CÁC VẤN ĐỀ NÔNG DÂN, NÔNG THÔN

(Trích tham luận của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 6,51% trong 5 năm qua (trong điều kiện chịu tác động bất lợi về thiên tai, dịch bệnh, suy thoái kinh tế toàn cầu từ cuối năm 2008,...). Bên cạnh sự tăng trưởng quy mô khối lượng sản phẩm, thì yếu tố chất lượng, giá trị sản phẩm, hiệu quả và sức cạnh tranh trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đã góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng trên.

Nông nghiệp, nhất là về trồng trọt, có sự chuyển biến tích cực khá nổi trội. Đúng như Báo cáo chính trị đã chỉ rõ, đầu tư đẩy mạnh phát triển thủy lợi là tiền đề quan trọng tạo điều kiện mở rộng diện tích canh tác, nâng cao năng suất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và khai thác có hiệu quả lợi thế cây trồng, con nuôi. Cơ cấu cây trồng trên địa bàn tỉnh tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, diện tích cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả có giá trị kinh tế tăng nhanh; giữ ổn định diện tích trồng lúa đảm bảo được mục tiêu an ninh lương thực. Việc đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật,

nhất là khâu giống (lúa, bắp, thanh long, cao su, điều,...), áp dụng quy trình, mô hình canh tác tiến bộ hướng đến nền nông nghiệp an toàn, sản phẩm hàng hóa nông nghiệp sạch, gắn với thị trường tiêu thụ như: Chương trình phát triển thanh long VietGAP, GloboGAP (đến nay toàn tỉnh đã cấp chứng nhận 2433 ha cho thanh long VietGAP) đã tạo hiệu quả rõ rệt về năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nhiều loại cây trồng chủ lực (so với 2005: năng suất thanh long tăng 4,5 tấn/ha; lúa tăng 9,5 tạ/ha, bắp tăng 14,5 tạ/ha, mủ khô cao su tăng 1,8 tạ/ha). Thể hiện rõ hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp là đã đưa giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích tăng bình quân từ 17,3 triệu đồng/ha (2005) lên 34,9 triệu đồng/ha (2009).

Chăn nuôi phát triển theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, từng bước thay dần chăn nuôi nhỏ lẻ hộ gia đình. So với năm 2005, đàn heo tăng 42,7%; đàn bò tăng 18,4%; sản lượng thịt hơi tăng 26,4%. Đáng chú ý, chất lượng con nuôi có chuyển biến rõ nét nhờ chú trọng đẩy mạnh công tác giống. Cơ cấu đàn heo lai có năng suất cao tăng nhanh, từ 63% năm 2005 đến nay đạt trên 75%; các dự án phát triển đàn bò lai, cải tạo đàn bò có tác động tích cực nâng cao thể trạng, chất lượng đàn bò trong tỉnh; cơ cấu đàn bò lai từ 47% năm 2005 đến nay đạt trên 65%; công tác phòng chống dịch bệnh trên vật nuôi được tăng cường đã cơ bản khống chế được các dịch bệnh nguy hiểm xảy ra.

Thủy sản tiếp tục phát triển toàn diện. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 5 năm 2006- 2010 là 9,2%/năm đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội XI đề ra (9% - 10%/năm). Cơ cấu nội bộ ngành chuyển dịch đúng hướng tăng tỷ trọng giá trị nuôi trồng và dịch vụ thủy sản. Quy mô năng lực khai thác hải sản tăng, số lượng tàu cá công suất lớn (từ 90 CV trở lên) năm 2010 tăng 667 chiếc so với năm 2005, khai thác hải sản vùng khơi tiếp tục được đẩy mạnh. Mô hình tàu dịch vụ hậu cần trên biển, tổ đoàn kết đang tiếp tục phát triển và hoạt động có hiệu quả kinh tế, đảm bảo an toàn sản xuất, góp phần bảo vệ chủ quyền an ninh biển, đảo. Công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản được chú trọng, số vụ vi phạm có chiều hướng giảm (từ 2.195 vụ/năm 2005 còn 852 vụ/ năm 2009). *Nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển theo hướng khai thác lợi thế, gắn với nhu cầu thị trường.* Nuôi tôm nước lợ chuyển mạnh sang hình thức bán thâm canh, thâm canh công nghiệp đã đưa năng suất tôm sú bình quân đạt từ 3- 4 tấn/ha và tôm thẻ chân trắng bình quân 10 tấn/ha, góp phần đưa sản lượng nuôi trồng tăng gấp 2 lần so với năm 2005 và tăng bình quân 14,7%/năm. Lợi thế về sản xuất tôm giống tiếp tục duy trì, sản lượng năm 2010 ước tăng gấp 1,5 lần so với năm 2005. Giá trị nuôi trồng thủy sản trên 1 ha từ 87,6 triệu đồng/ha (2006) nâng lên 229,7 triệu đồng/ha (2009). Xuất hiện các mô hình nuôi thủy sản nước ngọt tập trung trong ao đào và trên mặt nước lớn có triển

vọng. *Chế biến thủy sản từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường xuất khẩu, nội địa. Có thêm các sản phẩm mới có giá trị cao (thủy sản đóng hộp, Shurimi, rong nho,...). Sản lượng nước mắm tăng và giữ được uy tín thương hiệu. Công tác quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm được tăng cường, bước đầu có kết quả. Các kết quả đạt được nêu trên trong 5 năm qua góp phần cho kinh tế thủy sản tiếp tục phát triển theo hướng chất lượng, hiệu quả.*

Lâm nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng (tốc độ tăng trưởng GTSX bình quân 5 năm 2006 - 2010 đạt 6,5 %/năm, giai đoạn trước tăng bình quân 4,2 %) và đang chuyển mạnh theo hướng xã hội hoá. Đầu tư nguồn vốn đầu tư từ tổ chức kinh tế, hộ gia đình tăng lên đáng kể từ 55,2% (2005) lên 91,2% (2009). Diện tích rừng trồng mới 5 năm đạt trên 29.000 ha, đưa độ che phủ rừng từ 36,5% năm 2005 lên 38,4% năm 2010 (nếu kể cây công nghiệp dài ngày thì tỷ lệ che phủ tương ứng là 44,1% (2005) và 49,5% (2010). Giao khoán bảo vệ rừng giữ ổn định bình quân 103.000 ha/năm (trong đó giao khoán cho đồng bào dân tộc 89.000 ha theo Nghị quyết 04), giảm thiểu đáng kể tình trạng phá rừng làm rẫy. Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng được tổ chức chủ động, chặt chẽ và kịp thời đã giảm thiểu số vụ và mức độ thiệt hại. Quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định 674-QĐ-UBND thực sự trở thành công cụ quản lý nhà nước, làm cơ

sở sắp xếp các tổ chức chủ rừng và lâm phận quản lý, từ đó phát huy vai trò, trách nhiệm của chủ rừng, từng bước đưa công tác quản lý rừng và đất lâm nghiệp chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn trong những năm qua.

Những kết quả đạt được trong giai đoạn 2006-2010 là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng khai thác tốt các lợi thế của tỉnh. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản phát triển ổn định và ngày càng nâng cao chất lượng, hiệu quả theo hướng thực hiện tốt chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi để tăng giá trị sản phẩm trồng trọt, thủy sản trên một đơn vị diện tích đã góp phần cải thiện đời sống nông dân, bộ mặt nông thôn nhiều vùng khởi sắc. Tuy còn không ít tồn tại, bức xúc phải nỗ lực khắc phục, song đánh giá những chuyển biến tích cực trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp 5 năm qua như Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ tỉnh Khoá XI đã nêu là sát hợp, là cơ sở để Ngành tiếp tục phát huy các nhân tố tích cực trong thời gian tới.

Một số giải pháp chủ yếu để “phát triển nông - lâm - ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với giải quyết tốt các vấn đề về nông dân, nông thôn”.

Báo cáo chính trị Đại hội nêu: “*phát triển nông - lâm - ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với giải quyết tốt các vấn đề về nông dân, nông thôn*”. Để

thực hiện thành công các mục tiêu trên, chúng tôi thấy cần tập trung các giải pháp cơ bản sau:

- Một là, cần phải nhận thức đúng vai trò quan trọng và lợi thế lớn của lĩnh vực nông nghiệp tỉnh nhà, không chỉ là cơ sở phát triển kinh tế của tỉnh, tăng kim ngạch xuất khẩu, mà còn bảo đảm an ninh lương thực, ổn định xã hội, góp phần quan trọng duy trì tăng trưởng bền vững. Do đó, từng ngành, từng địa phương cần tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 20-CTHĐ/TU của 22/9/2008 của BCH Đảng bộ tỉnh khoá XI thực hiện Nghị quyết số: 26-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn một cách thiết thực, hiệu quả. Trước hết, từng địa phương phải làm tốt công tác lập, rà soát các quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế - xã hội gắn mục tiêu công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp - nông dân - nông thôn ở từng xã, phường và chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới là giải pháp quan trọng. Có được các quy hoạch, kế hoạch định hướng chiến lược phù hợp sẽ tạo bước chuyển mới trong chỉ đạo, cách làm và huy động mọi nguồn lực cho việc phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp bền vững, cả về sức sản xuất, chất lượng, hiệu quả và thị trường tiêu thụ, đáp ứng nhu cầu trong tỉnh và hướng đến xuất khẩu, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nông dân mà Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương (Khóa X) và Quyết định số 800-QĐ/TTg đã đề ra.

- Hai là, phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng bền vững, sản xuất hàng hóa có số lượng lớn và chất lượng, sức cạnh tranh cao, đảm bảo an toàn thực phẩm. Tập trung đầu tư hạ tầng, đổi mới công nghệ... để nâng cao năng suất, chất lượng nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi và các sản phẩm cây trồng lợi thế (thanh long, xuất khẩu thủy sản, cao su, điều). Áp dụng các qui trình sản xuất tiên tiến và tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGap, HACCP vào sản xuất các nông, thủy sản chủ lực của tỉnh như: thanh long, xuất khẩu thủy sản và một số loại rau. Tập trung quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất nông nghiệp, quản lý chặt và ổn định diện tích lúa khoảng 44.000 ha gắn với thực hiện đồng bộ các chính sách hỗ trợ cho nông dân trồng lúa có hiệu quả cao; mở rộng diện tích gieo trồng các loại rau màu, cây công nghiệp có lợi thế của tỉnh theo hướng tập trung đã được quy hoạch, từng bước ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ cao,... để tăng năng suất, sản lượng và hiệu quả trên từng đơn vị diện tích. Phấn đấu tăng giá trị sản lượng, thu nhập trên đơn vị diện tích lên ít nhất 1,5 lần so với năm 2010.

- Ba là, tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn - coi đây là khâu đột phá. Thực hiện đồng bộ các nội dung và giải pháp Nghị quyết số 26- NQ/TW, Chương trình hành động số 20-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh (Khoá XI) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo hướng trọng tâm, trọng điểm, phát huy nhanh hiệu quả đầu

tư. Phát triển thuỷ lợi đa mục tiêu đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội; tiếp tục đầu tư chiều sâu phát huy đồng bộ các hệ thống công trình gắn với nâng cao diện tích chủ động nước cho các loại cây trồng; mức an toàn của các công trình và năng lực phòng chống giảm nhẹ thiên tai. *Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình hạ tầng thuỷ sản thiết yếu*, trước hết là các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, cảng cá, hạ tầng khu quy hoạch chế biến, nuôi trồng thuỷ sản tập trung. *Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng nông thôn và giải quyết các vấn đề bức xúc liên quan đến đời sống, dân sinh* như phát triển hệ thống cấp nước sạch ở vùng nông thôn; bố trí dân cư vùng thiên tai và sắp xếp ổn định dân di cư tự do; tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, hỗ trợ sản xuất và đời sống, giúp dân ổn định và phát triển kinh tế tại các vùng quy hoạch. *Tập trung nguồn lực thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới*, trước hết là 10 xã điểm, phấn đấu đến 2015 mỗi huyện, thị, thành phố có 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Phát triển hệ thống hạ tầng theo tiêu chí xã nông thôn mới đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp và phục vụ đời sống dân cư nông thôn văn minh hiện đại.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ DU LỊCH

GÓP PHẦN THÚC ĐẨY KINH TẾ - XÃ HỘI PHÁT TRIỂN

(Trích tham luận của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Xác định du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần, góp phần xóa đói, giảm nghèo, Tỉnh ủy đã có Nghị quyết chuyên đề về phát triển du lịch Bình Thuận. Nhờ vậy, trong 5 năm qua, kinh tế du lịch của tỉnh tăng trưởng ổn định, bình quân gần 15%/năm, doanh thu du lịch tăng bình quân trên 32%/năm; du khách đến ngày càng nhiều, thời gian lưu trú dài hơn, chi tiêu khá hơn và quay trở lại cũng nhiều lần hơn.

Du lịch Bình Thuận với thương hiệu Mũi Né đã vươn xa, trở thành điểm đến của du khách trong và ngoài nước với nhiều loại hình như: du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh, thể thao, tín ngưỡng, MICE; sản phẩm du lịch phong phú đa dạng với hệ thống các resort nghỉ dưỡng cao cấp, các môn thể thao golf, lướt ván buồm, lướt ván diều... Cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ phục vụ du lịch phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng. Toàn tỉnh hiện có 145 khách sạn, resort đang hoạt động kinh doanh với tổng số 6.650 phòng và trên 200 nhà

ngủ, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê với khoảng 2.000 phòng, dịch vụ kinh doanh lữ hành, ăn uống, mua sắm và các dịch vụ khác phục vụ khách du lịch tiếp tục phát triển đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch.

Sự phát triển của du lịch Bình Thuận trong những năm qua đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tiến bộ, tạo nhiều công ăn việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn, nhất là các vùng ven biển của tỉnh. Mặt khác, du lịch phát triển đã góp phần gìn giữ, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, các lễ hội văn hóa truyền thống ở địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số khó khăn, hạn chế nhất định. Kinh tế du lịch chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế của tỉnh, còn nhiều dự án chậm triển khai; sản phẩm du lịch chưa thật phong phú; chất lượng dịch vụ chưa cao; công tác quản lý nhà nước chưa đồng bộ, có mặt bất cập; cơ sở hạ tầng vừa thiếu và yếu; môi trường xã hội và tự nhiên ở vài điểm du lịch chưa bảo đảm.

Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức về lợi thế cạnh tranh so với các tỉnh trong khu vực, để khắc phục những mặt hạn chế tồn tại trong những năm qua và thực hiện tốt các mục tiêu, yêu cầu phát triển du lịch Bình Thuận trong giai đoạn tới, ngành du lịch cần tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

1. Tiếp tục phát triển đa dạng về loại hình, sản phẩm du lịch.

Hoàn thành quy hoạch tổng thể và cụ thể làm cơ sở cho việc thu hút đầu tư phát triển du lịch. Chú trọng khai thác tài nguyên du lịch độc đáo, hấp dẫn, nổi trội của địa phương để tạo ra sản phẩm du lịch chuyên biệt. Ngoài du lịch biển, phát triển loại hình du lịch sinh thái rừng, thác, hồ, đảo, du lịch văn hóa... với các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng cao cấp; thể thao biển (lướt ván điều, lướt ván buồm, dù lượn, lặn biển), kinh khí cầu, nghiên cứu, tìm hiểu di tích lịch sử-văn hoá, lễ hội truyền thống...

Tiếp tục kêu gọi các dự án đầu tư, chú ý phát triển dịch vụ vận chuyển khách du lịch trên sông, trên biển; đầu tư khai thác Hồ Hàm Thuận-Đa Mi (Hàm Thuận Bắc), Thác YavLy (Tuy Phong), Thác Bà (Tánh Linh); đầu tư Đảo Cù Lao câu thành trung tâm nghỉ dưỡng phức hợp và đầu tư các làng chài ven biển.

Tích cực triển khai City tour Phan Thiết; xây dựng mô hình tổ chức quản lý, khai thác các điểm tham quan, các làng nghề thành điểm du lịch để phát triển các tour du lịch nội tỉnh.

2. Tích cực đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch.

Huy động nhiều nguồn vốn đầu tư nâng cấp, xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng ở các khu du lịch đã được qui

hoạch trên địa bàn tỉnh. Tập trung hoàn thành một số công trình trọng điểm như: kè bảo vệ bờ biển Đồi Dương - Thương Chánh, Hàm Tiến; điện chiếu sáng, cấp quang khu vực Long Sơn-Suối Nước, hệ thống thoát nước Hàm Tiến, xử lý nước thải Hòn Rơm; khu neo đậu tàu thuyền Mũi Né; nhà ga Phan Thiết mới.

Xây dựng, hình thành Trung tâm biểu diễn văn hoá, nghệ thuật tại Phan Thiết; tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng các trung tâm mua sắm, phố ẩm thực phục vụ nhu cầu của khách du lịch. Tiếp tục trùng tu, tôn tạo gắn với đầu tư hạ tầng giao thông, bãi đậu xe, nhà vệ sinh... ở các di tích lịch sử-văn hoá để trở thành các điểm du lịch.

3. Đẩy mạnh hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch theo chiều sâu, theo hướng chuyên nghiệp và xã hội hoá.

Xây dựng các trạm thông tin du lịch phục vụ du khách ở các khu du lịch.

Triển khai ứng dụng công nghệ GIS phục vụ công tác quản lý, quảng bá du lịch Bình Thuận; nâng cao chất lượng công tác giới thiệu, quảng bá hình ảnh du lịch Bình Thuận trên các phương tiện thông tin.

Tổ chức, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp du lịch tham gia các hội chợ, hội thảo chuyên đề, tổ chức các hoạt động tiếp thị, nghiên cứu thị trường để khai thác tốt hơn thị trường khách quốc tế.

Tổ chức thường niên một sự kiện văn hoá, thể thao có quy mô lớn đồng thời nâng quy mô, chất lượng nội dung tổ chức các lễ hội văn hoá truyền thống của tỉnh phục vụ du lịch.

4. Tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh du lịch, bảo đảm môi trường tự nhiên, xã hội để phát triển du lịch.

Tăng cường sự chỉ đạo của UBND tỉnh đối với các sở, ngành liên quan trong công tác phối hợp quản lý nhà nước về du lịch.

Ban hành các qui định cụ thể về hoạt động kinh doanh lưu trú du lịch, kinh doanh lữ hành; qui định về quản lý khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh đồng thời tăng cường công tác hậu kiểm việc chấp hành các qui định của nhà nước trong hoạt động kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường du lịch trong cộng đồng dân cư, bảo đảm vệ sinh môi trường ở các điểm du lịch; xây dựng hình ảnh điểm đến an toàn, thân thiện, phong cách ứng xử văn minh với du khách.

5. Hoàn thiện tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực du lịch.

Tăng cường nhân lực làm công tác quản lý nhà nước về du lịch ở cấp huyện, thành phố, thị xã, nhất là các địa bàn phát triển du lịch.

Đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động các ban quản lý khu du lịch, điểm du lịch. Tổ chức lực lượng thanh niên xung kích bảo vệ an ninh trật tự, an toàn du khách ở các khu du lịch trọng điểm theo hướng xã hội hoá.

Triển khai thực hiện tốt Đề án đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực du lịch của tỉnh đến 2015; tăng cường bồi dưỡng, tập huấn công tác quản lý nhà nước cho cán bộ công chức làm công tác quản lý du lịch ở cấp huyện, thị xã, thành phố và đào tạo nghề, bồi dưỡng nghiệp vụ, ngoại ngữ, nâng cao chất lượng lao động ở các cơ sở kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch bằng nhiều hình thức và theo nhu cầu của doanh nghiệp.

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, đa ngành, do vậy để tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 19-NQ/TU về phát triển du lịch Bình Thuận, các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể và các tổ chức xã hội nhận thức sâu sắc, chỉ đạo kiên quyết và tổ chức phối hợp thực hiện đồng bộ các giải pháp trên, tôi hy vọng Du lịch Bình Thuận sẽ hoàn thành tốt những nhiệm vụ mục tiêu mà Đại hội đã đề ra trong giai đoạn 2010 - 2015 và tiếp tục gặt hái được những kết quả lớn hơn, góp phần đáng kể trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội, xứng đáng là ngành kinh tế quan trọng của tỉnh./.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THU NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

(Trích tham luận của Sở Tài chính)

Để đảm bảo nguồn lực thực hiện các mục tiêu về kinh tế xã hội giai đoạn 2011 – 2015 nhiệm vụ thu, chi ngân sách đóng vai trò rất lớn. Do đó, cần phải đánh giá đúng khả năng thu ngân sách để đề ra chỉ tiêu phấn đấu thực hiện, tích cực khai thác nguồn thu, tranh thủ nguồn hỗ trợ từ ngân sách trung ương và các nguồn huy động khác để đảm bảo cân đối nguồn chi phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

- Với tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách bình quân hàng năm ở mức 11% thì tổng thu ngân sách (không kể các khoản thu trực tiếp từ dầu khí và xuất nhập khẩu) 5 năm từ năm 2011 đến năm 2015 là 24.385 tỷ đồng. Còn với tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách bình quân hàng năm ở mức 12% thì tổng thu ngân sách (không kể các khoản thu trực tiếp từ dầu khí và xuất nhập khẩu) 5 năm từ năm 2011 đến năm 2015 là 26.601 tỷ đồng. Thực tế với số thu ngân sách năm 2010 (không kể các khoản thu trực tiếp từ dầu khí và xuất nhập khẩu) dự kiến đạt 2.400 tỷ đồng, và tốc độ tăng thu

ngân sách bình quân hàng năm là 24% thì số thu ngân sách giai đoạn 2011 – 2015 theo phương án này đạt 23.952 tỷ đồng, ứng với số thu hàng năm này thì tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách bình quân hàng năm khoảng 11%.

Bên cạnh đó, trong cơ cấu thu ngân sách nhà nước hàng năm có các khoản thu như thu tiền sử dụng đất, thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước,... là các khoản thu từ biện pháp tài chính nên không thể có tốc độ tăng trưởng như các khoản thu từ thuế và phí. Để đạt được tốc độ tăng thu bình quân 24%/năm thì tốc độ tăng thu từ thuế và phí phải đạt trên 27%/năm, thực tế trong giai đoạn 2006 – 2010 tốc độ tăng các khoản thu từ thuế và phí đạt 27,75%.

Như vậy, để huy động, khai thác tối đa nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2015 thì mức phần đầu huy động GDP vào ngân sách 11 -12% theo chỉ tiêu đã nêu trong dự thảo là phù hợp.

Để hoàn thành tốt thực hiện chỉ tiêu thu ngân sách giai đoạn 2011- 2015 nói trên cần triển khai thực hiện các giải pháp sau:

Một là, đẩy mạnh công tác quản lý, khai thác nguồn thu đi đôi với tăng cường bồi dưỡng nguồn thu, cụ thể:

- Các sở, ngành tiếp tục tham mưu UBND tỉnh xây dựng và hoàn thiện chiến lược phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng theo hướng tập trung phát triển mạnh các nhóm ngành sản phẩm thế mạnh, như năng lượng

(phong điện, thuỷ điện, nhiệt điện), dầu khí và vật liệu xây dựng, các nhóm ngành công nghiệp kinh tế biển; phát triển công nghiệp nông thôn đi đôi với bảo vệ môi trường, qua đó góp phần tích lũy, bồi dưỡng nguồn thu tạo nguồn lực phát triển bền vững cho địa phương.

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nâng cao tỷ trọng giá trị sản phẩm ngành chăn nuôi, tăng các loại nông sản hàng hoá lợi thế của tỉnh đi đôi với thực hiện các biện pháp sản xuất sản phẩm an toàn đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm sạch phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu đem lại nguồn thu cho địa phương và góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc phát triển.

Đẩy mạnh phát triển du lịch, đa dạng hoá sản phẩm du lịch tăng cường liên kết, tiếp thị, quảng bá, nâng cao du lịch biển địa phương ngang tầm quốc tế... để du lịch thành một ngành kinh tế trọng điểm đóng góp vào phát triển kinh tế của địa phương. Tập trung phát triển dịch vụ vận tải, thương mại và kinh doanh xuất nhập khẩu theo hướng hiện đại hoá gia tăng hàm lượng công nghệ đảm bảo lưu thông hàng hoá nhanh thuận tiện, góp phần kích thích sản xuất phát triển tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương. Quan tâm phát triển các ngành dịch vụ khác như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn, công nghệ thông tin, chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Ngành thuế tích cực phối hợp với các ngành, các cấp đẩy mạnh công tác quản lý hành thu, tăng cường kiểm tra chống thất thu. Nghiên cứu cụ thể hoá và triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách thuế mới được ban hành trên địa bàn. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn, cung cấp dịch vụ hỗ trợ tư vấn cho các đối tượng nộp thuế nhằm giúp cho các đối tượng nộp thuế hiểu rõ các chính sách thuế và các thủ tục về kê khai nộp thuế.

Tập trung rà soát, xử lý và phân loại nợ đọng thuế theo quy định hiện hành, kiên quyết thu dứt điểm đối với các khoản nợ có khả năng thu. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

- Các sở, ngành, các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục đẩy mạnh khai thác nguồn thu từ quỹ đất. Xây dựng và hoàn thiện giá các loại đất trên địa bàn theo lộ trình tiến đến sát với giá thị trường.

- Tiếp tục thực hiện đề xuất với Trung ương các cơ chế chính sách thu, như phân cấp mạnh hơn cho ngân sách địa phương các nguồn thu thuế tài nguyên từ dầu khí, từ khoáng sản (titan); đề nghị điều chỉnh giá tính thuế của Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi cho phù hợp với giá điện thương phẩm góp phần tăng thu ngân sách địa phương.

Hai là, thu hút, huy động vốn đầu tư trực tiếp trong nước và ngoài nước; tranh thủ nguồn vốn viện trợ; xây dựng và

thực hiện các cơ chế, chính sách động viên, khuyến khích đầu tư vốn phát triển một số ngành, sản phẩm chủ lực có lợi thế của địa phương, nhất là phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn nông thôn, vùng đồng bào dân tộc. Đảm bảo hành lang pháp lý tạo môi trường thuận lợi, hấp dẫn và công bằng cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư phát triển. Đẩy mạnh xã hội hoá các lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, văn hoá thông tin, thể dục thể thao nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các lĩnh vực này.

Ba là, tiếp tục chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ thường xuyên cho cán bộ, công chức nhất là đối với cán bộ, công chức ngành tài chính, thuế và kho bạc. Thực hiện tốt việc sắp xếp, điều động luân chuyển cán bộ, thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo đối với đội ngũ cán bộ nguồn. Bên cạnh đó, trong chi tiêu ngân sách cần phải tăng cường công tác quản lý, điều hành, đẩy mạnh việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Cụ thể:

- Rà soát, hoàn thiện công tác quy hoạch đảm bảo sự phát triển tổng thể, đồng bộ để thực hiện đầu tư phù hợp với khả năng cân đối về vốn và các nguồn lực khác. Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thuỷ lợi, cấp thoát nước, xử lý môi trường. Bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản phải tuân thủ nguyên tắc tập trung, không dàn trải, không kéo dài thời gian thi công, nhanh chóng đưa

công trình vào sử dụng và phát huy ngay hiệu quả; ưu tiên vốn cho các công trình trọng điểm và các công trình chuyển tiếp có khả năng hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm. Thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án đầu tư từ ngân sách Trung ương với nguồn vốn địa phương và các nguồn vốn khác nhằm đem lại hiệu quả cao.

- Bám sát mục tiêu phát triển ngành, lĩnh vực xã hội trong giai đoạn tới và nhiệm vụ được giao, chi thường xuyên đảm bảo chi lương, có tính chất lương và kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, chi hoạt động của bộ máy hành chính, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh. Ưu tiên cho các khoản chi sự nghiệp trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, khoa học công nghệ, và các chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh việc thực hiện phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị, tăng cường kiểm soát chi qua hệ thống kho bạc. Thực hiện nghiêm túc các quy định về công khai tài chính. Đẩy mạnh thực hiện dân chủ cơ sở tại cơ quan, đơn vị, địa phương đi đôi với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TỶ LỆ HUY ĐỘNG GDP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỊA PHƯƠNG VÀ TỔNG THU NGÂN SÁCH 5 NĂM 2010 - 2015

(Trích tham luận của đại biểu Cục Thuế tỉnh)

Trước hết về các chỉ tiêu đã nêu trong Dự thảo, theo đó trong 5 năm đầu tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách hàng năm là 11-12% và tổng thu ngân sách nhà nước (không kể các khoản thu từ thuế tài nguyên dầu khí và thuế xuất nhập khẩu) đạt từ 22.000 đến 23.000 tỷ đồng, tăng 2,47 lần so với số thu giai đoạn (2005-2010), như vậy, bình quân trong 5 năm đầu mỗi năm chúng ta phải thu vào khoản 4.500 tỷ đồng (chưa tính thuế dầu khí), năm 2010 chúng ta ước đạt 2.300 tỷ (nội địa). Các chỉ tiêu này đã được các ngành, các cấp tham gia nhiều lần và nêu như trong dự thảo. Các chỉ tiêu nói trên thể hiện kỳ vọng và quyết tâm của chúng ta trong việc xây dựng một ngân sách địa phương phát triển và chủ động trong cân đối thu chi.

- Ở đây vấn đề xin được tham gia là: Chúng ta sẽ có giải pháp nào để đạt được mục tiêu nêu trên trong nhiệm kỳ đến, bởi lẽ, nếu không nêu ra được các giải pháp đúng thì chúng ta sẽ gặp khó khăn khi thực hiện mục tiêu đã đặt ra.

- Xét về cơ cấu nguồn thu nội địa, trong thời gian qua cho thấy tỷ trọng thu ngân sách: thu các ngành sản xuất chiếm 38%; thương mại chiếm 17,6%; xây dựng chiếm 9,86%; dịch vụ 34,85 % (trong đó du lịch chiếm 25%/ngành dịch vụ còn lại là các khoản thu từ đất và phí, lệ phí).

Từ tỷ trọng này cho thấy, chúng ta cần có sự chuyển dịch và đầu tư mạnh hơn vào các ngành sản xuất công nghiệp. Bởi lẽ, đây là nguồn thu có tính ổn định lâu dài, bảo đảm tính bền vững, các khu công nghiệp cần được triển khai nhanh để thúc đẩy kinh tế tỉnh nhà phát triển. Kinh tế phát triển, đặc biệt từ những ngành kinh tế chủ lực sẽ làm cho công tác thu ngân sách gia tăng và điều này đồng nghĩa với việc tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách sẽ tăng theo, chúng tôi coi đây là giải pháp cơ bản nhất để tăng thu ngân sách trong thời gian đến.

- Như trong báo cáo đã nêu, trong nhiệm kỳ qua số thu nội địa của chúng ta đạt được 9327 tỷ, tăng 2,84 lần so với giai đoạn (2001-2005), trong đó khoản thu từ thuế nhà thầu phụ nước ngoài tăng 30,47 lần, thuế GTGT của Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận Đa Mi tăng 8,85 lần. Đây là 2 khoản thu có được do có sự thay đổi về chính sách thu, việc đề nghị đưa vào quản lý các nguồn thu từ dầu khí của lô 15.1 làm cho số thu nhà thầu phụ nước ngoài hàng năm thu được từ 200 đến 300 tỷ đồng, việc thay đổi chính sách thuế GTGT của Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận Đa Mi từ 2% trên

doanh thu, tăng lên 9% trên doanh thu làm số thuế GTGT của nhà máy này tăng lên 40 tỷ đồng mỗi năm.

Phân tích trên cho thấy, việc thay đổi chính sách thu cũng góp phần đáng kể trong thu ngân sách. Chúng ta cần chủ động đề xuất với Trung ương các cơ chế chính sách để làm tăng thu ngân sách, trước mắt tiếp tục đề nghị Trung ương phân cấp mạnh hơn các nguồn thu từ dầu khí trên vùng biển của Bình Thuận, từ công tác quản lý thu đến các nguồn thu phát sinh trên địa bàn. Đề nghị điều chỉnh giá tính thuế của Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi cho phù hợp với giá điện thương phẩm và nhất là chúng ta tiếp tục đề nghị Trung ương xây dựng tỷ lệ điều tiết thích hợp cho ngân sách địa phương từ nguồn thu thuế tài nguyên dầu khí, mà mỗi năm chúng ta nộp cho ngân sách Trung ương trên 3000 tỷ đồng, và sắp đến sẽ là thuế tài nguyên từ việc khai thác các mỏ Ti tan trên địa bàn. Việc thay đổi các chính sách thuế theo hướng làm tăng thu ngân sách địa phương sẽ là một giải pháp lớn làm tăng thu ngân sách trong nhiệm kỳ đến.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý thu, trước hết là công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực khai thác tài nguyên đất, đá, cát, sỏi gia tăng và sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong việc quản lý các nguồn thu này. Tập trung hơn nữa vào các lĩnh vực đang còn đánh giá là thất thu như: nhà hàng, khách sạn, kinh doanh xăng dầu...

tăng cường công tác kiểm tra có trọng điểm. Thực hiện các giải pháp đủ mạnh để thu hồi nợ thuế.

Để bảo đảm được các chỉ tiêu về thu ngân sách mà trong Dự thảo báo cáo đã nêu, phải có sự kết hợp đồng bộ các nhóm giải pháp, đặc biệt cần chú trọng các giải pháp đột phá làm tăng nhanh số thu ngân sách, xây dựng các chỉ tiêu cụ thể để bảo đảm được rằng việc xây dựng chỉ tiêu thu trong nhiệm kỳ đến là có tính khả thi.

- Vấn đề cuối cùng xin được phép trình bày đó là: Công tác dự báo để bảo đảm các mục tiêu đặt ra. Việc dự báo chính xác sẽ giúp bảo đảm được kế hoạch mà chúng ta xây dựng. Trong nhiệm kỳ qua chúng ta kỳ vọng nhiều vào một số dự án mà chúng ta hy vọng sẽ hoàn thành như khu công nghiệp Sơn Mỹ - Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân. Tuy nhiên, trong thực tế các dự án này không hoặc chậm triển khai, điều này ảnh hưởng đến các chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách mà chúng ta xây dựng. Việc đánh giá đúng thực trạng và khả năng của từng dự án trọng điểm sẽ giúp chúng ta chủ động hơn trong việc xây dựng các giải pháp hợp lý, nhằm bảo đảm nguồn lực cho việc phát triển kinh tế địa phương./.

CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO 5 NĂM (2006 - 2010)

(Trích tham luận của Thanh tra tỉnh)

Khiếu nại, tố cáo là quyền cơ bản của công dân; Điều 74 Hiến pháp năm 1992 khẳng định: “*Công dân có quyền khiếu nại, quyền tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc bất cứ cá nhân nào. Việc khiếu nại, tố cáo phải được cơ quan Nhà nước xem xét và giải quyết trong thời hạn pháp luật quy định. Mọi hành vi xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể và của công dân phải được kịp thời xử lý nghiêm minh. Người bị thiệt hại có quyền được bồi thường về vật chất và phục hồi danh dự. Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác*”.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có nhiều văn bản chỉ đạo về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, như: Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 06/3/2002 của Ban Bí thư, Thông báo số 130-TB/TW, Thông báo số 307-TB/TW của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 29-CT/TW, UBND tỉnh ban hành Quyết định số

18/2007/QĐ-UBND ngày 17/4/2007 Quy định về Quy trình giải quyết tranh chấp; khiếu nại, tố cáo về đất đai và giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Thuận; Quy chế tổ chức tiếp công dân, Quy chế Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại, tố cáo của tỉnh và nhiều văn bản khác để triển khai thực hiện.

Trong 05 năm qua, các cấp, các ngành tổ chức tiếp 13.402 lượt công dân. Đã giải quyết 8.454 vụ khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của các cơ quan hành chính nhà nước, trong đó có những vụ tồn đọng, kéo dài. Ngoài ra còn giải quyết 6.934 đơn phản ánh, kiến nghị có liên quan đến khiếu nại, tố cáo; riêng Thanh tra tỉnh tham mưu giải quyết 743/805 vụ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, đạt tỷ lệ 92,3%. Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo giải quyết căn bản các vụ việc khiếu tố tồn đọng, phức tạp dai dẳng kéo dài, có những vụ kéo dài 20, 30 năm, những vụ đông người phức tạp và những vụ có liên quan đến tôn giáo, dân tộc. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo đã khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp cho công dân gần 20 tỷ đồng, xét giao gần 100 lô đất, gần 300 ha đất nông lâm nghiệp và nhiều tài sản có giá trị khác. Xử lý kỷ luật 71 trường hợp, đề nghị khởi tố 88 vụ/121 đối tượng... Các quyết định giải quyết hầu hết đều đúng luật định, có tính thuyết phục, có xem xét đến hoàn cảnh từng trường hợp cụ thể để giải quyết có lý có tình; các quyết định giải quyết về cơ bản công dân đều chấp hành, được công khai trên trang thông tin điện tử.

Bên cạnh việc tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo, các ngành, các cấp nhất là xã, phường, thị trấn đã tăng cường công tác hòa giải, làm giảm đơn phát sinh và gửi vượt cấp. Đã chú trọng tuyên truyền pháp luật về khiếu nại, tố cáo, tăng cường công tác tập huấn hòa giải đến cán bộ xã, phường, thị trấn, thôn, khu phố, tổ tự quản và hòa giải viên cơ sở trong toàn tỉnh với trên 10.000 lượt người tham dự.

Đạt được những kết quả nêu trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã quán triệt những nguyên tắc, quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị, của Chính phủ, tranh thủ sự phối hợp, hỗ trợ của bộ, ngành Trung ương, Thanh tra Chính phủ và vận dụng khéo léo, linh hoạt với các biện pháp đồng bộ về kinh tế, giáo dục, thuyết phục và hành chính, hình sự; có xem xét đến yếu tố lịch sử, gia đình chính sách, hoàn cảnh cụ thể trong quá trình giải quyết, với tinh thần coi trọng, bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhân dân; đảm bảo người dân sống bằng nghề nông được có đất sản xuất... Đồng thời với sự nỗ lực phối hợp giữa các cấp, các ngành, đoàn thể, còn có sự tham mưu tích cực của đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, luôn thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giải quyết khiếu nại, tố cáo: *"...Đồng bào có oan ức mới khiếu nại hoặc vì chưa hiểu rõ chính sách của Đảng và Chính phủ mà khiếu nại. Ta phải giải quyết nhanh, tốt thì đồng bào thấy rõ Đảng và Chính phủ quan tâm lo lắng đến quyền lợi của họ, do đó mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Chính phủ càng được củng cố tốt hơn..."*. Thời gian qua, lãnh đạo các

cấp, các ngành nói chung và cán bộ, công chức ngành Thanh tra nói riêng đã phấn đấu thực hiện đúng lời dạy của Bác Hồ.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được nêu trên cũng cần nhìn nhận công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thời gian qua còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Một số trường hợp, giải quyết chưa đảm bảo đúng chính sách, pháp luật, chưa xem xét thấu đáo, điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể để giải quyết; một số trường hợp chưa kịp thời, chậm triển khai thực hiện các kết luận, chỉ đạo của cấp trên gây bức xúc trong nhân dân.

- Một số trường hợp địa phương và cơ quan có thẩm quyền của Trung ương đã xem xét, giải quyết đúng pháp luật, đã vận dụng tối đa chính sách “đặc thù” để xem xét giải quyết, thông báo chấm dứt khiếu nại nhưng vẫn cố chấp, tiếp khiếu.

- Việc phát sinh khiếu tố có nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân về quản lý Nhà nước trên một số lĩnh vực còn hạn chế, nhất là lĩnh vực đất đai. Tuy nhiên nguyên nhân khách quan là do cơ chế, chính sách còn nhiều bất cập, nhất là lĩnh vực đất đai, thu hồi đất, đền bù, giải tỏa, tái định cư; cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo còn chồng chéo, thiếu đồng bộ giữa Luật Khiếu nại, tố cáo, Pháp lệnh giải quyết các vụ án hành chính, Luật Đất đai và các pháp luật khác có liên quan.

Tình hình chung của cả nước và ở tỉnh ta, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo phần lớn có nội dung liên quan đến đất đai. Do đó trong thời gian đến, cần nâng cao hơn nữa về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai, thực hiện đúng quy định, quy trình về thu hồi đất, thực hiện tốt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải quyết tốt việc làm cho người có đất bị thu hồi, giải quyết hài hòa mối liên hệ lợi ích giữa người có quyền sử dụng đất, Nhà nước và nhà đầu tư. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phúc tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, kiên quyết thu hồi đất đã giao, cho thuê không đúng đối tượng, sử dụng kém hiệu quả, xử lý kịp thời, nghiêm minh các đối tượng vi phạm pháp luật về đất đai.

Để tiếp tục ngăn ngừa và giải quyết có hiệu quả khiếu nại, tố cáo của công dân, nhất là các vụ nổi cộm, phức tạp, các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 09-CT/TW, Thông báo số 130-TB/TW, Thông báo số 307-TB/TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 29-CT/TW của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch 4562/UBND-KH của Chủ tịch UBND tỉnh,... Tăng cường và phát huy trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, thủ trưởng các cơ quan Nhà nước, vai trò giám sát của HĐND, Mặt trận và các đoàn thể các cấp. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao trình độ mọi mặt đối với cán bộ làm công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo... nhằm đưa công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thời gian đến đạt hiệu quả cao hơn, góp phần quan trọng ổn định chính trị, phát triển kinh tế, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

HƯỚNG DẪN
TUYÊN TRUYỀN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XII,
NHIỆM KỲ 2010 - 2015

Thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TU, ngày 11/10/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 – 2015*”, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn công tác tuyên truyền Nghị quyết như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII nhằm làm cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhân dân trong tỉnh nhận thức đúng ý nghĩa quan trọng của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh; những thành tựu kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh mà Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã đạt được trong 5 năm qua, những yếu kém, tồn tại cần khắc phục; chỉ tiêu, nhiệm vụ và những giải pháp cần tập trung thực hiện trong 5 năm 2010 - 2015; từ đó, xây dựng ý thức trách nhiệm, quyết tâm thực hiện nghị quyết.

- Gắn công tác tuyên truyền Nghị quyết Đại hội với tiếp tục tuyên truyền thực hiện Cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*", giải quyết tốt các vấn đề bức xúc xã hội, tạo niềm tin và động lực mới, nhằm phát huy sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng bộ, sự đồng thuận của nhân dân, tích cực cổ vũ mạnh mẽ tinh thần thi đua lao động, sản xuất vượt qua khó khăn, thử thách, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra, đưa tỉnh ta phát triển nhanh và bền vững.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN:

- Tuyên truyền về ý nghĩa quan trọng của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII: Đại hội diễn ra trong hoàn cảnh sự nghiệp đổi mới tiếp tục tạo ra thế và lực mới, còn có những khó khăn, thách thức, nhưng Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết, nỗ lực, phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI.

- Tuyên truyền về kết quả 5 năm (2005- 2010) thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI. Trong đó, nêu đậm nét nền kinh tế tỉnh ta đã vượt qua nhiều thách thức, khó khăn, đạt tốc độ tăng trưởng khá và phát triển tương đối toàn diện; các chính sách an sinh xã hội được thực hiện khá tốt, đời sống đại bộ phận nhân dân được cải thiện, các hoạt động văn hóa- xã hội chuyển biến tích cực; công tác xây dựng Đảng có những chuyển biến tiến bộ.

- Đề cập những yếu kém, khuyết điểm đáng quan tâm như: GDP bình quân đầu người chưa đạt mức bình quân chung của cả nước; sự yếu kém về kết cấu hạ tầng; chất lượng nguồn nhân lực thấp; một số vấn đề bức xúc về mặt xã hội giải quyết chưa căn bản; trật tự xã hội từng nơi, từng lúc còn diễn biến phức tạp. Nguyên nhân chủ yếu của yếu kém, khuyết điểm và rút ra một số kinh nghiệm.

- Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh trong nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII (2010 – 2015). Chú trọng tuyên truyền làm nổi bật mục tiêu chung của Nghị quyết Đại hội: *Tiếp tục phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống chính trị; huy động mọi nguồn lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế, thúc đẩy kinh tế tỉnh nhà phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở cơ cấu công nghiệp- dịch vụ- nông nghiệp; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế trong nước và quốc tế; cải thiện đời sống nhân dân; bảo vệ môi trường; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tạo bước chuyển biến rõ rệt, toàn diện và vững chắc các mặt của đời sống xã hội.*

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

- *Ban Tuyên giáo các huyện, thị, thành ủy; Ban Tuyên giáo, Ban Tuyên huấn các Đảng ủy trực thuộc, Mặt trận và*

các đoàn thể cấp tỉnh căn cứ Chỉ thị số 01-CT/TU, ngày 11/10/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tham mưu cho cấp ủy địa phương, ngành, đơn vị mình kế hoạch tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII. Đồng thời, tổ chức lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên tuyên truyền sâu rộng những nội dung cơ bản, những chủ trương, giải pháp chủ yếu trong Nghị quyết.

Cùng với công tác tuyên truyền, cần tổ chức nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng và dư luận xã hội xung quanh việc triển khai, quán triệt, học tập và thực hiện Nghị quyết; tích cực giải quyết các vấn đề bức xúc nảy sinh trong từng lĩnh vực mà cán bộ, đảng viên và nhân dân quan tâm; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước bằng hành động cụ thể, thiết thực, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, phương hướng nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra.

Tổ chức tập huấn bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên, phát huy tối đa lợi thế tuyên truyền miệng, nội dung tuyên truyền phải ngắn gọn, phù hợp từng đối tượng, giúp người nghe dễ hiểu, dễ nhớ, nhằm tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, sớm đưa Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ cấp mình, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đi vào cuộc sống.

- *Sở Thông tin và Truyền thông* chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng trong tỉnh đẩy mạnh hoạt động thông tin,

tuyên truyền việc quán triệt, học tập và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII. Đồng thời, trên cơ sở tài liệu Hỏi – Đáp do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phát hành, biên soạn tài liệu với những nội dung ngắn gọn, cơ bản nhất của Nghị quyết Đại hội, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- *Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch* có kế hoạch triển khai xây dựng panô, áp phích, tranh cổ động trực quan; lồng ghép tổ chức triển lãm tuyên truyền kết quả 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI. Tập trung tuyên truyền những dự án, công trình lớn, trọng điểm của tỉnh. Đẩy mạnh hoạt động của các đội tuyên truyền lưu động tỉnh và thông tin lưu động ở các địa phương trong tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh.

- *Báo Bình Thuận, Đài Phát thanh - Truyền hình, Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh* mở chuyên mục, xây dựng kế hoạch thời gian, ưu tiên thời lượng phát sóng, đăng tin tuyên truyền thường xuyên nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII. Trong tuyên truyền, chú ý nêu bật sự trưởng thành, kinh nghiệm hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của chính quyền các cấp trong nhiệm kỳ Đại hội XI Đảng bộ tỉnh; kết quả của công tác xây dựng Đảng, ưu điểm cũng như hạn chế, thiếu sót trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu toàn diện của tổ

chức Đảng từ tỉnh đến cơ sở; kết quả cải cách hành chính và thực hiện dân chủ trong mọi mặt đời sống xã hội. Tuyên truyền, cổ vũ kết quả thực hiện các phong trào thi đua thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI cũng như kết quả triển khai quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII của các cấp, các ngành, đơn vị trong tỉnh. Tăng cường tuyên truyền các tập thể và cá nhân điển hình tiêu biểu của tất cả thành phần xã hội và các thành phần kinh tế trong tỉnh, trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

IV. THỜI GIAN VÀ TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN:

Thời gian tập trung tuyên truyền trong tháng 11 và 12/2010. Tài liệu tuyên truyền, sử dụng Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ XII (nhiệm kỳ 2010 – 2015) do Tỉnh ủy phát hành và tài liệu Hỏi - Đáp về Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn, phát hành (trong tháng 12/2010, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy sẽ phát hành tập sách tuyên truyền Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII nhằm sử dụng tuyên truyền lâu dài).

TÀI LIỆU HỎI - ĐÁP
VỀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ
TỈNH BÌNH THUẬN LẦN THỨ XII
(nhiệm kỳ 2010 - 2015)

Câu hỏi 1: Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ XII (nhiệm kỳ 2010 - 2015) diễn ra khi nào?

Trả lời:

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 - 2015 diễn ra từ ngày 27 tháng 9 đến ngày 30 tháng 9 năm 2010 tại thành phố Phan Thiết. Tham dự Đại hội có 349 đại biểu.

Câu hỏi 2: Đại hội có ý nghĩa thế nào trong đời sống chính trị, kinh tế - xã hội trong tỉnh?

Trả lời:

Đại hội có ý nghĩa hết sức quan trọng trong đời sống đời sống chính trị, kinh tế- xã hội của tỉnh vì:

Thứ nhất, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII diễn ra trong bối cảnh thực hiện sự nghiệp đổi mới đất nước của Đảng, tỉnh ta tiếp tục tạo ra thế và lực mới, nhưng cũng có những khó khăn, thách thức do ảnh hưởng khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới; thiên tai, dịch bệnh xảy

ra ở nhiều nơi... Tuy nhiên, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết, nỗ lực, phấn đấu thực hiện đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra.

Thứ hai, Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm, đánh giá toàn diện những kết quả đã đạt được, những yếu kém, khuyết điểm cần khắc phục; rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (2006 – 2010), từ đó đề ra mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội 5 năm (2010 – 2015).

Thứ ba, Đại hội bầu chọn những đại biểu thật sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực chuyên môn để lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy kinh tế- xã hội tỉnh nhà phát triển nhanh và bền vững, tạo chuyển biến rõ rệt và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực đời sống chính trị, xã hội trong 5 năm tới.

Câu hỏi 3: Những thành tựu kinh tế qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2005 - 2010 là gì?

Trả lời:

Qua 5 năm (2006 - 2010) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nền kinh tế đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, đạt tốc độ tăng trưởng khá và phát triển tương đối toàn diện:

- Tổng sản phẩm nội tỉnh (GDP) tăng khá, bình quân 5 năm 2006 - 2010 đạt 12,8%.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đến năm 2010 tỷ trọng giá trị nông lâm - thủy sản giảm còn 20,5%; công nghiệp - xây dựng tăng lên 34,9%; thương mại - dịch vụ 44,6%. GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 1.093 USD, gấp 2,57 lần so với năm 2005. Một số chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt mục tiêu Đại hội đề ra. Trong đó:

+ Sản xuất nông- lâm- ngư nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng nâng dần chất lượng, hiệu quả. Các công trình thủy lợi được đầu tư, nâng cấp, nâng diện tích tưới chủ động. Chăn nuôi phát triển. Lâm nghiệp chuyển mạnh theo hướng xã hội hóa, nâng độ che phủ của rừng từ 36,7% (năm 2005) lên 38,4% (năm 2010). Lượng tàu thuyền công suất lớn khai thác xa bờ gắn với các dịch vụ nghề cá trên biển tiếp tục tăng.

+ Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển khá. Cơ bản hoàn thành quy hoạch các khu công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 16,4%/năm.

+ Thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển tương đối mạnh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội tăng bình quân 19,5%/năm. Giao thông - vận tải đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vận chuyển, đi lại của nhân dân. Mạng lưới bưu

chính viễn thông phát triển. Du lịch tăng trưởng khá, số lượng du khách đến tỉnh du lịch năm 2010 ước đạt 2,5 triệu lượt người, tăng bình quân 14,5%/năm. Hoạt động kinh tế đối ngoại chuyển biến tích cực; kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt 220 triệu USD, tăng bình quân 14,8%/năm.

+ Công tác tài chính, tín dụng có tiến bộ, thu ngân sách tăng khá, các nguồn lực được huy động cho đầu tư phát triển nhiều hơn. Thu ngân sách nhà nước trong 5 năm (2006 - 2010) đạt 22.523 tỷ đồng, tăng bình quân 14,4%/năm. Chi ngân sách nhà nước cơ bản đáp ứng những nhu cầu thiết yếu. Các nguồn vốn xã hội huy động cho đầu tư tăng nhanh.

Câu hỏi 4: Những kết quả đạt được trên lĩnh vực văn hóa, xã hội trong 5 năm qua (2006- 2010) như thế nào?

Trả lời:

Trong 5 năm qua, trên lĩnh vực văn hóa và xã hội đã tiếp tục chuyển biến tiến bộ trên nhiều mặt:

- Quy mô các ngành học, bậc học tiếp tục phát triển; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học được đầu tư theo hướng chuẩn hóa. Toàn tỉnh có 100% xã, phường, thị trấn giữ chuẩn quốc gia về phổ cập tiểu học- chống mù chữ và đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Hoạt động khoa học công nghệ đã hướng vào tập trung nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, hỗ trợ đổi mới thiết bị công nghệ, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ, chỉ dẫn địa lý cho các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm lợi thế của tỉnh.

- Trong 5 năm (2006- 2010), giải quyết việc làm cho 115.980 lao động; số lao động được đào tạo là 29.358 người. Đời sống của các tầng lớp nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng được chăm lo ngày càng tốt hơn. Đã cơ bản xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo và cận nghèo trong toàn tỉnh. Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 4%.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị của ngành y tế được nâng cấp và đầu tư mới. Chất lượng khám và điều trị bệnh được nâng dần. Các loại dịch bệnh được kiểm soát chặt chẽ; tỷ lệ tử vong tại các tuyến bệnh viện giảm. Các chương trình mục tiêu y tế quốc gia triển khai khá tốt. Hiện nay có 60% trạm y tế xã, phường, thị trấn (76/127) có bác sĩ; trẻ em 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 22% năm 2005 xuống còn 14%.

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, thể dục thể thao được đẩy mạnh và hướng về cơ sở; các thiết chế văn hóa, thể thao được quan tâm đầu tư. Công tác tôn tạo, phát huy các giá trị văn hóa được quan tâm nhiều hơn. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được mở rộng và đi dần vào chiều sâu.

Câu 5: Quốc phòng và an ninh trong 5 năm qua đã đạt được những kết quả gì?

Trả lời:

Trong 5 năm (2006- 2010), quốc phòng được củng cố và tăng cường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo

đảm. Thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được củng cố và tăng cường. Công tác nắm và dự báo tình hình an ninh chính trị có tiến bộ; công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, phòng chống nội gián, bảo vệ an ninh văn hoá- tư tưởng, an ninh kinh tế được chú trọng, giữ vững; sự phối hợp giữa các lực lượng trên địa bàn khá chặt chẽ, làm giảm sự gia tăng các loại tội phạm, giảm phạm pháp hình sự và tai nạn giao thông.

Công tác xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân theo hướng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại được quan tâm, ngày càng tốt hơn. Lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên thường xuyên được huấn luyện, củng cố và kiện toàn. Công tác gọi công dân nhập ngũ hàng năm đều đạt chỉ tiêu, chất lượng năm sau cao hơn năm trước.

Câu 6: Hoạt động của bộ máy nhà nước các cấp trong 5 năm qua như thế nào?

Trả lời:

Hoạt động của bộ máy nhà nước các cấp trong tỉnh tiếp tục được xây dựng, củng cố; hiệu lực và hiệu quả quản lý, điều hành được nâng lên.

Hoạt động của HĐND các cấp từng bước được đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả; hoạt động giám sát, chất vấn và trả lời chất vấn, tiếp xúc cử tri và tiếp công dân từng bước nâng dần chất lượng và hiệu quả. UBND các cấp và

các cơ quan chuyên môn được sắp xếp, củng cố, từng bước cải tiến phương thức hoạt động; khả năng nắm bắt, phát hiện, xử lý các tình huống xảy ra trên địa bàn có tiến bộ.

Cải cách hành chính được đẩy mạnh. Đã áp dụng rộng rãi cơ chế “một cửa liên thông” trên nhiều lĩnh vực. Công tác cải cách tư pháp được triển khai kịp thời và đồng bộ, tòa án cấp huyện được tăng thẩm quyền xét xử; chất lượng điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án ngày càng được nâng lên. Các biện pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí được thường xuyên chỉ đạo triển khai; số vụ tham nhũng từng bước giảm dần.

Câu 7: Khối đại đoàn kết dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa đã có những tiến bộ nào?

Trả lời:

Trong 5 năm qua, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường; dân chủ xã hội chủ nghĩa được mở rộng, sức mạnh cộng đồng được phát huy tốt hơn. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân được phát huy, chất lượng hoạt động từng bước nâng lên. Thông qua quy chế dân chủ ở cơ sở, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, trách nhiệm đối với cộng đồng và quyền làm chủ của nhân dân được nâng cao; huy động được nhiều nguồn lực cộng đồng cho đầu tư phát triển, chăm lo đời sống nhân dân, thực hiện các hoạt động nhân đạo, từ thiện...

Phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân được giữ vững và đẩy mạnh, góp phần tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

Câu 8: Công tác xây dựng Đảng trong 5 năm qua đã có những chuyển biến gì?

Trả lời:

Trong công tác xây dựng Đảng, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được nâng cao chất lượng và hiệu quả; cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng được triển khai đạt kết quả tích cực. Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, ý thức rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cán bộ, đảng viên có chuyển biến so với trước.

Bộ máy các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể thường xuyên được kiện toàn; công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách cán bộ được thường xuyên coi trọng và có một số tiến bộ.

Công tác kiểm tra, giám sát tiến hành thường xuyên; xử lý tổ chức đảng và đảng viên sai phạm được tiến hành đúng quy trình, bảo đảm nguyên tắc của Đảng, có tác dụng giáo dục tốt. Những vụ nổi cộm, tồn đọng được xem xét, giải quyết có kết quả.

Phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ từng bước được đổi mới theo hướng vừa bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy vai trò của chính quyền; sâu sát với thực tế của cơ sở.

Câu 9: Nguyên nhân của những kết quả đạt được là gì?

Trả lời:

Nguyên nhân của những thành tựu trên:

Một là, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ của các cơ quan Trung ương;

Hai là, các cấp uỷ đảng đã có nhiều cố gắng trong nghiên cứu, vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đề ra những nhiệm vụ, giải pháp tương đối sát hợp với thực tiễn tình hình địa phương;

Ba là, sự nỗ lực trong quản lý, điều hành của chính quyền các cấp và sự quyết tâm, phấn đấu của các tầng lớp nhân dân và cán bộ, đảng viên trong tỉnh.

Câu 10: Những yếu kém, khuyết điểm trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI là gì?

Trả lời:

Những yếu kém, khuyết điểm đáng quan tâm là:

- Kinh tế tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; hiệu quả còn thấp, sức cạnh tranh còn yếu. Công

nghiệp phát triển chưa mạnh; kinh tế du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; sản xuất nông nghiệp còn phân tán, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật còn hạn chế.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng vừa thiếu vừa yếu và chưa đồng bộ; ảnh hưởng không ít đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân trong tỉnh.

- Xuất khẩu còn yếu; huy động các nguồn lực chưa mạnh. Kim ngạch xuất khẩu đạt thấp so với mục tiêu đề ra.

- Chất lượng, hiệu quả của giáo dục- đào tạo, khoa học - công nghệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao có mặt còn hạn chế; an sinh xã hội còn một số vấn đề cần quan tâm.

- Quốc phòng, an ninh có mặt còn hạn chế, trật tự xã hội từng lúc, từng nơi còn diễn biến phức tạp. Ý thức cảnh giác cách mạng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa cao.

- Đổi mới tổ chức, hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp chưa theo kịp yêu cầu phát triển; dân chủ, kỷ cương trong đời sống xã hội chưa được bảo đảm đúng mức.

- Công tác vận động quần chúng chuyển biến chưa đều trong cả hệ thống chính trị và trên các địa bàn, các lĩnh vực.

- Công tác xây dựng Đảng một số mặt còn yếu kém, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng nhìn chung còn thấp.

Câu 11: Nguyên nhân chủ yếu của những khuyết điểm, yếu kém là gì?

Trả lời:

Do những nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Việc quán triệt các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong các cấp, các ngành chưa chắc, chưa sâu;
- Công tác dự báo và năng lực cụ thể hóa, tổ chức thực hiện còn nhiều hạn chế;
- Những nhiệm vụ trọng tâm và những lợi thế của tỉnh chưa được tập trung chỉ đạo đúng mức, một số vướng mắc kéo dài chậm được tháo gỡ;
- Công tác quản lý, điều hành của chính quyền các cấp và vai trò tham mưu của các ngành trên một số mặt còn bất cập;
- Năng lực, trách nhiệm, phong cách làm việc, phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn yếu.

Câu 12: Từ thực tiễn qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, rút ra kinh nghiệm gì?

Trả lời:

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Đại hội XII của Đảng bộ tỉnh rút ra một số kinh nghiệm sau:

Một là, trong lãnh đạo, chỉ đạo phải nắm vững và vận dụng sáng tạo các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nắm và phân tích chính xác tình hình, có quyết sách sát đúng để khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế của địa phương, làm tốt công tác dự báo, đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp với thực tiễn, tránh rập khuôn, máy móc.

Hai là, quá trình tổ chức triển khai thực hiện phải bảo đảm tính toàn diện; dồn sức vào những nhiệm vụ trọng tâm, mấu chốt có tính đột phá; tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, khó khăn; tăng cường đúng mức công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, hoạt động giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; quan hệ chặt chẽ với các cơ quan Trung ương.

Ba là, phát huy đúng mức dân chủ để phát huy năng lực sáng tạo của đội ngũ cán bộ; giữ nghiêm kỷ cương trong chấp hành và trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu ở mỗi cấp, mỗi ngành.

Bốn là, thường xuyên coi trọng công tác xây dựng Đảng trên cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức; đặc biệt phải ra sức xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực; giữ vững khối đoàn kết, nhất trí nội bộ; xây dựng niềm tin và thực sự gắn bó với nhân dân.

Câu 13: Mục tiêu chung trong nhiệm kỳ 2010- 2015 được xác định như thế nào?

Trả lời:

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra mục tiêu chung của 5 năm (2010- 2015) là: Tiếp tục phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống chính trị; huy động mọi nguồn lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế, thúc đẩy kinh tế tỉnh nhà phát triển theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa trên cơ sở cơ cấu công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế trong nước và quốc tế; cải thiện đời sống nhân dân; bảo vệ môi trường; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tạo chuyển biến rõ rệt, toàn diện và vững chắc các mặt của đời sống xã hội.

Câu 14: Những chỉ tiêu chủ yếu trong 5 năm (2010 – 2015) là gì?

Trả lời:

Những chỉ tiêu chủ yếu, đó là:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt bình quân khoảng 13,0 - 13,5%/năm. Trong đó: công nghiệp- xây dựng tăng 15,5 - 16,0%; dịch vụ tăng 15,0 - 15,5%; nông, lâm, ngư nghiệp tăng 5,5 - 6,0%. GDP bình quân đầu người năm 2015

đạt khoảng 2.200 USD. Phần đầu đến năm 2015, tỷ trọng công nghiệp- xây dựng chiếm 44,0 - 45,0%; dịch vụ chiếm 43,0 - 44,0%; nông lâm nghiệp chiếm 12,0 - 13,0% trong GDP. Huy động GDP vào ngân sách bình quân hàng năm (không kể thu trực tiếp từ dầu khí và thuế xuất nhập khẩu) là 11- 12%. Chi đầu tư phát triển so với tổng chi ngân sách địa phương bình quân hàng năm 35%. Đến năm 2015, đạt 730.000 tấn lương thực; 40.000 - 45.000 tấn cao su; 400.000 tấn thanh long; xuất khẩu đạt khoảng 370 triệu USD. Thu hút vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP bình quân hàng năm 50%.

- Giải quyết việc làm bình quân hàng năm 24.000 lao động. Đến năm 2015, hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi; tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 25%; tỷ lệ lao động qua đào tạo bằng các hình thức đạt 55%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 0,92%; bình quân hàng năm giảm từ 1,5 -1,7% hộ nghèo; 100% trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 9%; có 95% hộ nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Tỷ lệ độ che phủ rừng đến năm 2015 đạt 43,2%; giảm thiểu tình trạng khô hạn (cả về diện rộng và độ dài thời gian). Các đô thị mới và khu công nghiệp có hệ thống thu gom và xử lý chất thải đạt chuẩn quy định.

- Năm 2015, có 20 xã đạt các tiêu chuẩn nông thôn mới; có ít nhất 50% xã, phường vững mạnh toàn diện; có 80 -

85% xã, phường và cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ chiếm từ 1,6% đến 2% dân số.

- Đến năm 2015, phần đầu có ít nhất 50% tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh; trung bình mỗi năm phát triển 1.400 đảng viên; 75 - 80% tổ chức Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh.

Câu 15: Nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế trong 5 năm (2010 – 2015) là gì?

Trả lời:

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế trong 5 năm (2010 – 2015) là:

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng “Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp”; khai thác tốt tiềm năng và lợi thế của tỉnh. Coi trọng phát triển công nghiệp điện năng, công nghiệp chế biến, phục vụ xuất khẩu; ưu tiên cho các tập đoàn, chủ đầu tư có uy tín, có năng lực thực sự; các dự án sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, thân thiện môi trường.

- Đầu tư phát triển du lịch chất lượng cao, phát triển mạnh các ngành dịch vụ; đa dạng hoá và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch, dịch vụ; đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về hình ảnh quê hương, con người Bình Thuận; xử lý thật tốt các vấn đề về môi trường; đảm bảo tốt an ninh, trật tự tại các khu du lịch.

- Phát triển mạnh thương mại, dịch vụ, bảo đảm lưu thông hàng hóa nhanh, thuận tiện, thúc đẩy sản xuất phát triển, phục vụ tốt đời sống nhân dân; đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm lợi thế, chủ lực, nhất là thủy sản, thanh long, cao su, đồ gỗ gia dụng và mỹ nghệ, hàng may mặc và mở rộng xuất khẩu các mặt hàng mới.

- Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với giải quyết tốt các vấn đề nông dân, nông thôn; tập trung quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất nông nghiệp; phát triển lâm nghiệp theo hướng xã hội hóa, coi trọng bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học; phát triển thủy sản toàn diện và bền vững; gắn khai thác, nuôi trồng với chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu.

- Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế; tạo môi trường thông thoáng kêu gọi các thành phần kinh tế cả trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển trên tất cả các ngành, các lĩnh vực mà pháp luật không cấm.

- Làm tốt công tác tài chính, tín dụng đáp ứng yêu cầu vốn cho sản xuất - kinh doanh; quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu; triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách; làm tốt công tác huy động các nguồn vốn, bảo đảm đáp ứng nhu cầu vay phát triển sản xuất kinh - doanh.

Câu 16: Nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, xã hội như thế nào?

Trả lời:

- Tiếp tục triển khai các giải pháp đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; giữ vững kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và xóa mù chữ; đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo.

- Phát huy có hiệu quả các chương trình khoa học- công nghệ, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, bảo vệ môi trường; tiếp tục nghiên cứu các loại giống mới trong sản xuất nông - lâm nghiệp. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp vệ sinh phòng dịch; bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; triển khai tốt các chương trình y tế quốc gia; củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; coi trọng công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ thầy thuốc có y đức tốt, giỏi chuyên môn nghiệp vụ.

- Đặc biệt coi trọng công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; quan tâm đúng mức đến các đối tượng nằm trong diện giải phóng mặt bằng, lao động nông thôn, bộ đội xuất ngũ, học sinh, sinh viên mới ra trường...; làm tốt công tác giới thiệu việc làm và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Bằng những hình thức phù hợp, tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo; giảm nghèo một cách vững chắc.

- Đẩy mạnh xã hội hóa và chuyển mạnh các hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao về cơ sở; đưa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đi vào chiều sâu; xây dựng “Gia đình văn hóa”, “khu phố, thôn văn hoá” một cách thực chất.

Câu 17: Nhiệm vụ và giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên đất đai, khoáng sản và tài nguyên nước; bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu như thế nào?

Trả lời:

- Tăng cường quản lý nhà nước về đất đai; tiến hành kiểm kê, lập hồ sơ quản lý chặt quỹ đất công, quỹ đất chưa sử dụng, bảo đảm sử dụng đất đúng mục đích theo quy hoạch; khắc phục quy hoạch treo; hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các loại đất.

- Hoàn thành quy hoạch các loại khoáng sản; kiến nghị và phối hợp với các ngành Trung ương xử lý chồng lấn quy hoạch khai thác quặng titan, tháo gỡ các vướng mắc để triển khai các quy hoạch, dự án kinh tế khác.

- Quy hoạch, quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước; chống khai thác quá mức làm suy thoái, cạn kiệt nguồn nước. Mở rộng diện điều tra, đánh giá trữ lượng nước ngầm; quản lý tốt lưu vực sông và có biện pháp chống ô nhiễm, làm cạn kiệt nguồn nước ở các lưu vực sông chính.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong nhân dân để nâng cao ý thức giám sát, bảo vệ môi trường. Chủ động ngăn ngừa, hạn chế ô nhiễm, khắc phục tình trạng suy thoái môi trường. Có kế hoạch xử lý căn bản tình trạng ngập nước vào mùa mưa ở các đô thị.

Câu 18: Nhiệm vụ và giải pháp nhằm định hướng phát triển các vùng như thế nào?

Trả lời:

- Hình thành và phát triển không gian đô thị theo hướng văn minh, hiện đại gắn với phát triển mạnh kinh tế công nghiệp và dịch vụ, du lịch; hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các vùng trong tỉnh; tăng cường công tác quản lý đô thị một cách toàn diện.

- Phát triển toàn diện kinh tế biển cả về khai thác, chế biến, nuôi trồng, dịch vụ hậu cần gắn với phát triển đa dạng các dịch vụ du lịch; tập trung khắc phục tình trạng xâm thực đảo Phú Quý và dải ven biển.

- Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng gắn với quy hoạch phân bố lại dân cư, xây dựng nông thôn mới; tiếp tục chuyển

đổi cơ cấu cây trồng, con nuôi phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng vùng, bảo đảm hiệu quả; thực hiện đồng bộ các chính sách, giải pháp về giao khoán đất, rừng; khuyến nông, khuyến lâm...

Câu 19: Nhiệm vụ và giải pháp củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh như thế nào?

Trả lời:

- Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh; gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân vững mạnh; coi trọng nâng cao ý thức cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị.

- Tăng cường chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đủ số lượng, đảm bảo chất lượng. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn công dân nhập ngũ hàng năm. Quản lý chặt chẽ quân dự bị động viên ở từng cấp; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

- Xây dựng lực lượng Công an nhân dân ngày càng trong sạch vững mạnh; coi trọng giáo dục nâng cao bản lĩnh chính trị, ý chí chiến đấu, phẩm chất, đạo đức cách mạng; làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của lực lượng.

- Xây dựng lực lượng Biên phòng của tỉnh ngày càng vững mạnh, là lực lượng nòng cốt, chuyên trách trong việc bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh vùng biển; tham gia phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng thực lực chính trị, tạo nền tảng để xây dựng nền biên phòng toàn dân.

Câu 20: Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và nâng cao năng lực và hiệu quả điều hành, quản lý của bộ máy nhà nước các cấp là gì?

Trả lời:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và cơ quan thường trực Hội đồng nhân dân; phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân trên các lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

- Kiện toàn bộ máy các cơ quan nhà nước theo hướng tinh gọn, điều hành tập trung thống nhất. Xây dựng chính quyền cấp cơ sở đủ sức quản lý nhà nước và giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh trên địa bàn. Đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa liên thông”.

- Tiếp tục cải cách tư pháp, xây dựng các cơ quan bảo vệ pháp luật trong sạch vững mạnh, thực sự là công cụ sắc bén, chỗ dựa tin cậy của nhân dân. Không ngừng nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

Câu 21: Nhiệm vụ và giải pháp phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân?

Trả lời:

- Chăm lo củng cố sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân, trọng tâm là thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Cán bộ, đảng viên và các tổ chức trong hệ thống chính trị phải chăm lo lợi ích chính đáng, thiết thực của dân; sâu sát cơ sở, lắng nghe ý kiến của dân, giải quyết khó khăn, xử lý kịp thời những vấn đề bức xúc trong nhân dân.

- Thực hiện tốt Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở. Đi đôi với giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, giữ vững kỷ cương phép nước, phê phán và xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, những hành vi lợi dụng dân chủ để gây rối, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Câu 22: Nhiệm vụ và giải pháp công tác xây dựng đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng?

Trả lời:

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương pháp công tác tư tưởng. Tăng cường công tác giáo dục chính trị - tư tưởng,

tạo sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động trong toàn Đảng bộ; tiếp tục đưa Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đi vào chiều sâu.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị các cấp từ tỉnh đến cơ sở. Xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh; có trình độ chuyên môn tốt; có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; có phong cách làm việc sâu sát, khoa học.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng các cấp; trước hết là năng lực vận dụng cụ thể hoá và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đảng. Chú trọng củng cố tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn, doanh nghiệp, các đơn vị thuộc khối nội chính, các cơ quan trọng yếu.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp, trọng tâm là kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chấp hành kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện nhiệm vụ và ý thức rèn luyện tu dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng của người đảng viên.

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả công tác của các cấp ủy đảng. Cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành phải sâu sát cơ sở, sát nhân dân, phát hiện và xử lý kịp thời những bức xúc xã hội nảy sinh.

Câu 23: Những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung lãnh đạo trong nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII (nhiệm kỳ 2010 – 2015) là gì?

Trả lời:

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu trong 5 năm tới, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra 6 nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung sức lãnh đạo như sau:

1- Ra sức xây dựng và chỉnh đốn Đảng mà trọng tâm là nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và công tác cán bộ gắn với đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm và tiếp tục đưa Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” vào chiều sâu.

2- Bằng mọi biện pháp tích cực, tạo bước chuyển mạnh mẽ trong phát triển công nghiệp.

3- Huy động mọi nguồn lực cải tạo và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, tập trung trước hết vào hạ tầng các khu công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, điện; chú ý các xã nông thôn mới.

4- Coi trọng đúng mức công tác giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

5- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; khẩn trương tập trung tháo gỡ những vướng mắc trong các quy hoạch, đặc biệt là quy hoạch rừng, đất đai, khoáng sản, tạo cơ sở để thúc đẩy các mặt của tỉnh nhà phát triển thuận lợi và bền vững.

6- Tập trung giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc về xã hội, trước hết là môi trường, trật tự xã hội, tình trạng khiếu kiện đông người.

Câu 24: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII (nhiệm kỳ 2010 – 2015) bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ, Đoàn Đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng như thế nào?

Trả lời:

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010- 2015 đã thống nhất số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XII) là 55 đồng chí. Tại Đại hội bầu 53 đồng chí, còn 02 đồng chí sẽ bổ sung vào thời điểm thích hợp trong nhiệm kỳ. Đại hội bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng gồm 14 đại biểu chính thức và 01 đại biểu dự khuyết.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XII) họp phiên đầu tiên bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 14 đồng chí. Đồng chí Huỳnh Văn Tí tiếp tục được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy; hai đồng chí Lê Tiến Phương và Nguyễn Mạnh Hùng được bầu làm Phó bí thư Tỉnh ủy. Đại hội cũng bầu Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy gồm 09 đồng chí, đồng chí Hoàng Đình Nghĩa được bầu làm Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy./.

CÁC LẦN ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỈNH BÌNH THUẬN

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập (3/2/1930), ở tỉnh Bình Thuận cũng hình thành nhóm Cộng sản ở làng Đại Nấm, Phú Hội vào đầu năm 1930 và đến cuối năm, chi bộ đảng ở làng Tam Tân được thành lập do đồng chí Ngô Đức Tồn làm Bí thư.

Đầu tháng 6 năm 1945, 5 đồng chí đảng viên từ nhà tù Ban Mê Thuột trở về thành lập Ban vận động Việt Minh lâm thời tỉnh Bình Thuận do đồng chí Nguyễn Sắc Kim phụ trách chung. Sau khi giành chính quyền về tay nhân dân vào ngày 24 tháng 8 năm 1945, Xứ ủy Trung Kỳ cử đồng chí Nguyễn Dân vào phụ trách Tỉnh ủy lâm thời và sau khi đồng chí Dân bị bệnh mất, đồng chí Nguyễn Đức Dương được chỉ định thay thế.

Tháng 4 năm 1947, Hội nghị cán bộ tỉnh Bình Thuận được tổ chức tại Triền để bàn về công tác phát triển Đảng, củng cố chính quyền, đoàn thể quần chúng, củng cố lực lượng vũ trang, phát triển kinh tế kháng chiến. Hội nghị bầu Ban Chấp hành gồm 9 đồng chí, 3 đồng chí Thường vụ và đồng chí Trần Quỳnh (Mai) làm Bí thư. Đến tháng 10/1947, đồng chí Quỳnh chuyển đi tỉnh khác, đồng chí Nguyễn Đức Dương thay làm Bí thư.

Tất cả các hội nghị trên chưa phải là Đại hội Đảng bộ tỉnh.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ I:

Vào tháng 8 năm 1949, tại căn cứ Cóc Chua (nay là xã Hồng Phong) Đảng bộ tỉnh đã tiến hành Đại hội Đại biểu lần thứ nhất. Đại hội kiểm điểm, đánh giá tình hình thời gian qua và đề ra nhiệm vụ năm 1950 về công tác xây dựng Đảng, kiện toàn công tác mặt trận và dân vận. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 7 ủy viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Diêu được bầu làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Đình Huê làm Phó Bí thư.

Đến tháng 10 năm 1950, hội nghị cán bộ tỉnh đã bầu đồng chí Hồ Liên (Hoàng Bích Sơn) làm Bí thư thay đồng chí Nguyễn Diêu.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ II:

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II tổ chức vào tháng 8 năm 1952 tại khu căn cứ Lê Hồng Phong. Đại hội đã thảo luận về công tác tư tưởng và đề ra nhiệm vụ mới. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 17 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Côn, Bí thư Ban Cán sự Cực Nam kiêm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Gia Tú là Phó Bí thư.

Khi thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954) về Việt Nam, đồng chí Trần Lê thay đồng chí Nguyễn Côn làm Bí thư Ban Cán sự Liên tỉnh 3 và kiêm Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận.

Tháng 6 năm 1956, đồng chí Võ Dân thay đồng chí Trần Lê làm Bí thư Tỉnh ủy.

Tháng 5/1958, đồng chí Võ Dân bị bệnh từ trần, đồng chí Nguyễn Gia Tú thay phụ trách Tỉnh ủy và sau đó được chỉ định làm Bí thư.

Tháng 5 năm 1961, đồng chí Lê Văn Hiền được cử làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Gia Tú làm Phó Bí thư.

Năm 1968, đồng chí Lê Văn Hiền chuyển về công tác ở Khu VI, đồng chí Nguyễn Gia Tú được chỉ định làm Bí thư⁽¹⁾.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ III:

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ III khai mạc vào ngày 15/7/1970 tại căn cứ Xa Lôn. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 19 ủy viên. Đồng chí Lê Thứ (Mười Bắc) được bầu làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Quý Đôn làm Phó Bí thư.

Đến đầu 1974, đồng chí Lê Thứ chuyển về công tác ở Khu VI, đồng chí Nguyễn Quý Đôn thay làm Bí thư.

(1) Năm 1967, các huyện Hòa Đa, Tuy Phong, Phan Lý, Hải Ninh lập thành tỉnh Bắc Bình, do đồng chí Nguyễn Gia Tú làm Bí thư. Tháng 8/1968 giải tán tỉnh Bắc Bình, sát nhập vào Bình Thuận và tháng 8/1968 thành lập tỉnh Bình Tuy gồm các huyện: Hàm Tân, Hoài Đức, Tánh Linh và thị trấn La Gi, do đồng chí Lê Khắc Thành làm Bí thư Tỉnh ủy cho đến cuối 1975.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ IV:

Đầu năm 1976, ba tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy sát nhập thành tỉnh Thuận Hải.

Đảng bộ tỉnh Thuận Hải tiến hành đại hội đại biểu từ ngày 26/2 đến 3/3/1977 tại thị xã Phan Rang, có 354 đại biểu đại diện cho 5.300 đảng viên trong tỉnh về dự. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 39 ủy viên. Đồng chí Lê Văn Hiến được bầu làm Bí thư, đồng chí Trần Đệ và đồng chí Trần Ngọc Trác làm Phó Bí thư.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ V:

Tại thị xã Phan Thiết, từ ngày 16 đến 23/10/1979 đã diễn ra Đại hội Đại biểu tỉnh Thuận Hải có 331 đại biểu đại diện cho 7.885 đảng viên trong tỉnh về dự. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 45 ủy viên (41 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết). Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Lê Văn Hiến được bầu làm Bí thư và đồng chí Trần Đệ và đồng chí Trần Ngọc Trác được bầu làm Phó Bí thư.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ VI:

Từ ngày 3 đến ngày 7/3/1983 tại thị xã Phan Thiết, Đảng bộ tỉnh Thuận Hải tiến hành đại hội. Đại hội bầu Ban Chấp

hành gồm 41 ủy viên chính thức và 4 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Lê Văn Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng được bầu làm Bí thư, đồng chí Trần Đệ và đồng chí Trần Ngọc Trác làm Phó Bí thư.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ VII:

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Thuận Hải diễn ra tại thị xã Phan Thiết từ ngày 12 đến ngày 18 tháng 10 năm 1986, có 517 đại biểu thay mặt cho hơn 10.000 đảng viên về dự. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 51 đồng chí và Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Mãn Tấn Dũng được bầu làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Trung Hậu và đồng chí Ngô Triều Sơn làm Phó Bí thư. Sau đó đồng chí Nguyễn Trung Hậu thay đồng chí Mãn Tấn Dũng làm Bí thư.

Sau khi có Nghị quyết của Quốc hội khóa VIII ngày 20/10/1991 phân chia tỉnh Thuận Hải thành hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, tháng 4/1992, Ban Chấp hành lâm thời tỉnh Bình Thuận do đồng chí Ngô Triều Sơn làm quyền Bí thư, đồng chí Đinh Trung - Ủy viên Thường vụ trực Đảng.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ VIII:

Từ ngày 29 đến 31/12/1992, tại thị xã Phan Thiết, Đảng bộ Bình Thuận tiến hành Đại hội Đại biểu lần thứ VIII. Đại

hội có 234 đại biểu đại diện cho gần 8.500 đảng viên ở 9 huyện, thị và 4 đảng ủy trực thuộc về dự.

Đại hội đề ra nghị quyết và phương hướng, nhiệm vụ nhằm phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể thời kỳ 1992 - 1995. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 38 ủy viên; Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí và đồng chí Đinh Trung được bầu làm Bí thư, đồng chí Đặng Văn Hải làm Phó Bí thư và đồng chí Nguyễn Quang Tường - Ủy viên Thường vụ trực Đảng.

Đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng (khóa VII) tháng 01/1994, đồng chí Đinh Trung được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, từ ngày 17 đến 19/3/1994 Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ tỉnh (khóa VIII) đã bầu bổ sung 4 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ IX:

Tại thị xã Phan Thiết, từ ngày 25 đến 27 tháng 4 năm 1996, đã tiến hành Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ lần thứ IX. Có 348 đại biểu đại diện cho 9.447 đảng viên sinh hoạt trong 469 tổ chức cơ sở Đảng trong toàn tỉnh về dự.

Đại hội kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ VIII và đề ra phương hướng, nhiệm vụ

nhiệm kỳ IX (1996 - 2000). Trong đó nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm để phát triển kinh tế - xã hội làm tiền đề cho tỉnh nhà bước vào thế kỷ XXI. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 43 ủy viên. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí. Đồng chí Đinh Trung, Ủy viên Trung ương Đảng được bầu làm Bí thư, đồng chí Đặng Văn Hải và đồng chí Nguyễn Quang Tường làm Phó Bí thư.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ X:

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X diễn ra từ ngày 13 đến ngày 16/2/2001 tại thành phố Phan Thiết, với 359 đại biểu đại diện cho trên 12.000 đảng viên sinh hoạt tại 534 tổ chức cơ sở Đảng trong toàn tỉnh đã về dự. Đại hội đã tổng kết, kiểm điểm, đánh giá những kết quả đạt được, những yếu kém tồn tại và rút ra những nguyên nhân, kinh nghiệm; đồng thời đại hội đã quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu nhiệm kỳ 2001 - 2005 nhằm đưa tỉnh nhà phát triển nhanh, bền vững theo hướng CNH - HĐH.

Đại hội đã bầu 42 đồng chí vào BCH và BCH đã bầu 9 đồng chí vào Ban Thường vụ. Đồng chí Nguyễn Ánh Minh - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Ban Tổ chức TW được Bộ Chính trị cử về làm Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Huỳnh Văn Tí được BCH bầu làm Phó Bí thư.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XI:

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ XI họp từ ngày 7/12 đến ngày 9/12/2005 tại thành phố Phan Thiết, có 298 đại biểu về dự.

Đại hội đã bầu 49 đồng chí vào BCH và BCH đã bầu 13 đồng chí vào Ban Thường vụ. Đồng chí Huỳnh Văn Tí được BCH bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Huỳnh Tấn Thành và đồng chí Lê Tiến Phương được BCH bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XII:

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 – 2015 được tổ chức từ chiều ngày 27/9 đến sáng ngày 30/9/2010 (Đại hội trù bị chiều 27/9) tại thành phố Phan Thiết, với sự tham gia của 349 đại biểu ưu tú, đại diện cho ý chí, trí tuệ của trên 22.000 đảng viên thuộc Đảng bộ tỉnh.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 – 2015 đã bầu 53 đồng chí vào BCH và BCH đã bầu 14 đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đồng chí Huỳnh Văn Tí tiếp tục được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2010 -2015; hai đồng chí Lê Tiến Phương và Nguyễn Mạnh Hùng được bầu giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời giới thiệu</i>	3
- Tổng quan Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ XII	5
- Nội dung chủ yếu trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 - 2015	14
- Tổng hợp ý kiến phát biểu tại Đại hội góp ý vào dự thảo báo cáo chính trị của Tỉnh ủy khóa XI trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII	54
- Kết quả biểu quyết các nội dung và chỉ tiêu chủ yếu trong dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 - 2015.	74
- Tổng hợp ý kiến thảo luận tại Đại hội góp ý vào các dự thảo văn kiện Trung ương trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.	83

- Phiếu tổng hợp ý kiến tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII về một số điểm bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng. 95
- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 - 2015 107
- Trích tham luận góp ý vào dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII. 128
- Hướng dẫn tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 - 2015. 228
- Tài liệu Hỏi - Đáp về Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ XII (nhiệm kỳ 2010 - 2015). 234
- Các lần Đại hội Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Bình Thuận. 259

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH THUẬN
LẦN THỨ XII (2010 - 2015)

** Chịu trách nhiệm xuất bản:*

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY BÌNH THUẬN

** Biên tập:*

- **BÙI THẾ NHÂN**
- **LÊ VĂN BẢY**
- **DƯƠNG TỰ**
- **NGUYỄN VĂN NĂM**

** Tư liệu, trình bày và sửa bản in:*

- **LÊ MINH DUY**
- **LÊ THỊ PHƯƠNG**

In 1.000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Công ty Cổ phần In và Bao bì Bình Thuận. Giấy phép xuất bản số: 110/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Bình Thuận cấp ngày 14/12/2010. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12/2010.

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
DIVISION OF THE PHYSICAL SCIENCES
DEPARTMENT OF CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

1950

1951

1952

1953

1954

1955

1956

1957

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
DIVISION OF THE PHYSICAL SCIENCES
DEPARTMENT OF CHEMISTRY
PHYSICAL CHEMISTRY



